

VAN-HOC

= TẠP-CHÍ =

= Cơ quan chuyên khảo cứu, =
bàn soạn, giảng giải về quốc-văn

MỤC LỤC

1 — Kính cáo độc giả	1
2 — Thơ ca đối với tâm hồn người ta	3
3 — Sự dùng điển trong thơ văn.	9
4 — Quốc văn bình giảng.	14
5 — Ngọa long cương văn	17
6 — Thi thoại : cụ Nguyễn-Công-Trứ	25
7 — Cụ Phan Thanh-Giản.	30
8 — Tại sao ta đọc thơ văn lại thấy cảm	32
9 — Cảm tưởng về lối kịch nước nhà	33
10 — Chính - phụ ngâm dịch ra Pháp-văn	40
11 — Dịch hán văn : gương đế-vương	48
12 — Văn, thơ	58
13 — Giới thiệu sách, báo	68
14 — Những cái lạ trong lối văn thơ	71
15 — Tiểu thuyết : Hoa-lư kết-nghĩa	73
16 — Cảm tưởng với cuộc ngụ-giá hồi loan	81
17 — Từ hán.	85
18 — Tự học tiếng Ăng-lê	89
19 — Tự học tiếng Quảng-Đông	97
20 — Việt Hán Pháp từ điển	105

KỶ NÀY CÓ CHÂN DUNG ĐỨC BẢO - ĐẠI
CHÂN DUNG CỤ PHAN-THANH-GIẢN VÀ ẢNH CHỤP TỰ-TÍCH CỤ

CHỦ - BÚT : Dương-Bá-Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương-Tự-Quán

TÒA - BÁO

193, Phố hàng Bông — Hanoi

GIẤY NÓI : 766

VĂN HỌC TẬP CHÍ

Ai gửi bài lai cáo hay thư từ gì về việc báo, như mua báo, trả tiền báo, đăng cáo bạch vào báo, vân, vân. Xin viết cho ông **Dương Tự Quán CHỦ-NHIỆM BÁO VĂN-HỌC**
193, phố hàng Bông Hanoi

CẤM KHÔNG AI ĐƯỢC PHIÊN DỊCH HAY IN LẠI NHỮNG BÀI VÀ ẢNH TRONG BẢN-CHÍ, TRỪ KHI NÀO BẢN-CHÍ CHỦ BÚT HAY CHỦ-NHIỆM CÓ CHO PHÉP THÌ KHÔNG KỂ

GIÁ BÁO	{		12 số	6 số
			Bắc Kỳ, Trung-Kỳ, Nam-Kỳ	4\$00 2\$10
			Ai-Lao, Cao-Mên	4.50 2.40
			Pháp và ngoại-quốc	5 50 2.90

Mua báo xin trả tiền trước

Ai đăng quảng cáo, xin đến hay viết thư về Tòa báo thương lượng

XIN CHÚ Ý — Trong Tập-Chí này có mấy mục như :
Từ-Hàn — Tiểu-thuyết — Tự học tiếng Ảng Lê — Tự học tiếng
Quảng-Đông — Việt-Hàn Pháp từ-điển, thì mỗi kỳ đều đăng
đủ số trang và thành một khuôn riêng để các độc-giả
— ● sau này muốn lấy ra đóng thành tập cho tiện ● —

MỜI XUẤT BẢN

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

(OPÉRATIONS DE BANQUE)

CỦA DƯƠNG-TỰ NGUYỄN soạn

Quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán thường phải giao-liệp với các nhà băng, các nhà tư thương có tiền bạc gửi tại các nhà Băng và các học trò trẻ tuổi có hy vọng sẽ vào làm việc trong các nhà băng. — Giá bán 1\$00. Cước 0\$25

Bán tại : Đông-Tây ấn-quán, 193 phố hàng Bông — Hanoi
và các hàng sách ở các tỉnh.

Hội các nhà văn-sĩ

Nghe nói các nhà văn-sĩ cũng đang tổ-chức hội « Ái hữu » để gây tình thân-thiện cho khỏi châm-chích lẫn nhau và bênh-vực quyền ngôn-luận cho nhau. Kỳ họp đại hội - đồng vừa rồi mỗi ông một ý cũng rắc - rối lắm. Ông thì bàn : Cánh mình đã có văn-chương nhưng còn thiếu võ-lực, ta phải kíp tổ-chức ngay ban thể-thao mới được.

Nếu vậy ký-giả xin giới-thiệu các ngài : Nhà TỊNH-KÝ, 84 phố đầu Cầu đất — Haiphong là hàng người Việt-nam buôn nhiều raquettes và đồ tập thể-thao lắm.

LÊ VÕ - SĨ

BÁO PHONG - HÓA

do ông
NGUYỄN-TƯỜNG-TAM
LÀM CHỦ-NHIỆM
Mới chấn chỉnh lại
khác hẳn trước



Cần thiết
hoạt động
vui vẻ

8 hay 12 trang (khổ nhật trình)

GIA : 7 xu

BÁO ĐÔNG - PHƯƠNG

do ông
TRẦN - VỸ
LÀM CHỦ-NHIỆM
Mới tái bản
đẹp, hay hơn trước

Mục đích
là gây nên một
mối dư luận chân
chính để làm đích cho
quốc dân xu hướng, truyền
bá tư tưởng mới về
văn-học, khoa học
chính trị xã-hội
văn, văn.

Sà phòng thơm « Rồng Nam »

Của hiệu NGUYỄN-NGỌC-THÁI — RẠCH - GIÁ
Đã được thưởng ở nhiều cuộc Đấu - Xảo

GIA : 0\$15

Đại - lý Trung, Bắc - Kỳ,
QUẢNG - VẠN - THÀNH

Nội Hóa

120, PHỐ BONNAL, HAIPHONG

HIỆU ĐÔNG-PHÚ

41, PHỐ HÀNG NGANG

— HANOI —

MỞ ĐÃ 8 NĂM NAY

CHUYÊN BÁN TƠ, LỤA, THE, LĨNH, LƯỢT

■ HÀNG TÂY, HÀNG TÀU, HÀNG TA ■

■ CÓ BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ ■

CÓ GỬI ĐI XA, CHẮC CHẮN VÀ NHANH CHÓNG

THUỐC NỘI HÒA

Bản đường da công khảo cứu đủ hết các môn thuốc nam, chế tạo ra các thuốc Cao đan hoàn tán. Bệnh nào có đủ thuốc ấy, linh nghiệm như thần, xa gần ai cũng biết tiếng. Đã được bằng khen, và được Hội-đồng khoa-học xét nghiệm, cấp cho văn bằng danh dự sáng chế. Thực là một nhà thuốc rất giá trị của người Việt-Nam.

Cần dùng nhiều người làm Đại-lý ở khắp các tỉnh trong xứ Đông-Dương.

Thẻ lệ rất hay. Hoa hồng rất hậu

Ngài nào sẵn lòng chiêu cổ đến thuốc Nội-Hóa để chấn hưng cho thực nghiệp nước nhà, và dũ mối lợi quyền cho xã-hội, xin cứ gửi thơ cho nhà thuốc

NAM - THIÊN - ĐƯỜNG

46. Rue Bacninh Nam-Định mà lấy trương trình và catalogue.

Trung-Hung ! Trung-Hung !

(SỐ NHÀ 105, ĐƯỜNG PAUL BERT — HUẾ — ANNAM)

THƯ - QUẢN

Đại-lý các sách, báo, tạp-chí Trung Nam, Bắc ;
Xuất bản và mua bản quyền các thứ sách có giá trị ;
Nhận thông tin tức và lấy hình ảnh cho các báo chí ;
Nhận khảo-cứu sự-tích thuộc về lịch-sử, địa-dư bản-quốc.

ĐUỐC-NHÀ-NAM

KÍNH - CÁO ĐỒNG - BÀO

ĐUỐC-NHÀ-NAM là cơ-quan ngôn luận chung của quốc-dân Việt-Nam, ra hàng ngày 6 chương, bài đăng lựa chọn, tin tức đầy đủ, số in nhiều nhất tại Saigon, và do M. NGUYỄN-PHAN-LONG chủ trương.

Ba năm nay ĐUỐC-NHÀ-NAM không được lưu hành ở Trung Bắc, nhưng mới đây do nghị-định của quan Khâm-sứ Trung-kỳ ngày 18 Août và nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 30 Août, đã cho ĐUỐC-NHÀ-NAM lưu hành khắp Trung Bắc rồi.

Xin đồng-bào chiêu-cổ ĐUỐC-NHÀ-NAM

Giá báo một năm 15\$00, sáu tháng 8\$00 ba tháng 4\$00, một tháng 1\$50 một số 7 xu Báo quán số 72, rue Lagrandière, Saigon.



Nước hoa hiệu CON VOI



Jasmin, Violette, Fleur d'Amour,



Quelques Fleurs, Rose, Menthe.

1 lọ 3 grammes : 0\$20 — 1 tá : 1\$80

1 lọ 6 grammes : 0.30 — 1 tá : 2.70

1 lọ 20 grammes : 0.70 — 1 tá : 6.30

BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ

PHÚC - LỢI — .79, Paul Doumer — HAIPHONG

Các hiệu to các tỉnh có bán



LỘ NHUỘM

KIM THỜI

82, B^d Bonard, 82. - Saigon



*80 người thợ nhuộm tinh hảo,
nhuộm ròng chàm annam, bảo
kiết không trở đỏ. Nhuộm theo
nước lạnh sông Hương, đen
huyền, muốt và mịn màng.*

Xin quý bà nhuộm thử theo kiểu
Saigon thì quý bà được bằng lòng.

NGUYỄN - KHẮC - TRƯỞNG

Cấp bằng trường thêu dệt thành Lyon (France)

Ai mua ! ai bán !

TOÀN

NỘI-

HÓA !!

XIN TÌM ĐẾN

HIỆU BUÔN TOÀN NỘI - HÓA

LU'U-KIM-QUANG CÔNG-TY

VIỆT-HU'NG

HỮU - HẠN CÔNG - TY, VỐN \$ 3.200,00

62, PHỐ CẦU ĐẤT, 62

== HAIPHONG ==

VĂN-HỌC TẠP-CHÍ

Kính cáo độc-giả



Văn - học tạp - chí mới ra đời mà được các anh em chị em trong nước hoan - nghênh một cách đặc - biệt. Chúng tôi lấy làm hân-hạnh và cảm-kích lắm.

Muốn đáp tấm thịnh - tình ấy, và muốn chiều ý nhiều bạn đọc báo, nên bắt đầu từ tháng Octobre 1932

này, tạp-chí sẽ ra đúng kỳ hạn, mỗi tháng xuất bản 2 lần : ngày 1^{er} và 15. Tạp-chí ra như vậy :

- 1° để các Ngài khỏi phàn nàn về nổi chậm có báo xem ;
- 2° để có thể theo thời-sự mà đăng những tin quan-trọng xảy ra trong văn-giới, mong cho Văn-học trở nên một cơ-quan chung của những người chuộng văn-học.



Tạp - chí cũng vẫn một khuôn khổ này, trừ những trang quảng-cáo, còn vừa đúng 56 trang, giá bán 0\$18.

Giá tiền mua năm cũng vẫn như trước, không thay đổi gì, duy chỉ có khác là trước kia mua số mà nay thành mua năm.

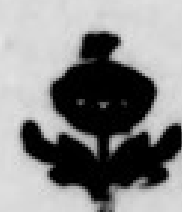
Giá báo :	trước 12 số	nay một năm	trước 6 số	nay 6 tháng
Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ,	4\$00	4\$00	2\$10	2\$10
Ai - lao, Cao - mên	4.50	4.50	2.40	2 40
Pháp và Ngoại-quốc	5.50	5.50	2.90	2.90



Đối với các Ngài mua 12 số thì trừ 4 số (kể cả số này) gửi đi, chúng tôi sẽ gửi thêm 16 số nữa (từ số 5 đến số 20); đối với các Ngài mua 6 số thì chúng tôi sẽ gửi thêm 4 số nữa (từ số 5 đến số 8).



Bắt đầu từ số 5 này, bản - chí xin hứa hết sức làm cho tập Văn-Học về nội dung cũng như về hình-thức, một ngày một thêm hay, thêm đẹp để khỏi phụ lòng tin cậy của các Ngài. Ngoài những mục đã có từ trước, bản-chí mở thêm vài mục mới để cho được có phần vui vẻ và hoạt động, lại có nhiều tranh ảnh để có vẻ mỹ-quan hơn trước.



Muốn cho có đủ thì giờ sửa soạn thực hoàn - toàn, nên số 5 đúng 15 Octobre 1932 mới xuất - bản mà số này để gộp hai tháng Aoút, Septembre 1932 cho khỏi gián - đoạn. Xin các Ngài lượng biết.

V. H. T. C.



THƠ CA ĐỐI VỚI TÂM HỒN NGƯỜI TA

Một nhà hiền triết nước Hi-Lạp ngày xưa là ông PLATON có nói rằng: các thi-sĩ vô ích cho nước nên đuổi cả đi. Câu nói ấy làm cho ta phải lấy làm lạ. Xưa nay, ta vẫn hâm-mộ tôn-sùng các bậc thi-nhân, nước nào sản-xuất ra được các bậc thi-hào cũng lấy làm vẻ vang vinh-dự. Thế mà nhà hiền-triết kia lại coi các bậc ấy là phường vô dụng không nên để sống ở trong một đất nước. Vậy thì các thi-sĩ có đáng cái tội ấy không? Các nhà ấy có hẳn là vô ích cho đời, làm hại cho nước, không có công gì với xã-hội không? Vấn-đề ấy ta cũng nên đem ra mà bàn xét cho kỹ.

Đối với một người thô-thiên chỉ vụ thực-lợi, thì các nhà ấy quả là vô-ích thật. Trong một xã-hội, các người doanh-nghiệp làm ra các tài-sản để ứng-dụng cho các điều nhu-yếu của người ta; các nhà khoa-học phát-minh các lẽ bí-hiềm trong vũ-trụ, sáng chế ra các máy móc tân-kỹ để làm cho sức mạnh của người ta ngày một tăng lên, cuộc sinh-hoạt của loài người ngày một sung sướng thêm; các nhà học-giả nghiên-cứu nghĩ ngợi, khám phá ra được lý này thuyết nọ, có quan-thiết đến cuộc tiến-bộ của quốc-gia dân-tộc. Các hạng người ấy đều có công với đời cả. Chứ như các thi-sĩ không sinh-sản ra cái gì lợi, không phát-minh ra cái gì hay, chỉ ngâm hoa vịnh nguyệt, trong trí chỉ mơ màng những chuyện hảo huyền, xuất đời chỉ mê tưởng

đến cảnh tiên cảnh mộng, còn có ích gì cho người đời. Đó là những người chỉ đứng về phương-diện thực-tế, phán đoán công việc của các nhà làm thơ làm ca như vậy.

Mà xét cho kỹ thì các thi-sĩ thật không có bổ ích gì về đường vật-chất thực. Nhưng ta phải biết người ta có phần sắc lại có phần hồn, trong cuộc sinh-hoạt của người ta cũng có cuộc sinh hoạt về đường vật-chất, lại có cuộc sinh-hoạt về đường tinh-thần. Trừ ra một số ít người vô tri vô giác, sống ở trên đời như một cái cây, một hòn đá không kể, còn ai đã có chút tư-tưởng, chút cảm-tình thì ngoài sự ăn no mặc ấm, ngoài cuộc sinh-hoạt của thân thể, còn có cuộc sinh-hoạt của tâm-hồn mà cuộc này cũng quan-trọng bằng cuộc kia, cũng có những điều nhu-yếu cần phải thỏa-mãn thì hạnh-phúc con người ta mới hoàn-toàn mà sự sống ở trên đời mới có thú-vị. Thơ ca đã đành là không có ích gì cho cuộc sinh-hoạt về đường vật-chất, nhưng chưa hẳn là vô ích cho cuộc sinh hoạt về đường tinh-thần. Vậy ta phải xét xem thơ ca có ảnh-hưởng gì đến tâm-hồn con người ta? Cái ảnh-hưởng ấy thế nào? tốt hay xấu? hay hay dở?

* * *

Cụ NGUYỄN-BÁ-Học là một nhà sư-phạm gần đây, trong một bài luận về “Văn-chương” có nói: «Thơ phú, ca dao có văn có điệu, chỉ dùng để ngâm nga, không suy ra thực sự, chẳng những vô ích mà lại có lúc làm cho mê-mẩn mất cả tinh-thần, lô-diểm sai cả cảnh thực.» Cứ như lời phán đoán ấy thì thơ ca chẳng cũng có hại cho tâm hồn người ta lắm ru? Tại sao tác-giả đối với thơ ca, lại hạ lời nghiêm-khắc như vậy? Cứ bình-tĩnh mà xét thì thơ ca cũng có nhiều bài, nhiều cuốn có cái di-hại ấy. Vì những thơ ca ấy không trọng chân-lý mà thiên về tình-cảm, và không vụ thực-sự mà giàu về mộng-tưởng.

Sao lại nói là *tình-cảm*? Vì trong những thơ ca ấy, tác-giả thường đem các mối tình u-ẩn chứa chất ở trong lòng

nỗi đau, nỗi buồn, nỗi mong nhớ, nỗi thương tiếc. mà diễn ra lời văn phổ vào âm-điệu, khi thì êm-đềm du-dương, khi thì réo-rắt âm-thầm, khiến cho người đọc phải cảm động, mỗi chữ mỗi câu như kêu gọi các nỗi đau buồn trong lòng mình, các việc ghi nhớ trong trí mình. Cũng bởi thơ ca hay vì tình mà không hay vì lý, mà thường tình buồn lại cảm-động người ta hơn là tình vui, nên nhiều khi thơ ca làm cho nỗi lòng tê-tái, tinh-thần mê-mẩn, tâm-hồn người ta như chìm đắm vào trong cõi tình, mất hết cả chí gắng gỏi, lòng hăng hái, có hại đến sự-nghệp của người ta.

Sao lại nói là *mộng-tưởng*? Nhà làm thơ hoặc gặp những cảnh trái ý, hoặc thấy những điều thương tâm, nên thường mơ màng những cảnh êm-đềm tốt-đẹp, mô-tả những cuộc vui vầy sung sướng khác nào như cảnh tiên cảnh mộng không thể có ở trên cõi đời này. Mà ngay những cảnh thực các nhà ấy mô-tả ra, cũng thường tô-điểm thêm vào cho hay cho đẹp, không đúng với chân - cảnh nữa. Cũng bởi thế nên người đọc nếu không biết suy xét phân biệt, thì dễ nhận nhầm cảnh mộng làm cảnh thực mà tưởng chừng như ở trên đời này thường được gặp những cảnh êm-ái, những cuộc vui vầy ấy, thành ra lúc ra đời gặp những nỗi éo le khe khắt, những chuyện thương tâm thảm mục, thì dễ sinh ra chán nản buồn sầu.

Cụ Nguyễn-bá-Học là một nhà sư-phạm thấy thơ ca có cái hại ấy mà cái hại ấy đối với bọn thiếu-niên lịch-duyet còn ít, tâm chí chưa định, lại càng sâu xa lắm, nên mới « xử án » thơ ca một cách nghiêm-nghị như thế.

Nhưng ta phải biết cái tội ấy không phải là cái tội chung của các thi-sĩ mà cái hại ấy không phải là cái hại tất có của cả các bài thơ ca. Cứ bình-tĩnh mà xét, thì chỉ những thi-sĩ đa sầu đa cảm, các bài thơ ca phong-tình sầu tình mới gây nên cái hại ấy. Mà cái hại ấy cũng chỉ những người không biết suy nghĩ, xét đoán, hay đắm đuối vào cõi tình, lầm cảnh mộng với cảnh chân, thì mới mắc phải. Chứ

những người có trí-tl ực có lịch-duyệt biết suy-xét lựa-
chọn thì dù có đọc đến thơ ca dở cũng không bị hại.

*
* *

Nay lấy số nhiều mà nói, thì thơ ca đối với tâm-hồn người ta có ảnh-hưởng hay mà trong cuộc sinh hoạt của người ta cũng nhờ có thơ ca mới có thú-vị và thêm sung-sướng. Trước hết thơ ca có thể *di-dưỡng được tính-tình ta*. Ta thường nghiệm ra sau khi làm lung, tinh thần mỗi mệt, tính-tình khô khan, nếu được đọc một bài thơ, ngâm một bài ca thì thấy trong lòng khoan khoái thanh thoi. Ngay đến người làm ăn lam - lũ như người đi cày, người đi cấy, anh phu xe, chị gánh nặng mà cũng thường ngheu ngao vài câu phong-dao, mấy câu Kiều lấy để quên nỗi nhọc nhằn của họ. Vì một bài thơ một câu ca cũng không khác gì một bức tranh đẹp, một khúc đàn hay có thể làm tiêu-tán được những nỗi nhọc-mệt để cho tâm thần ta được lại hơi, lại sức mà làm việc về sau. Vậy thì thơ ca cũng là một cách giải-trí mà lại là một cách giải - trí tao-nhã thanh-cao.

Thơ ca lại *nuôi cái lòng hi-vọng của người ta*. Người đời thường khát khao những cái hay, cái đẹp, những cảnh êm-đềm, những tình âu-yếm. Thế mà ở trên đời thường gặp nhiều nỗi cực khổ, nhiều cảnh trái ngược, làm cho ngã lòng thối chí, không có nghị-lực mà phấn đấu với đời. Nay được ngâm một bài thơ, đọc một bài ca, trong đó tác - giả mô-tả những cảnh êm-đềm, diễn-đạt những tình hòa nhã, hợp với những điều trí mình vẫn ước ao, hồn mình vẫn mơ-tưởng, nhờ đấy mà quên được nỗi đau khổ ở trên đời. Người đọc thơ ca khác nào như người đi chơi những nơi núi sông đẹp-đẽ, cây cỏ xanh tươi, tự thấy trong lòng thanh thoi khoan khoái. Đành rằng cái cảm-giác ấy cũng chỉ có trong một thời-gian ngắn-ngủi, nhưng người ta cũng nhờ được những lúc ấy mà không đến nỗi chán ngán và còn có bụng muốn sống mà làm việc đời.

Thơ ca lại *nâng cao tâm-hồn người ta lên*. Người ta nếu lúc nào cũng hì hục trong vòng danh - lợi, lo nghĩ về việc làm ăn, ganh đua một chút hư-danh, cạnh tranh một chút tiểu-lợi, thời tư-tưởng cũng vì đấy mà nhỏ-nhen, phẩm-cách cũng vì thế mà thấp kém. Thuýnh - thoảng có được đọc những bài thơ ca diễn - đạt những lý-tưởng sâu xa, tính - tình tao-nhã, thời tâm-hồn người ta cũng nhờ đấy mà quên được các việc nhỏ-nhen hèn thấp ở trên đời mà cảm-xúc được cái hay, cái đẹp. Vì thơ ca cũng là một nền mỹ-thuật mà mỹ-thuật thì không chủ lợi. Ta ngắm một bức tranh, một pho tượng, nghe một khúc đàn thời có được lợi gì. Song ta được hưởng một cái thú riêng là cái thú chỉ khi nào ta đứng trước một cái gì đẹp mới thấy cảm đến lòng ta. Chính nhờ cái mối cảm-xúc ấy mà ta giữ được tính-tình cao-thượng, tâm-hồn thanh - tao.

Đó là nói chung về các lối thơ ca. Nhưng chính trong thơ ca cũng có nhiều bài chủ-ý răn dạy người đời về đạo tu-thân xử-thế, khuyến - khích những điều trung - hiếu tiết - nghĩa. Tuy ở nước ta không có những khúc anh-hùng ca sánh được với những khúc của các nhà thi-sĩ Hy-Lạp, La-Mã đời xưa, những bài thơ triết-lý sâu xa như tập thơ của ông VIGNY bên Pháp, những tập ngụ - ngôn lý-thú như tập ngụ-ngôn của ông LA FONTAINE, nhưng cũng có nhiều bài thơ ca ngụ ý khuyên dạy người ta về việc sửa tâm rèn tính, về đạo làm người, phép xử thế.

Tóm lại mà nói, thì tuy thơ ca cũng có ít bài là những bài phong-tình sầu-tình có thể làm mê-hoặc tinh-thần, sai lạc cảnh thực có hại đến tâm-hồn người ta, nhưng phần nhiều có ảnh-hưởng tốt ; vì vừa là một cách tiêu-khiển làm quên được nỗi nhọc-nhắn đau khổ ở trên đời, khiến cho người ta có nghị-lực để làm việc ; vừa là những bài học hay gây nên những tính-tình tao-nhã khiến cho người ta giữ được phẩm-cách

thanh - cao. Vậy thơ ca vẫn có thể coi được là một món nuôi hồn bổ trí, nên đọc nên ngâm, miễn là ta biết lựa chọn và biết suy xét không để cho trí ta bị sai lầm vì những điều mê-mộng, lòng ta bị đắm đuối vào trong cõi dục-tình.

HẢI - LƯỢNG



BẢN CHÍ

KHẢI SU

Bản chí muốn mỗi kỳ in ảnh một bậc tiền-bối đã có công trong việc trừ-thuật hoặc văn-học nước ta để kỷ-niệm những bậc ấy.

Vậy trong các bạn đọc báo, ngài nào có giữ được hoặc tìm thấy bức ảnh hoặc bức truyền-thần của một thi-sĩ văn-gia nào đã mất, xin gửi đến cho bản-chí, cước-phí về việc gửi, bản-chí xin chịu. Bản-chí cam-doan xin giữ gìn cẩn-thận, và sau khi làm cliché để in, sẽ gửi trả tử-tế. Trong cliché sẽ ghi tên ngài nào đã gửi ảnh đến cho mượn và xin gửi báo tặng.

NÓI CHUYỆN VỀ VĂN-CHƯƠNG

Sự dùng điển trong thơ văn

Bản-chi vừa tiếp được bài sau này của ông PHAN-KHÔI bàn thêm về việc dùng điển trong thơ văn (V. H. T. C. số 2) vậy xin đăng lên đây để các bạn đọc báo cùng xem.

●

Mới rồi tôi đọc bài « Việc dùng điển trong thơ văn » của ông Hải-Lượng đăng ở tạp-chí văn-học số 2, nên viết ra bài này.

Thế nào gọi là điển ? — Ông Hải-Lượng đáp : « Điển là một chữ hoặc một câu có ám-chỉ một người, một vật, một lời nói, một sự tích xưa, khiến cho người xem phải nhớ đến người ấy, lời ấy hoặc việc ấy mới hiểu được cái lý-thú câu văn ».

Rồi ông lấy thí-dụ trong truyện Kiều, lúc Kim-Trọng mời nàng Kiều đánh đàn cho nghe, nói : *Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ*. « Chung-Kỳ » ấy là một cái điển đó.

Ông lại cũng lấy luôn câu *Trải qua một cuộc bể dâu* làm thí dụ nữa, cho rằng đó cũng là dùng điển.

Ông Hải-Lượng còn cử ra nhiều thí-dụ, đại khái cũng là hiệp với cái định nghĩa của chữ « điển » của ông trên kia. Sau hết ông lấy thí-dụ đến câu *Mừng thăm cò đã đến tay* mà nói rằng ấy là dùng điển câu tục-ngữ « cò về tay ai nấy phát ».

. . .

Rồi đó ông bàn đến cái công-dụng của điển và chỗ cần-yếu của sự dùng điển. Ông nói :

« Điển dùng khéo thì làm cho câu văn gọn gàng, ít chữ mà nhiều ý. Tỉ như hai chữ « bề dâu » cụ Nguyễn-Du dùng để nói các cuộc biến đổi ở trên đời, hai chữ « Phiếu-mẫu » (trong câu *Mà lòng Phiếu-mẫu mấy vàng cho cân*, tác-giả cũng có lấy làm thí-dụ) để nói đến một bậc ân-nhân đã có lòng cứu mang kẻ cùng khốn thì thật là gọn ghẽ mà bao-hàm được nhiều ý-nghĩa.

« Nhiều khi làm văn, nếu dùng lời nói thường mà điển-đạt ý tưởng thì lời văn nhạt-nhẽo vô-vị ; giá dùng một điển gì mà khiến cho người đọc phải nhớ đến một câu văn cũ, một sự tích xưa, thì lời văn thành ra đậm-đà lý thú. . . .

« Làm văn có khi phải nói đến những điều khó nói, nếu dùng lời thường thì hoặc thô-tục, hoặc sỗ-sàng, những chỗ ấy mà khéo dùng điển thì ý tứ vẫn được rõ ràng, mà lời văn lại thành trang nhã. Như khi nàng Kiều thấy Kim-Trọng có ý lả-loi, nói mấy lời này đề cự tuyệt : *Vả chi một đóa yêu-đào, vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh. Đã cho vào bậc bố-kính, đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu v. v. . . .*

« Điển tích nhiều khi lại là chứng cứ trong văn-chương nữa. . . . Dùng điển cũng là một cách dẫn chứng. Tuy không dẫn nguyên cả câu văn cổ hoặc kể rõ hẳn một việc cũ, nhưng cũng làm cho người đọc phải nhớ đến câu ấy, việc ấy mà thừa nhận cái ý-tưởng của mình. »

* * *

Cuối cùng, tác-giả khuyên những người làm văn ngày nay nên lược-lặt những điển-cổ trong sử ta, trong thơ văn xưa và tục-ngữ của nước ta ra mà dùng, không nên chuyên dùng những điển-tích ở sách Tàu cả, vì có khi làm cho khó hiểu.

Tuy vậy trong sự dùng điển, ông Hải-Lương có hạn chế, mà sự hạn-chế của ông tôi rất lấy làm phải. Ông nói :

« Cách dùng điển nên cho vừa phải, không nên lạm dụng quá mà làm cho lời văn vì thế thành ra tối nghĩa ; phải cho đích đáng, nghĩa là lời xưa hoặc việc xưa mình lấy làm điển phải hợp với ý mình nói ; phải cho tự-nhiên, không câu-nệ cầu-kỳ quá ; lại phải cho thích-hợp với lời văn, giọng văn, vì có chỗ dùng chữ thường lại hay hơn dùng điển-tích ; phải cho mới mẻ biến-hóa không dùng nhiều chữ sáo. »

* * *

Bao nhiêu ý cốt của bài ông Hải-Lương, tôi đã dẫn cả lên trên đây thì cũng biểu đồng tình. Một điều còn muốn thương-xác lại với ông là sự định nghĩa về chữ « điển ».

Những cách đặt đề trong văn-chương, theo ý tôi tưởng, nếu phân-tích ra được tinh-tế chừng nào thì càng hay chừng nấy ; bằng như phân tích không tinh-tế, nói một cách u-òà xấp-nhập thì có giản-tiện thật, nhưng mà thành ra thô-thiển quá, kém mất cái vẻ mỹ-thuật của văn chương đi. Ấy là sự có quan hệ về tu từ-học (Rhétorique) nếu ta bàn luận cùng nhau cho đến chỗ tinh-tế tưởng chẳng phải là không có ích.

Nếu cho rằng phân-tích cho tinh-tế là phải và cũng là cần thì cái định-nghĩa chữ « điển » của ông Hải-Lương và mấy cái thí-dụ ông cử ra trên đây sẽ thành ra vắn-đề.

Trước hết nói về mấy cái thí-dụ.

Theo ý tôi thì duy có cái thí-dụ đầu hết ; « Nước non luống những lẳng tai Chung kỳ », thì mới kể được là dùng điển.

Nhiều người tưởng trong câu ấy chỉ có chữ « Chung Kỳ » là điển, chứ không ngờ cả chữ « nước non » với chữ « Chung-kỳ » ứng nhau mà thành ra điển. Vì sách nói khi Bá-Nha gảy đàn mà chí ở nước thì Chung-Kỳ nói « chí tại lưu thủy » ; khi Bá-Nha chí ở núi (non) thì Chung-Kỳ nói « chí tại cao-sơn », nên câu Kiều ấy dùng chữ « nước non » để cắt nghĩa chữ « lưu-thủy cao sơn » ra, hiệp với chữ « Chung-Kỳ » thành ra cái điển nói về sự nghe đồn giỏi. Mà sở-dĩ gọi được một cái điển, là bởi nó là một cái việc đã xảy ra.

Thế thì, theo nghĩa trên đây, cái định-nghĩa chữ « điển » của ông Hải-Lượng thành ra được chỉ có bốn chữ « một sự tích xưa » là thích dụng : còn không thích dụng nhất là ba chữ « một lời nói ».

Căn-cứ vào đâu mà tôi nói như vậy ? Tôi căn - cứ ở hai điều :

Một là : Ta nói *dùng điển*. Tàu cũng nói *dụng điển* (用典) và cũng có nói *sử sự* (使事) nữa. *Sử sự*, nghĩa đen là *khiến việc*, có ý là sai khiến việc đời xưa bắt nó ứng-dụng trong bài văn của mình đời nay. Đã gọi việc là điển, tức nhiên chỉ có « sự tích xưa » mà thôi, chứ « lời nói » không phải là điển.

Hai là : Theo cái thuật - ngữ (*mot technique*) trong làng văn ta ngày xưa, cách đặt đề như ông Hải-Lượng nói đó có chia ra làm hai thứ : một là *dùng điển* ; một là *lấy chữ*. Khi nào dùng việc gì xảy ra đời xưa, có chép trong sách, đặt vào bài văn của mình mới gọi là *dùng điển*. Còn khi cũng dùng như vậy mà không phải là việc (có lẽ giống ông Hải-Lượng chỉ về *một lời nói*), thì phải gọi là *lấy chữ*. Nhưng theo ông Hải-Lượng đây thì sự *lấy chữ* đó ông cũng đánh nhập vào mà kêu là *dùng điển* hết.

Theo đó thì cái thí dụ thứ nhì trên kia là *lấy chữ* chứ không phải *dùng điển*. Chữ *bể dâu* đó theo

một câu nói của người đời xưa chớ không phải việc đã xảy ra. Nói một *cuộc bể dâu* cũng như nói một *cuộc đời biến cải*, chẳng qua đem chữ *bể dâu* thay cho chữ *biến cải* chớ chẳng gì lạ. Theo văn-học Pháp thì cái danh-từ *bể dâu* ấy chỉ gọi được là cái *métaphore* mà thôi; mà chỉ có *allusion* thì mới kêu là *diễn* được.

Cái thí-dụ thứ ba trên kia lại càng không kêu là *diễn* được nữa. « Cờ vào tay ai nấy phất », chỉ là một cái thành-ngữ (*expression*); dùng thành-ngữ có kể là dùng *diễn* được đâu.

*
* *

Đây là tôi cứ theo nghĩa hẹp của chữ *diễn* mà bác-bẻ cái bài của ông Hải-Lượng đó thôi; chớ cái định-nghĩa của ông ấy chẳng phải là chẳng có thể thành-lập nếu theo nghĩa rộng.

Nghĩa rộng nghĩa hẹp của một chữ hay một danh-từ là tùy mình cho nó. Nếu cho chữ *dùng diễn* một nghĩa rộng, rồi bao nhiêu những sự dùng thành-ngữ, dùng tỉ-dụ (*métaphore*), dùng sự-tích xưa đều nhốt vào đó hết thì cũng không phải là không được. Như thế thì cái định-nghĩa của ông Hải-Lượng trên kia lại thành lập được liền.

Đây là một cái vấn-đề về văn-học ở trong phạm-vi tu-từ, nếu chúng ta không bàn-định và giải-quyết từ bây giờ thì về sau sẽ lồi thoi hoài mà sách tu-từ-học không bao giờ làm nên.

PHAN-KHÔI



QUỐC-VĂN BÌNH-GIANG

Bạn đến chơi nhà

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây ta với ta.

NGUYỄN - KHUYẾN (*Tam - nguyên Yên - Đỗ*)

Chú thích. — *Trẻ* : tiếng chỉ chung vợ con trong nhà.
— *Chài cá* : dùng chài để đánh cá. — *Chài* : một thứ lưới hình tròn, người ta quăng xuống nước để đánh cá. *Rụng rốn* : khi quả bầu (hoặc mướp) vừa kết thành hình thì các cánh hoa và nhị hoa còn bám ở cuối quả, khi rụng hẳn cả thì người ta bảo là « rụng rốn » (ví với cái cuống rốn của đứa trẻ mới đẻ được ít lâu rụng đi). Quả bầu vừa rụng rốn thì còn bé chưa thể ăn được. — *Đầu trò* : bắt đầu ra trò ; khởi đầu làm việc gì để tiếp tục đến việc sau.

Giải nghĩa. — Bài thơ này là nhân một có ông bạn đến chơi, cụ Yên - Đỗ không có cơm rượu, trầu cau để thết bạn, mới đọc cho bạn nghe để tả cái tình của mình đối với bạn.

Bạn đã lâu mới đến chơi, thật là vui mừng (*câu phá*), đáng lẽ phải làm cơm rượu thết bạn, đề cùng nhau chén tác chén thù cho vui; nhưng cảnh-ngộ oái-oăm, khiến mình phải ngồi nói chuyện suông với bạn, là tại có gì? Là vì vợ con thì đi vắng cả mà chợ thì xa (*câu thừa*), thành ra không thể sai ai đi mua thức ăn và làm cơm rượu đề thết bạn.

Khi gặp cảnh bất thường, phải biết quyền-biến; nay không có ai đi chợ thì tìm thức ăn ở trong nhà ngoài vườn đề thết bạn, mà « cây nhà lá vườn » như thế lại càng quý lắm. Nhưng khốn một nỗi: tìm trước kiếm sau, không có thức gì làm « đồ nhắm rượu » được.

Bảo bắt cá ư? Thì ao sâu nước cả khó lòng mà bắt được cá (*câu 3*)! Bảo bắt gà ư? Nhưng vườn thì rộng, rào lại thừa, dòn đuôi sao được gà (*câu 4*)! Không có gà có cá, thì rau dưa vậy. Nhưng cái chửa mọc thành cây, lấy lá đâu mà cắt; cà chưa đâm ra nụ, lấy quả đâu mà hái, bầu thì chưa rụng rốn, mướp thì còn đương hoa, đều chưa thể ăn được (*hai câu 5,6*).

Mà ngay đến « miếng trầu là đầu câu chuyện » cũng không có nữa. Tình cảnh naur thế, thôi thì cùng với bạn ngồi nói chuyện cho vui vậy (*hai câu hết*).

Phê-bình. — Bài thơ này hay ở chỗ nào? Hay là bởi tình-tự thành-thực mà thiết tha. Bè bạn chơi với nhau cốt ở cái bụng yêu kính nhau, không ở chỗ cơm no rượu say. Có gặp cái cảnh bất thường như cảnh cụ Yên - Đỗ trong bài này mới tỏ được cái tình thân-ái thành-thực của hai người. Cụ mở bài nói:

Đã bấy lâu nay bác tới nhà,

thật là thấy bạn đến chơi, thỏa lòng mong đợi bấy lâu, vui mừng khôn-xiết; sau kể nông-nỗi vì đâu mà không thể thết bạn cơm rượu được, rồi kết lại một câu rằng:

Bác đến chơi đây ta với ta,

thật là âu-yếm vui vầy, rõ cái lòng thân thiết của hai

người lấy sự gặp nhau làm vui thú chứ không tưởng gì đến các cái khác cả.

Bài thơ này lại hay ở lời văn bình - thường, giọng điệu tự-nhiên, xuất từ đầu đến cuối, không có chỗ nào cầu-kỳ kiêu-cách, thật như trong bụng thể nào nói ra thể ấy vậy.

Một bài thơ thuần nôm không dùng một chữ Hán nào, một điển tích nào, mà được hay như thế cũng là một bài thơ hiếm có trong quốc-văn ta.

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM.



CẢI CHÍNH

Trong V. H. T. C. số 2, trang 27, trong bài thơ « Thu âm » của cụ NGUYỄN-KHUYẾN, câu thừa-đề in là:

Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe,
nay xin đổi là :

Ngõ tối đêm khuya đóm lập lòe.

Nếu trong câu thơ ấy đặt chữ « đêm sâu » (nghĩa là đêm tối lắm trông như vực sâu) thì trái với ý câu thứ 4 tác-giả nói đến « bóng giăng loe », vì đêm đã sáng giăng sao lại tối ngòm được. Nay tra trong « Quế-sơn thi tập » của cháu cụ Yên-Đồ là ông NGUYỄN-THANH-ĐÀM sưu tập thì chép là « đêm khuya, » vậy chữ « khuya » là đúng, vì ý nghĩa rõ ràng mà không trái với câu thứ 4.

NGOÃ LONG

CU'ONG VÂN

Bài này của ông ĐÀO-DUY-TỪ là một bậc công - thần về đời đức Hi-Tôn (tức là chúa Sãi) nhà Nguyễn (1613-1635). Nguyên ông quê ở Thanh hóa, có tài học giỏi, nhưng vì là con nhà xướng hát, không được đi thi, mới vào trong Nam định theo giúp chúa Nguyễn. Lúc mới vào, chưa có người tiến-cử, bèn đến ở chẵn trâu cho một nhà giàu ở phủ Hoài-nhân (nay thuộc tỉnh Bình-định.) Trong lúc ấy, ông làm bài này để tự vi mình với ông Gia-cát-Lượng (1) bên Tàu. Sau có ông Trần-đức-Hòa biết là người có tài, đem tiến cử với chúa Sãi. Chúa cho làm chức nội-tán. Sau ông có công to trong việc đắp đồn xây lũy để chống lại họ Trịnh ở ngoài Bắc; cái "Định bắc trường-thành" ở Quảng bình, ta thường gọi là "Lũy Thầy", chính do ông đắp lên.

Bài này do cụ Binh-bộ thượng-thư PHẠM đại-nhân bảo sao ở một bản trong nội-các gửi ra cho; Bản-chỉ xin có lời trân-trọng cảm tạ cụ lớn.

Bản sao này còn nhiều chỗ nghi (những chỗ nghi đều đánh dấu hỏi). Vậy xin nhờ các bậc bác-nhã trong nước có thấy bản nào đúng hơn thời cải - chánh những chỗ sai lầm cho (2).

(1) Gia-cát-Lượng, tự là Khổng-Minh, là một bậc danh-tướng nhà Thục về đời Tam-quốc bên Tàu. Trước ông ở ẩn trong một cái nhà tranh trên núi Ngõa-Long (Ngõa-Long nghĩa là con rồng nằm), sau vua Lưu-Bị ba lần đến vời, ông mới chịu ra làm tướng.

2) Trong khi Bản-chỉ sửa soạn cho in bài này, lại tiếp được của ông Hồi Chi Ngô Lê Tổ, Đốc học trường Dégi, Phà Mỹ một bản về bài này nữa. Trừ những câu giống nhau, những câu nào khác xin biên chừa ở dưới.

Ngựa xe châu giã ban lô (1)
 Thấy thiên võ cử đời xưa luận rằng :
 An nguy trị loạn đạo hằng, (2)
 Biết thời sự ấy ở chung sĩ hiền. (3)
 Hán từ tộ răn vận truyền, (4)
 Ba phân chân vạc bốn bên tranh hùng. (5)
 Nhân tài tuy khắp đời dùng, (6)
 Đua trên trường lợi áng công vội giành. (7)
 Nào ai lấy đạo giữ mình, (8)
 Kẻ đua tới Ngụy người dành về Ngô. (9)
 Nam-dương có kẻ ân nho, (10)
 Khổng-minh là chữ, trượng phu khác loài.
 Ở mình đều vẹn năm tài, (11)
 Phúc ta gấm ắt ý trời hậu vay. (12)
 Diêm lành thụy lạ đã hay, (13)
 Đời này sinh có tài này ắt nên.
 Bèn xem lẳng lẳng một hiền, (?) (14)
 Nhà tranh lều cỏ, tính quen bơ sờ. (15)
 Ba căng phong nguyệt hứng thừa,
 Bốn mùa đều có xuân ưa bốn mùa.

-
1. Sách đông triều giảng ban trưa.
 2. Trên đời trị loạn lẽ hằng,
 3. Biết cơn bỉ thái ở chung sĩ hiền.
 4. Hán từ tộ răn vận truyền.
 5. Ba chia chân vạc bốn phương tranh hùng.
 6. Nhân tài mấy có đời dùng,
 7. Đua nhau trường lợi án công vội giành.
 8. Nào ai trung nghĩa giữ mình,
 9. Kẻ đua tới Ngụy, người dành qua Ngô.
 10. Nam dương có sĩ ân-nho,
 11. Một mình vẹn đủ ba tài,
 12. Phước nhà sớm trở ắt trời hậu vay.
 13. Diêm lành thụy lạ tốt thay,
 14. Bèn xem mòn mòn một hiền.
 15. Thảo mao chi sá tánh quen bơ thờ.

Nước non khéo vẽ nên đồ :

Thấp cao phượng diều, quanh co rồng nằm. (16)

Vững bền chủ khách chiêu đãi, (?) (17)

Minh-đường rộng mở thiên tâm phẳng bằng. (?) (18)

Tri âm những đứng khác hẳng.

Mặt non bội bội, mây giăng lửng diềng. (?) (19)

Đất lành cầu khí linh thiêng.

Một bầu thế-giới thiên-nhiên hữu tình. (20)

Lâm tuyền trong có thị thành,

Phàm trần tựa ít, cảnh thanh thêm nhiều. (21)

Thú vui bốn thú thêm yêu,

Kìa ngư, nọ mục, ấy tiều, này canh.

Hạc già chực cửa nghe kinh,

Trái dâng màu thắm, thực xanh vượn qui. (22)

Gốc ngăn, trúc uốn vo ve, (23)

Ngõ đua hạnh tía, hiên khoe cúc vàng. (24)

Khúc cầm cổ cầm cung soang, (25)

Ca ngâm lương-phủ đạo càng hứng mau. (26)

Cửa kho vô tận xiết dàu, (27)

Thú vui thừa thế ai dàu mặc ai. (28)

Thanh nhàn dưỡng tính hôm mai,

Ghềnh trong cuộc nguyệt, bãi ngoài cây mây (29)

16. Thấp cao phụng múa, quanh co rồng nằm.

17. Vững bền chủ khách chào thăm,

18. Minh-đường rộng mở thiên tâm thẳng bằng.

19. Cát thung bầu bạn, mây trang láng diềng.

20. Một bầu thế-giới địa thiên hữu tình.

21. Phong trần những ít cảnh thanh thêm
nhiều.

22. Trái dâng màu thắm, vượn xanh trước qui

23. Gác tường bóng trúc thưa che,

24. Ngõ đua hạnh tía, đạo khoe cúc vàng.

25. Khúc cầm cổ nguyệt cung xang,

26. Ca ngâm lương phủ đạo càng hứng cao.

27. Trận xem đồ họa xiết dàu,

28. Thú vui thừa thú, ai dàu mặc ai.

29. Dảnh trong cuộc nguyệt, khóm ngoài cây mây.

Lợi danh nào chút nhúng tay,
 Chẳng hiềm tạo-vật không say thế-tình. (30)
 Dựa song hé bức mảnh mảnh,
 Găm chung đời trước công danh mấy người. (31)
 Doãn chưa dặng lẽ Thang mời, (32)
 Cây kia chưa dễ buông nơi nội Sần. (33)
 Lữ dù chưa gặp xe Văn,
 Càn kia chưa dễ gác cầu Bàn-kê.
 Găm xem thánh nọ hiền kia,
 Tài này nào có khác gì tài xưa.
 Nẻo màu mỗi nhiệm binh cơ, (34)
 Lược-thao đã đọc, thất thư lại bàn. (35)
 Nương long lão biết thế gian, (?) (36)
 Máy linh trời đất tuần hoàn lâu thông. (37)
 Thảo lai trong có anh hùng,
 Miếu đường chống vững thấy còn tài cao (38)
 Có phen xem tượng thiên-tào,
 Kia ngôi khanh tướng nọ sao quân thần.
 Có phen binh pháp diễn trần (39)
 Điều sà là trận, phong vân ấy đồ.
 Có phen thơ túi rượu hồ,
 Thanh y sớm chúc, hồ-nơ tối mời (40)
 Chốn trong danh giáo có vui, (41)
 Bàng nhân chẳng biết rằng người ẩn trên

-
30. Chẳng hiềm tạo vật, chẳng tây thế tình.
 31. Găm chung xưa trước công danh mấy người.
 32. Doãn chưa dặng lẽ thang vời.
 33. Cây kia chưa dễ buông nơi nội sần.
 34. Nẻo màu máy nhiệm binh cơ,
 35. Lược thao đã đọc, binh thư lại bàn.
 36. Huyền vi lão biết cơ quan,
 37. Lễ trong trời đất, tuần hoàn tay thông.
 38. Miếu đường chống vững đức cùng trời cao.
 39. Có phen binh pháp cao trần,
 40. Thanh y qui trúc, hồ nô miệng đời.
 41. Dối trong danh-giáo là vui,

Hùm ngấm gió thổi tự-nhiên,
 Chúa tôi sao khéo hợp duyên thay là.
 Ngạc-thư mở phát (?) tàu qua, (42)
 Xe loan tam khuất hai ba phen vời.
 Giốc lòng phò chúa giúp đời, (43)
 Xoay tay kinh - tế ra tài đồng lương. (44)
 Cá mừng gặp nước Nam - dương, (45)
 Rồng bay thiên hán vội vàng làm mưa.
 Chín lần lễ đãi quân sư,
 Phấn vua lây bén móc mưa gọi nhuần (47)
 Hai vai gánh nặng quân thân,
 Chín phần ở thảo mười phần chọn ngay (48)
 Binh quyền việc nấy đương tay,
 Lâm cơ chế thắng một nầy địch muôn.
 Trận bày Bắc-vọng thiên đồn,
 Bạch hà dụng thủy Hầu đồn chạy giải (49)
 Ra cờ mới biết sức trai,
 Có tài thiệt chiến có tài tấn công.
 Bổng nghiêm (2) thuyền dựa vịnh sông, (50)
 Đón muôn tên ngự nộp cùng châu lang. (51)
 Hỏa công dâng chước lạ nhường. (52)
 Gió ngàn Xích-bích thổi tàn ngự binh

42. Ngạc-thư vừa phút tàu qua,

43. Dốc lòng giúp nước cứu đời,

44. Sẵn tay kinh tế ra tài đồng-lương.

45. Cá mừng gặp nước Nam-Đương.

46. Chín trùng lễ đãi quân - sư

47. Phấn vua rồi bén móc mưa gọi nhuần.

48. Chín phần trả thảo, mười phần trọn ngay

49. Bạch-hà dụng hỏa Hầu-Đồn chạy dài.

50. Giá-nghiêm thuyền dựa vịnh sông,

51. Mười muôn binh Ngự nộp thuyền châu
lan

52. Hỏa công dùng chước lạ đường,

Hoa dung khiến tướng phân doanh. (53)
 Gian hùng sớm đã nép kèn phá gao. (54)
 Thần cơ bí kế chước toan, (55)
 Kinh-châu trước hẹn giục thuyền rước mau. (56)
 Hoa thân đôi chước dấu nhau, (57)
 Tiên sinh chước ấy ngô hầu kể sa.
 Chước dùng bày bắt bày tha,
 Oai trời nhường ấy giặc đà chạy tênh.
 Có phen bắt phạt ra binh, (58)
 Tiết bền vàng đá nhật tinh ấy lòng. (59)
 Eo le thủy lục chước dùng, (60)
 Khương-duy sớm đã kể cùng bó tay.
 Thần tiên mấy trước xe bày, (61)
 Tào-châu lá rụng lò bay phới ngàn. (62)
 Trên thành làm chước gầy đàn,
 Sa cơ Trọng-đạt nép gan kinh hồn.
 Nỏ trời phục cửa kiếm môn,
 Mã-lăng mất vía Quyền môn khác gì. (63)
 Chước nào chước chẳng ngoan ngùy (?) (64)
 Chốn thì lưu mã chốn thì mọc ngu. (65)

-
53. Ba dung khiến tướng phân dinh,
 54. Gian-hùng sớm đã nép mình bó tay,
 55. Thần cơ bí kế thông hay,
 56. Kinh châu khi trước hẹn ngày rước mau.
 57. Hòa thân đôi chôn hiệp nhau,
 58. Một phen dùng biến ra binh,
 59. Tiết bền vàng đá nhật tinh soi lòng
 60. Eo le thiên thủy chước dùng,
 61. Thần tiên mấy phút sa bày.
 62. Tào kia lá rụng khói bay phất ngàn.
 63. Mã-lăng mất vía, Quyền-tôn khác gì,
 64. Chước nào chước rất ngoan ngùy-
 65. Hoặc thì lưu mã, hoặc thì mọc-ngu

Rất bền đánh dựng công nhiều (66)
 Hoa gi tiếng giây, đã triều danh hay. (67)
 Khăng-khăng một tiết thảo ngay,
 Dấp tùy chính thống sáng tày nhật tinh. (68)
 Sửa sang nghiêm cấu phân doanh,
 Tội loạn con giặc chạy tênh bời bời.
 Hán-gia chín vạc phù trì,
 Suy thôi lại thịnh, nguy thời lại an.
 Công lênh kẻ ở nhà quan, (69)
 Cạy bằng thạch trụ thái sơn kia là.
 Non xanh nước biếc chẳng già,
 Trai mà nhường ấy đích là nên trai. (70)
 So xem đời lẻ đâu hai, (71)
 Tài này ai chẳng là tài quân sư
 Luận đời tam quốc hữu dư,
 Luận đời tam đại còn chờ nhần sau. (72)
 Hai triều từ gót nhần đầu, (73)
 Bái tướng phong hầu ai dễ dám ghen (74)
 Muôn đời nhân vật kính khen,
 Đề công trúc bạch chép tên câu thường (75)

-
66. Trận dùng đánh dựng công nhiều,
 67. Ba di tiếng day đã triều danh hay.
 68. Dốc phó chánh thống, rạng tày nhật tinh
 69. Công linh đáng mặt nhà quan,
 70. Trai mà đường ấy thiệt là nên trai
 71. So xem tài tướng đâu hai,
 72. Luận đời Tam đại còn chờ những sau,
 73. Gan trung dạ nghĩa làm đầu,
 74. Bái tướng phong hầu ai dễ dám khen
 75. Ghi công trúc bạch chép tên câu thường.

Phúc trời còn tỏ long cương,
 Ất là Hán-thất khôn lường thịnh suy (76)
 Hưng vong lữ thái có thì, (77)
 Chớ đem thành bại mà suy anh hùng. (78)
 Chốn này thiên hạ đời dưng, (?) (79)
 Ất là cũng có ngoạ-long ra đời,
 Chưa hay dưng dặng tôi tài, (80)
 Mừng xem bốn bề dưới trời đều yên.

Nay Văn



-
76. Ất là nghiệp Hán khôn lường thịnh suy,
 77. Hưng vong lữ thái sự thì,
 78. Chớ đem thành bại mà chê anh hùng.
 79. Chốn này được gặp vua dưng,
 80. Chúa Minh thời có tôi tài.

THI THOAI

ĐOẠN DẬT-SỬ CỦA MỘT NHÀ KỶ-NHÂN
TRÊN THI-SỬ CẬN-ĐẠI NƯỚC TA

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Nói đến nhân vật vào khoảng cận đại, thì ai cũng rõ lịch sử ông Nguyễn-công-Trứ là một người kỳ nhân, trí khí lỗi lạc, tánh cách thích thắng, mà thi tài hùng mại, khác hẳn với người dung thường, rõ là khí phách anh hùng, không chịu theo khuôn sáo hủ lậu.

Ông Nguyễn - công - Trứ đầu tiên vẫn có chí tự mình tạo ra công nghiệp vĩ đại, rũi hồng việc, nên buộc phải xoay ra đường khác, đi thi làm quan không phải là bản tâm. Lúc ông còn nhỏ vua Gia-Long bắc tuần, ông đã dâng bản điều trần Ông Thương-công Duyệt là một tay khai quốc công thần, có con mắt tinh đời, biết Nguyễn-công-Trứ không phải là người thường, nên bàn với vua thu dụng. Khoa thi mà ông đỗ đầu, chính quan trường đã thừa ý trên mà lấy ông đỗ, không thi văn chương hào phóng ấy, khi nào vào cái khuôn trường ốc chật hẹp kia.

Sau khi thi đỗ ra làm quan, thấy cái gì cũng trái với ý mình, không thi thố được sở nguyện, song trong sự trị dân hành chánh và dụng binh đều có vẻ hơn người, không phải như bọn dụng lực vô năng kia. Công nghiệp của ông như đánh nam dẹp bắc, đồn điền khẩn hoang, tới đâu thì công chúng sùng bái đó ; cho đến thi ca, nhiều bài xuất sắc, trong bản sách « *Nguyễn-Công-Trứ* » của ông Lê-Thước đã tường thuật, ai đọc đến cũng biết rõ, không phải nhắc lại, chỉ nói vài dật sự :



a) Về triều Minh-Mệnh có ông Hạ-Tôn - Quyền là một tay văn tài có tiếng thần đồng, ở các rất được vua tín dụng, nghe tiếng ông Trứ người lỗi lạc mà văn tài lanh lẹ, một bữa gặp nhau, ông Quyền đọc một câu ; (*Quân tử ô kỳ văn chi trứ*, Ông Trứ đối trả liền : *Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền*).



b) Một bữa trời mưa đường trơn, ông cùng đi với một ông quan, rúi trượt té một cái, quần áo lấm nhem, ông kia vừa nói vừa cười : Ngài làm cái gì vậy ? Ông đọc liền :

« *Dăng tay với thử trời cao thấp,*
« *Duỗi cẳng đo chơi đất văn dài.*

Câu ấy thành một câu truyền tụng.



c) Lúc về hưu ở nhà, thường ngồi xe bò đi dạo, một bữa gặp mấy ông cử Bắc vào kinh thi hội, nghỉ nơi quán bên đường, ông vào tự xưng là ông lão nhà quê, trong khi hỏi chuyện, ông nói :

« Lão có một bài văn xin đọc các ngài nghe.

— Ông lão quê cũng biết làm văn hà ? ừ, đọc cho vui. »

Ông đọc :

« Sông Nhị hà sâu 35 trượng rươi, cá ăn cá béo, chim ăn chẳng dặng, chim bay về đậu núi chi Hoàng sơn, Nhớ thuở xưa vua Thần nông giá sắt, vua Đế thuấn canh vân... Cùng quăng cùng quăng cùng quăng, tổng bắt ngoại bò vàng chi liếm là »

Mấy ông cử nghe khen vui và điệu kêu, song không hiểu ý ông nói cái gì cả.

(Đoạn văn ông đọc đó, thật nghe cái điệu nó kêu rôm là giường nào, mà tuyệ không có nghĩa lý và ý tứ gì, lại kéo quăng kéo chạ nhập lại cho thành câu, đúng với điệu văn sách lúc bấy giờ. Chính ông nhạo văn cử nghiệp của các ông cử là dốt và vô nghĩa, chỉ trau cái giọng như thế. Một đoạn văn ngắn ngắn mà vẽ được cái ảnh cử nghiệp vô dụng. Câu này truyền tụng cũng nhiều).



Trên là một vài chuyện dật sự của ông Nguyễn công-Trứ. Ông Trứ ở đương thời, dầu ai ghét thì ghét song cũng phục tài lược và cái đường hành chí của ông. Duy ông Cao-bá-Quát là có ý bất nãn.

Nguyên ông Trứ lúc ấy 70 tuổi, làm Phủ-doãn, đang sờ về hưu, có lưu dân một bài thi, quan triều họa nhiều.

Bài thi như vầy :

Nhật đối nhitào tự giải hy,
Kim ngô bất tự cố ngô thi.
Tùy cơ khôi lỗi cung nhân tiếu,
Trúc ký niên hoa giới cổ hy
Lão thực bất kham trang diện mục,
Anh hoa an dụng nhiễm tu tỳ.
Tự tâm hào mặt hồn vô trạng,
Tiếu sát Hồng sơn hữu thị phi.

Dịch :

*Ngày đôi bảy con nhích mép cười,
Trước sau ta vẫn hẳn hai người.
Máy xoay người chạy thân trò rồi,
Ngừa đuôi già lên tuổi bảy mươi.
Mặt mắt chỉ yên phần lão phác,
Mày râu thêm phải ruộm hoa tươi.
Mấy may công trạng gì đâu có,
Phải quấy non Hồng đáng hổ người.*



Công nghiệp ông Trứ về đời làm quan vẻ vang là giương nào, mà đọc bài thi trên rõ ông cho như một đám mây nổi, chỉ cung trò cười cho đời khi phách anh hùng đến già mà vẫn khẳng khái. Xem câu kết lại có ý mình tự cười lấy mình: 7 chữ « *Tiểu sát Hồng-sơn hữu thị phi* » xem ra tự nhiên mà có ai hạ được mới mẻ thoát sáo như thế, tuy ông tự biết mà thôi. Thế mà ông Quát họa bài thi ấy cũng tỏ ý ngạo với cái công nghiệp đời làm quan ông Trứ, cho là không đáng gì. Vì trong đời ông Quát vẫn phục tài ông Trứ mà bất mãn chỗ làm quan kia.

Bài ông Quát :

*Quần sơn nam vọng độc chi hy,
Diêu tướng tiên sinh vị lão thi.
Tự cổ anh hùng ngộ đa di,
Như kim xử đức kiến ưng hy.
Thường đa thế vị chung tu tửu,
Cấm đoạn sùng bái bất thượng tỳ.
Văn đạo Hồng - phong dục hồi thủ,
Khởi ưng lục thập cửu niên phi.*

ch :

Non nam nghênh mặt vẫn cười ngăm,
 Nhớ lại tiên sinh lúc nhỏ xem,
 Vẫn gặp anh hùng chừng lắm vẻ!
 Người gồm xỷ đức đặng bao lắm.
 Nắm nhiều mùi thể cần pha rượu,
 Cắm hẳn hoa sương chẳng đến cầm.
 Nghe nói núi Hồng quay cổ lại,
 Lẽ đâu sáu chục chín năm lắm?

Toàn bài so với nguyên tác công lực sừng nhau mà
 có vẻ hùng hơn. Hay tuyệt là câu kết châm phong tương
 đối, mà có ý ngạo nghe, Hồng sơn có muốn hồi đầu
 mà đã đến 69 năm lắm rồi, có hồi đầu cũng muộn quá.



Công nghiệp ông Trứ mà ở trong con mắt ông Quát
 cho là tầm thường. Người xưa có nói: những người
 thương tâm có chỗ hoài bão riêng, mà đã là anh
 hùng thường có cái khí phách không chịu ai cả.
 Chúng ta đọc sách xem đời, không nên lấy việc nên
 hư mà luận kể anh hùng, nhân bản truyện ông Trứ
 mà phụ thêm vài lời.

LUẬN THỂ
 (Tiếng dân)



Cụ Phan-Thanh-Giản

(1796 – 1867)

Cụ tự là TINH-BÁ là ĐẠM-NHƯ, hiệu là LƯƠNG-KHÊ, biệt hiệu là MAI-XUYÊN, sinh năm 1796 ở huyện Vĩnh-bình, tỉnh Vĩnh-long (nay là quận Ba-tri, tỉnh Bến-tre trong Nam - kỳ).



Thuở nhỏ, cụ rất có hiếu : mới mười hai tuổi, gặp khi cha bị án khổ sai, biết theo cha để chia nỗi cực khổ và đỡ dần công việc. Cụ rất thông minh và chăm học. Năm Minh - Mệnh thứ 7 (1826) đậu tiến - sĩ, được bổ biên-tu, sung chức tham - hiệp tỉnh Quảng-bình, trải thờ ba đời vua (Minh-mệnh, Thiệu - trị, Tự - đức), thăng tới

Bức chân dung này chúng tôi lấy ở quyển Lương-khê thi thảo là tập thơ của cụ Phan in bản gỗ vào năm Tự-Đức Bình-ti (1876). Tập thơ này là của ông Nguyễn-dinh-Lâm, giáo-sư trường Thành-Đức Phan Thiết gửi ra cho, nhân tiện xin có lời cảm ơn ông. Hiệp-tá đại-học-sĩ, lãnh chức thượng-thư.

Năm Tự-đức thứ 15 (1862), nhân có quân nước Pháp và nước Tây-ban-Nha đánh Nam-kỳ, cụ được cử làm chánh-sứ vào Gia-định thương-thuyết việc giảng-hòa và ký tờ hiệp ước năm Nhâm-tuất (1862). Năm sau (1863) cụ lại sang sứ bên Pháp để thương nghị về việc chuộc lại ba tỉnh phía đông Nam - kỳ vừa nhượng cho nước Pháp. Đi sứ về, cụ sung chức Kinh-

lược-sứ ba tỉnh phía Tây (Vĩnh long, An-giang, Hà-liên) đất Nam-kỳ. Đến năm 1867, quân thuyền Pháp tiến đến tỉnh thành Vĩnh-long, định sự lấy nốt ba tỉnh ấy, cụ biết thế không chống nổi, bèn nộp thành-trì cho quân Pháp để khỏi sự tai hại cho dân, rồi nhin ăn, uống thuốc độc tự tử; thọ 71 tuổi (1).

Sách *Đại nam-liệt-truyện* chép rằng : Cụ là người đoan-chánh, liêm-khiết, làm quan siêng năng, gặp việc thời nói, không hề kiêng sợ, trải thờ ba triều, rất là châu - đáo. Khi làm kinh-lược Nam - kỳ, biết sự không thể sao được, lấy chết để chuộc tội, thiệt là một lòng trung ái.

Cụ học rộng, văn hay, vua Tự - đức đã khen là cổ-nhã. Có tập *Lương-khê-thi - văn* ấn hành. Cụ lại có tập thơ *Kim - Đài* làm khi đi sứ Tàu và tập *Như-Tây* làm sau khi đi Pháp về, ông Tôn-thọ-Tường đã diễn ra quốc-cầm-nhan là *Tây - phùng nhật ký*. Về văn nôm còn truyền lại ít bài lời lẽ cũng lay lắt, như bài cụ gửi về an ủi phu nhân ở nhà khi cụ vào kinh làm quan :

*Từ thừa lương xe mỗi chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông;
Đường mây cười tỏ ham dong duỗi,
Trước liêu thương ai chịu lạnh lùng.
Ơn nước nợ trai đành nổi bận,
Cha già nhà khó cạy nhau cùng.
Mấy lời dặn nhủ khi dời bước,
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hồi lòng.*

梁
穀
潘
清
簡
敬
撰

Mấy chữ in trên này là tự-tích cụ Phan Lương - Khê. Ông Nguyễn-Tường-Tam có lòng tốt cho mượn cả bản chuyện chữ Hán chính cụ viết. Đây chúng tôi chỉ chụp lấy chỗ cụ ký tên để đọc-giả rõ lối chữ cụ.

(1) Xem bài cụ Nguyễn-dinh-Chiều viếng cụ đăng ở trang 58

TẠI SAO TÀ ĐỌC THƠ CA LẠI THẤY CẢM ?

Lắm lúc ta tự hỏi : tại sao đọc một bài thơ, ngâm một câu ca mà trong lòng thấy cảm động thế ? Một câu thơ không phải là một bức tranh có hình có sắc, cũng không phải là một khúc đàn có âm có điệu, mà đọc lên mắt như trông thấy cảnh, tai như nghe thấy tiếng, khiến cho lòng ta phải thồn - thức bồi - hồi. Đành rằng một phần lớn là do ở thiên - tài của nhà làm thơ đã khéo mô tả cảnh - ngộ tâm - sự của mình, nhưng một phần cũng tại ta nữa. Ta đọc thơ ca mà thấy cảm tức là lòng ta cũng lai láng hồn thơ như nhà làm thơ vậy.

Trong đời ta những cảnh ngộ đã từng trải, những mối vui buồn yêu ghét, những nỗi mong mỏi nhớ thương chứa chất trong lòng, đó tức là những thi tứ thi-liệu đã gây nên những câu thơ tuyệt - diệu của các thi - sĩ vậy. Duy ta không có tài diễn đạt các mối tình ấy thành lời thơ lời ca êm đềm réo rắt. Cái chỗ ta kém các thi - sĩ là ở đó.

Thành ra khi ta đọc thơ ca, tuy tác giả vẫn giải bày cảnh ngộ tâm sự của tác giả mà ta tưởng những cảnh ngộ tâm sự của ta được giải bày ra một cách thiết tha châu đáo, xưa nay ta vẫn mơ màng mà không sao thổ lộ ra được. Mỗi tiếng như vang lên ở trong lòng ta, mỗi âm như rung động đến quả tim ta. Mỗi cảm - động ấy làm cho ta tự đặt mình vào địa-vị của tác giả mà một tiếng cười, một tiếng khóc của tác giả tức là một tiếng cười, một tiếng khóc của ta vậy.

HẢI - LƯỢNG

CẢM - TƯ'ỞNG VỀ LỐI KỊCH NƯỚC NHÀ

Kịch là gì? Là một tấn tuồng, do những tay tài - tử, diễn lại một đoạn sự-tích của cá-nhân, hay một đoạn lịch-sử của quốc gia.

Bởi vậy, kịch là một lối văn-chương có ảnh hưởng to đến nhân-tâm thế-đạo.

Xem ngay như văn chương sách - vở, món lợi-khí để phô-diễn tâm tình tư-tưởng, hay là ghi-chép những gương trung-liệt đức anh-hùng của các đấng cổ nhân, việc dầu đã trải qua lắm độ tang thương, mà đọc qua, khiến ai cũng chứa chan cảm kích . . .

Huống chi là kịch, một bức tranh hoạt động treo trước mắt muôn người, nào hanh thông, nào biến-cổ, nào thuận phong, nào bại tục, nào hoan lạc, nào bi ai, kể giàu người khó, tớ nịnh tôi trung, gái hiền vợ tiết, bao cái tinh thần cốt cách của một xã hội, một quốc gia đều hình dung biểu diễn lên cả trên sân trò; kẻ hậu lai mắt được ngắm xem cái hành vi của cổ nhân, tai được nghe thấy cái khẩu khí của tiền bối, há chẳng là một sự quan hệ cho thần trí lắm ru?

Nói tắt một lời, kịch là một bức tranh rất linh hoạt, trực tiếp, khả dĩ cảm người một cách xâu mạnh vô hạn;

còn sách-vở cũng là một bức tranh, nhưng là một bức tranh gián-tiếp, cảm người một cách đậm thắm, mà cần phải có trí suy-nghĩ lâu kia.



Lối kịch ta xưa, chỉ có lối “Hát-bộ” phỏng theo lối kịch của Tàu, nhưng gần đây, quốc-dân tựa-hồ không còn hoan-ngênh nữa, mà cái số-mạng “Hát-bộ” như cụ già yếu-đuối, không khéo chỉ một cơn bệnh nổi lên là tắt ngấm, là mất tích trong kịch giới nước nhà.

Điệu Hát-bộ ta, không phải là không hay, sở dĩ ngày càng kém và dở, một là tại không người nhiệt-tâm, tài bỏ những chỗ khuyết điểm hay là soạn-dịch thêm những tuồng tích; một là tại những tay tài tử dốt-nát, thuộc được năm ba câu tấu-mã, nam, khách, hát càn múa bậy, lâu rồi thành quen, là được.

Thậm chí có lắm người kếp, dốt đặc cán mai, thế mà trong năm ba năm đã nổi tiếng được, là vì họ nhờ ở trí sáng, tuồng nào cũng như tuồng nào, họ chỉ chấp nam và bắc, thay đổi năm ba chữ tên, hay lạm đặt được vài câu mới, là bảo họ làm vai nào cũng xong.

Những tuồng hát bộ ta, ký-giả rất thích-mộ mà dám quả quyết bảo là hay lắm. Như tuồng “Kim-thạch kỳ-duyên” (truyền rằng do ông Thủ khoa Nghĩa soạn) (?), tuồng « Tam-quốc », tuồng « Lang-Châu ».



Bốn tuồng sau này, thừa thiếu-thời, ký-giả đã từng được ông ngoại đọc cho nghe, nguyên-văn bằng chữ nôm, nay vẫn còn nhớ được đôi câu.

Tuồng nhan là : « Lang-châu » vì trong truyện do một người chủ động tên : Lang-Châu.

Lang-Châu là một người học trò, chả may phải tạt bụi (cùi), bà con làng nước ghét bỏ. Lang-Châu bởi

vậy phải giang hồ vất vả, đi hành khất để kiếm ăn. Trong lúc đi, đằng xa cảnh vắng, nhân cảm tình thế, Lang-Châu có những câu than thở :

CÂU THAN : « Cho biết : họa vô đơn chí ; mới hay : phúc bất trùng lai. »

« Người ở đời há nỡ trách ai, vậy thời, chơn lần bước tìm nơi « ký ngụ ».

NAM : « Lần bước, tìm nơi ký-ngụ, gây dò lần nẻo tắt đường quang. »

Cứ đọc mấy câu trên đây, mấy câu mà ký-giả vẫn ghi nhớ từ 20 năm nay, đủ thấy cái đặc sắc của câu văn. Toàn câu nôm cả, trừ ra câu chữ Hán để làm cái cốt trụ cho đầu đề.

« Ở đời, họa đến vẫn nhiều, phúc không hai lượt, nhưng mà người ở đời không nên vì họa-phúc ấy mà trách trời oán người, chỉ nên yên mạng kính trời, bề nào cũng cam vậy thôi. »

Một câu văn ấy, như vẽ cái chí khí của tác - giả lên giấy, cho dầu là cảnh - ngộ biến-thiên, nhân tình đen bạc, mà tự mình không cam nghĩ sẵn oán bậy, chỉ tự mình xoay trở với cảnh ngộ thôi.

Hay lắm, một câu tuồng chỉ có ngần ấy chữ mà ý nghĩa dồi dào, văn chương lưu-loát ; ngoài câu chữ Hán toàn nôm, giản dị mà thâm trầm, đơn sơ mà bóng bẩy biết chừng nào !

Ký-giả vẫn còn nhớ, khi nghe ông ngoại đọc đến đoạn này, đôi cái mạch sần của kẻ thơ ngây cũng vì đau mà đầm đìa trên má !....



Gần đây đã có một cuộc thay đổi lớn trong nghề kịch nhà, điệu hát « Cải-Lương » bỗng xuất hiện, được quốc dân hoan nghinh cổ-vỗ cho là một lối hát mới vừa hợp thời vừa hay.

Cũng thất vọng! Riêng phần ký - giả, không những chẳng hoan nghênh mà ghét nữa kia!

Đã đành rằng lối « Cải Lương » vẫn mới, vẫn hợp thời lại có sẵn tuồng tích hay, do các nhà văn sĩ soạn, đồ tranh cảnh trần thiết, y phục toàn là một lối mới cả. Thậm chí đến câu ca hát cũng mới nốt. Nhưng, vạn-nhứt cũng chưa khỏi cái lối « thay áo đổi quần » của anh chàng « бут chùa » mà tựa trung vẫn còn cái cốt tướng tinh-thần thái cổ.



Ký-giả còn nhớ năm nọ, được ông bạn mời xem « Cải-lương ». « Một đêm hát đặc-biệt! Một tấn - tuồng hay đáo để ». Tôi nghe lời bạn nói bèn đi xem.

Soạn-giả bõn tuồng không nhớ đích là ai, chỉ nhớ tuồng ấy nhan là : Lương-Sơn-Tòng xuất gia « (?) » do một sự-tích ở Triều-Tiên (Cao-ly ?)

Sự-tích có thể lược thuật như sau đây :

« Ở Triều-Tiên hồi bấy giờ, có một kẻ quyền-thần Mỗ vẫn lăm-le toan thoán đoạt ngôi vua. Ông Mỗ, bởi vậy, ngầm-ngấm mật giao với bọn tráng-sĩ võ-phu để chờ cái cơ-hội khả thừa là cử-sự. Nhưng mà Mỗ ta vẫn còn ái-ngại vì còn kiêng sợ một vị thiếu-niên tướng quân là võ-trạng Lương-Sơn-Tòng. Sơn-Tòng, người có khí-phách khác phàm, võ giỏi văn hay, vẫn không chịu xu-phụ khuất-phục kẻ quyền-thế. »

« Phấn-thần Mỗ vừa nóng ruột, vừa phẫn-uất, một hôm, nhân đêm trăng thanh-vắng, tản bộ trong hoa-viên để tiêu-sầu khiên-muộn. Bất đồ, tiếng đờn dẫu vắng-vắng đưa lại, nỉ-non như giọng quốc âm êm hè. Cứ hướng lối men đến, thì ra, tiếng đờn của vị tiểu-thơ, nghĩa nữ của ông ta.

« Xuân xanh hai tám, mặt ngọc môi đào, giáng mai yểu-diệu, rõ là một bức kiều mị nghiêng thành. Ông

Mỗ, nhân trộm nghe thấy cái đóa hoa nói ấy, hốt trong trí nghĩ ngay được một kế. Gõ cửa báo hiệu, tiểu-thor sốc áo đón tiếp.

« Ông nhân hỏi tiểu thor vì có sao đêm đã hồ khuya, lại còn ngồi gầy đờn. Tiểu thor khép nép thưa: vì trộm thấy dung nhan cha kém vui, đạo làm con, cũng vì cha mà không vui — Cho nên, muốn đem tâm-sự phỏ vào đường tơ để tiêu-khiên chút lòng buồn - bã.

« Ông Mỗ ta nghe được những câu trung hậu, lấy làm bằng lòng, bèn đem cả nỗi lòng phần-uất cùng tâm-sự kể với tiểu thor. Lại ngỏ ý muốn gả tiểu-thor về với Sơn-Tòng để nhờ nàng giám ý, tỏ cái bí-sự của ông với Sơn-Tòng. Tiểu-thor định-ninh vâng lời.

« Ông bèn bày-thiết một tiệc, mời Sơn-Tòng sang».

“Tân-khách đâu ngồi vào đây xong, rồi thì, chén mời chén trả, độ đến giữa tiệc, ông cáo-thoái tự nói là say, xin cho con gái ông bồi yển hộ. Tiểu thor vâng lĩnh ý cha, khoan-thai từ trong đi ra, núng-nính cái dáng kiều-mị đồ-thành, tay sẵn một chiếc hồ cầm, vừa đi, vừa gảy, vừa ca những câu cợt hoa bỡn nguyệt, thỉnh thoảng lại liếc mắt đưa tình với khách.

“Con nhà ai khéo đẻ! tài đã phun châu nhả ngọc, mà sắc cũng tuyệt-thế mỹ-nhan khiến cho ông khách thiếu-niên anh-hùng như ngày như đại; đoạn, ông cao-húng, ôm choàng tay qua cổ Tiểu-thor, bồng đề ngồi trong lòng, rồi, cặp uyên-ương cứ tha hồ mà chuyện-trò to nhỏ, ở giữa cái tiệc thần thánh ấy.

Đối diện đó, ông Thừa - tướng, quyền cao chức cả nhứt triều, ngồi gật-gà gật-gù, mặt cho cái đầu nó lão-đảo, miệng thì nói lảm-nhảm những câu gì....

Ký-giả xem đến đây, bất giác sứt sùi mà thương hại thay cho hai chữ « cái - lương » !..

Đứng dậy ra về. Ông bạn tôi lấy làm lạ, đồn đã hỏi mãi, tôi nói buồn ngủ. Ông bạn cũng vì tôi ra

về. Dọc hàng ông bạn có ý phàn nàn về cuộc « bán-đồ nhi phế » bỏ giờ một tấn tuồng hay. Tôi cười nhạt, khôi hài mấy câu : « Thế nào, người ta chửi mình đó, mình cũng ngồi im xem ư » ? Bạn tôi không hiểu ý tôi, hỏi mãi, tôi nói : anh xem, giữa chỗ tiệc tôn-trọng của hai vị quan to thế mà diễn ra một tấn : « gái trai lơ lửng » làm vậy, không phải họ chửi ta là gì ? Bạn tôi gượng cười, đáp : « anh thật khó tính. — Đánh rằng cái tấn tuồng ấy không thể diễn ra ở chỗ tôn-nghiêm ấy được, nhưng mà, « Cải-lương » họ cốt tùy theo cái thị-hiệu của người ta, có bày ra trò vui thế kia, nó mới tỉnh, nó mới khoái mắt, người ta mới ưa chứ ! Tôi gạt ngay : « không được, anh lắm ! »

« Cải là gì ? là sửa đổi lại ; lương là gì ? là điều lành ; hai chữ nhập làm một, thì ra : sửa đổi lại những điều xấu điều dở mà lựa chọn lấy điều tốt điều hay, anh hiểu chưa ? »

« Anh xem, hai chữ « cải-lương » cái ý nghĩa nó cao siêu tốt đẹp là dường nào thế mà ngoài cái lối phục sức đẹp dễ mới, hay câu ca câu đờn lơ lửng lơ, cái tinh-thần nó vẫn mờ ám xấu xa, có thể gieo độc cho xã-hội còn gấp mấy những tiểu thuyết tình nữa kia ! »



Kịch là một bức tranh, như ký-giả đã nói, nếu chẳng cần trọng, chỉ vì lợi mà xu theo cái thị-hiệu của người hay bày ra cái lối « trai gái mới » để được người ta hoan nghênh, thì cái mầm độc làm bại phong-hóa, không thể làm sao mà nói cho siết được.

Phương chi, những bản tuồng « Cải-lương » hiện được công-chúng hoan nghênh thật ra mười tuồng như một, về văn-chương, thì các ông văn sĩ ta chỉ viết liều đặt bướng, cốt viết cho mau, bán cho chạy, nhiều câu vô vị nhảm nhí bông lông, không có ý nghĩa gì. Thậm

đến âm-nhạc cũng thuần một lối dâm-phong tà-tích, lơ-lửng buồn dầu, khiến cho trai gái thiếu niên nhiễm phải, cũng đến tê liệt cả khí phách, rồi dâm ra dâm dăng hư-thân.



Đông-Triết nói: “Muốn biết nước loạn hay trị, phong-hóa thuần hay bại, chỉ xét về âm-nhạc là đủ.”

Đúng thật; chúng ta nay muốn biết phong-hóa nhà, tinh-thần nước, thanh hay suy, thuần hay bại, xin hãy trông vào âm nhạc tuồng hát ta, tất biết vậy.

Kẻ viết bài này, vẫn mong ở các nhà soạn kịch « Cải lương »; xin các ông, hãy vì sự công-ích của xã-hội, hơn là cái tư-lợi của mình, viết một câu tuồng phải cần để cả tâm-tư trí-não, nhưt là những ông thầy tuồng, nên càng phải cẩn trọng khi sắp-đặt lớp-lang. Đoàn rằng tuồng, kịch nhưt luật phải có ái-tình điểm-xuyết, nhưng ái-tình cũng cần phải có cái lễ-nghi trang nghiêm để tài-chế những cái thói sòm-sở lẳng-lơ kia, xem nó mới mỹ miều đẹp dễ.

Một cái mỹ-thuật tối cao, chúng tôi vẫn trông ở ngòi bút các ông, ngòi bút các ông không là gươm trường dao sắc, mà gián-tiếp, nó vốn là món lợi-khí tối lợi tối hại, tùy ở cái tay quí báu của các ông xoay trở vậy.

Kết-luận bài này, ký-giả xin có một câu dưới đây để cung-hiến các ông kịch-sĩ nước nhà, mong sao các ông nhận cho và nhớ luôn cho vậy:

Ngòi bút điểm tô non-nước tỉnh,
Câu văn phù-thực giống-nòi hòa.

ĐẶNG - PHÙ - KIỀU.



CHINH PHỤ NGÂM

DỊCH RA PHÁP VĂN

(tiếp theo)

121. — Trang (phác) phong-lưu đương chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan diu chữ duyên.

Nữ nào đòi lứa thiếu niên,

Quan sơn để cách hàn huyên sa o đành ?

125. — Thủa lâm hành, oanh chưa bén liễu,

Hỏi ngày về, ước nẻo quỳnh ca.

Nay quỳnh đã giục oanh già,

Ý-nhi lại gáy trước nhà liú lo.

129. — Thủa đăng đồ, mai chưa dạn gió ;

Hỏi ngày về, chỉ độ đào bông.

Nay đào đã quyến gió đông,

Phù-dung lại đã bên sông bờ-xờ (1).

Jouissant de l'aisance et étant en pleine jeunesse, nous nous sommes unis l'un à l'autre par le lien du mariage. Est-ce le sort d'un couple jeune et assorti comme nous deux d'être condamné à une si longue séparation ?

Lors de votre départ, le loriot n'apparaissait pas encore sur les branches du saule. Je vous avais demandé la date de votre retour : vous m'aviez indiqué l'époque où le coucou chanterait. Voici que le coucou est venu après le départ du vieux loriot. Bien plus, l'hirondelle gazouille déjà bruyamment devant la maison. Et vous ne revenez pas encore.

Au moment où vous vous êtes mis en route, les pruniers n'étaient pas encore secoués par la brise du printemps. Je vous avais demandé la date de votre retour : vous m'aviez indiqué l'époque où les pêchers fleuriraient. Voici que les fleurs du pêcher se sont toutes envolées avec le vent de l'Est. Bien plus, les pivoines montrent déjà leurs fleurs ébouriffées au bord du fleuve. Et vous ne revenez pas encore.

(1) Var : Tuyết mai trắng bãi phù-dung đỏ bờ.

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN-TOÀN

(Suite)

121. — (Etant de la) classe aisée (et) en pleine jeunesse,
(Nous nous sommes) unis l'un à l'autre, (et) en-
semble (nous nous sommes) attachés (par le) lien [lit. :
caractère] (du) mariage.

Pourquoi laisser (un) couple assorti (et) jeune
(Subir la) séparation (des) cols (et des) monts
sans pouvoir (échanger des questions sur le) froid (ou
la) tiédeur (1).

125. — (Au) moment (de votre) départ, (le) loriot (ne
s'était) pas encore approché (du) saule (2).

(Je vous avais) demandé (le) jour (de votre)
retour ; (vous m'aviez) promis (de revenir vers l')époque
(où le) coucou chanterait (3).

Maintenant (le) coucou (a) déjà pressé (le) vieux
loriot (de partir) ;

L'hirondelle, de plus, gazouille devant (la) maison
bruyamment (4).

129. — (Au) moment (où vous vous êtes) mis (en) route,
(le) prunier (n'était) pas encore exposé (à la) brise (du
printemps).

(Je vous avais) demandé (le) jour (de votre) re-
tour, (vous m'aviez) indiqué (l')époque (où les) pêchers
fleuriraient (5),

Maintenant (les fleurs du) pêcher (ont été) dé-
entraînées) par le vent (de) l'Est.

(Les) pivoinés, d'autre part, (montrent) déjà, (au)
bord (du) fleuve, (leurs fleurs) ébouriffées (6)

(1) *Hàn* : froid ; *huyên* : tiède. Deux personnes qui se ren-
contrent, commencent leur conversation par ces questions : Fai-
il froid ? Fait-il chaud ? Par extention, cette expression *Hàn-*
huyên désigne les entretiens, les conversations elles-mêmes.

(2) Le loriot chante au printemps. Ce vers veut dire que
le départ a eu lieu en hiver.

(3) Le coucou chante en été.

(4) L'hirondelle chante en automne.

(5) Les pêchers fleurissent au printemps.

(6) Les pivoinés fleurissent en été.

133. — Hẹn cùng ta Lũng-tây nham ấy,
 Sớm đã trông nào thấy hơi lăm.
 Ngập-ngừng lá rụng cảnh trâm,
 Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm sơn-sao.
137. — Hẹn nơi nao Hán-dương cầu nọ,
 Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
 Ngập-ngừng gió thổi áo bào,
 Bãi hôm tuôn đầy nước trào mênh mông.
141. — Tin thường lại, (1) người không thấy lại,
 Hoa dương tàn đã trái rêu xanh.
 Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
 Chân đi (2) một bước, trăm tình ngần-ngờ.

Vous m'avez dit de vous attendre au mont de Lũng-tây. Dès le matin, je m'y rends, mais je ne vois nulle trace. J'y reste confuse pendant que des feuilles tombent sur l'épingle de ma chevelure. Et le soir venu, j'entends s'élever de toutes parts les cris bruyants des oiseaux qui rentrent dans leurs nids.

Vous m'avez dit de vous attendre au pont de Hán-dương. Le soir, j'y viens mais je n'ai aucune nouvelle. J'y reste confuse pendant que le vent souffle à travers mes robes et que, sur la plage du soir, bouillonne vivement l'eau de la marée montante.

Je vous ai souvent écrit pour vous exhorter à rentrer, mais vous ne revenez pas toujours. Les fleurs du peuplier, toutes flétries, sont tombées sur la mousse verte. Sur la mousse verte qui pousse, épaisse, dans la cour, à peine fais-je un pas qu'une foule de sentiments tristes assiègent mon cœur.

1) Var : Tin gửi đi

1) Var : Đạo sân một bước...

133. — (Vous avez) fixé avec moi (comme rendez-vous) ce mont (de) Lũng-tây (1) :

(Dès le) matin, déjà (j'y viens pour) regarder, (et je) ne vois aucune trace [lit. : bulle d'air] (2)

(Je reste) confuse (pendant que les) feuilles tombent (sur la) branche (de mon) épingle ;

(Et) le soir, (j') entends s'élever (les) cris (des) oiseaux, bruyamment.

137. — (Vous avez) fixé quel rendez-vous ? (l'autre) pont (de) Hán-dương :

(Le) soir, (j'y) viens (pour vous) chercher, (mais je) n'ai aucune nouvelle.

(Je reste) confuse (pendant que le) vent souffle (à travers mes) robes,

(Et que, sur la) plage (du) soir, afflue abondamment, l'eau (de la) marée immense.

141. — (Mes) nouvelles souvent (vous sont) parvenues, (mais) vous [lit : votre personne] ne revenez pas.

(Les) fleurs (du) peuplier, flétries, déjà (sont) répandues (sur la) mousse verte.

(Sur la) mousse verte (qui, en) plusieurs couches, pousse) tout autour,

(Mes) pieds font-(ils) un pas (que déjà) cent sentiments (me) troublent.

1) Lũng-Tây se trouve dans la province de Thiêm-tây (Chen - si) en Chine.

2) La « bulle d'air » qui monte à la surface de l'eau révèle la présence d'un être quelconque. Au figuré, cette expression désigne la trace, les nouvelles d'une personne.

145. — Thư thường tới, người chưa thấy tới,
 Bức rèm thưa lần dải bóng dương
 Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
 Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.

149. — Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,
 Tiền sen này đã nầy là ba.
 Xót người lần lửa ải xa,
 Xót người nương chốn hoàng-hoa đậm dài.

153. — Tình gia-thất nào ai chẳng có,
 Kia lão thân, khuê phụ nhớ thương.
 Mẹ già phơ phất mái sương,
 Con thơ mắng sửa vả đương phù-trì.

157. — Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,
 Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
 Ngọt bùi thiếp đã hiểu-nam,
 Day con đèn sách thiếp làm phụ-thân.

Souvent, dans vos lettres, vous m'avez promis de rentrer, mais vous n'arrivez pas toujours. Voilà qu'à travers le store espacé de ma chambre, les rayons du soleil ont passé, je ne sais combien de fois. Pourquoi donc avez-vous manqué à toutes vos promesses ?

Depuis le jour de votre départ, les jeunes feuilles de nénufar ont trois fois apparu. Qu'il est à plaindre celui qui s'attarde sur les frontières lointaines ! Qu'il est à plaindre celui qui se réfugie dans des postes éloignés !

Quel est celui qui n'a pas d'attachement pour sa famille ? Voilà vos vieux parents et votre jeune femme qui songent sans cesse à vous. Votre vieille mère a la chevelure toute blanche comme de la gelée, et votre jeune enfant, dans son âge tendre, a besoin de soins constants. Le cœur de votre vieille mère est triste quand, appuyée contre la porte, elle vous attend et la bouche de votre jeune enfant réclame du riz mâché au moment des repas. Je dois à la fois remplir les devoirs d'un fils pieux en offrant aux vieux parents des mets sucrés et savoureux et ceux d'un père dévoué en apprenant aux enfants à lire à la clarté d'une lampe.

145. — (Vos) lettres souvent (sont) arrivées, (mais) vous
lit. : votre personne | n'arrivez pas encore.

Le store espacé (de ma chambre) peu à peu (est)
exposé (à la) lumière (du) soleil.

(Et la) lumière (du) soleil (l'a je ne sais) combien
(de) fois traversé horizontalement.

Pourquoi (sur) dix (de vos) promesses, neuf gé-
néralement ne sont pas tenues ?

149. — Essayons (de) compter (à partir du) jour (de
votre) départ lointain :

(Les jeunes [lit. : aussi petites que des « sapè-
ques »] feuilles de) nénufar ont déjà apparu trois fois.

(Je) plains celui (qui) s'attarde (sur les) frontières
lointaines ;

Je plains celui (qui) se réfugie (dans des) postes
(éloignés de) longs stades (à l'époque des) fleurs jaunes (1).

153. — Des sentiments (d'attachement à sa) famille, quel
(est celui) qui n'en a pas ?

Voilà (vos) vieux parents (et votre) jeune femme
(qui) songent (à vous et qui vous) plaignent.

(Votre) vieille mère (a la) chevelure clairsemée
et) blanche comme de la) gelée ;

(Votre) enfant (à l'âge) tendre (est comme un)
jeune pousse de bambou et (a besoin de) soins constants.

157. — (Le) cœur (de votre) vieille mère (est) triste
quand (elle) s'appuie (contre la) porte (2) ;

(La) bouche (de votre) jeune enfant attend (qu'au
moment du) repas (on lui) donne (du) riz (mâché).

(Offrant aux vieux parents des mets) sucrés (et)
savoureux, je (dois) déjà (remplir les devoirs d'un) fils pieux ;

Apprenant (aux) enfants (à lire dans un) livre
sous la) lampe, je (dois encore) faire (le travail d'un)
père de famille.

(1) L'expression *hoàng hoa* « fleurs jaunes » désigne les
chrysanthèmes qui fleurissent à la 9^e lune. Autrefois, en Chine,
les soldats des garnisons lointaines se relayaient à la 9^e lune,
époque de floraison des chrysanthèmes. De là l'expression *hoàng
hoa thú* qui signifie : « partir pour les garnisons lointaines »

(2) Allusion au mot de la mère de Vương-tôn-Giã
s'adressant à son fils : Quand tu retardes de rentrer, je m'appuie
contre la porte pour t'attendre. . . . »

161. — Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
 Nỗi quan hoài mang mẽ biết bao !
 Nhớ chàng trái mấy sương sao,
 Xuân từng đôi mới, đông nào có (còn) dư ?
165. — Kể năm đã ba tư cách diên,
 Mỗi sầu (lòng) thêm nghìn vạn ngọn ngang.
 Ước gì gần gũi tắc gang,
 Giải (dở) niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
169. — Thoa cung Hán, của ngày xuất giá,
 Gương lầu Tần, dấu đã soi chung.
 Cây ai mà gửi tới cùng,
 Để (xin) chàng thấu hết tấm lòng tương-tư.
173. — Nhấn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,
 Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi,
 Cây ai mà gửi tới nơi,
 Để chàng trân-trọng dấu người tương thân.

Tandis que je m'occupe toute seule de l'entretien des vieux parents et de l'instruction des enfants, les soucis et les tristesses me poursuivent sans cesse. Que de fois, depuis votre départ, la rosée est tombée et les étoiles ont apparû. Successivement le printemps et l'hiver se sont passés.

Voici que nous nous sommes séparés il y a trois ou quatre années, et, à cette pensée, mille sentiments tristes tourmentent mon cœur. Puissé-je être auprès de vous pour vous révéler toutes mes amertumes !

Voici l'épingle que j'ai reçue le jour de mon mariage et le miroir dans lequel nous nous sommes mirés ensemble : puissé-je vous les faire parvenir pour vous faire comprendre tout le mal dont souffre mon cœur ! Voici la bague que je porte toujours avec moi et le jade avec lequel je jouais pendant mon enfance : puissé-je vous les faire parvenir afin de vous rappeler les souvenirs de celle qui vous est chère !

161. — Maintenant (que mon) unique personne (doit se charger de l')entretien (des) vieux (parents et de l')instruction (des) enfants,

Les soucis (et les) tristesses (m'obsèdent je ne) sais combien.

(Je) songe (à) vous : (voici que, depuis votre départ), combien (de fois la) rosée (est tombée et les) étoiles (ont apparu).

(Le) printemps (s'est) déjà renouvelé (et l')hiver s'est passé [lit. : nullement n'a laissé de reste]

165. — (En) comptant (les) années, déjà trois (et) quatre (nous) séparent :

(Les) sentiments tristes, de plus en plus, (par) mille (et) dix mille tourmentent (mon cœur).

Puissé-(je être) près (de vous à un) pouce (ou un) empan

(Pour) exposer (mes) amertumes afin que vous vous (en) rendiez compte.

169. — (L')épingle (du) palais (des) Hán (1), bien (précieux que j'ai reçu le) jour (de mon) mariage

(Et le) miroir (du) palais (des) Tàn (2) (dans lequel nous nous sommes) déjà mirés ensemble,

(Puissé-je) charger quelqu'un de (les) porter jusqu'à (vous)

Afin que vous (puissiez) comprendre tout (le) cœur (de celle qui) songe (sans cesse à vous).

173. — (La) bague (que je) porte (au) doigt (et qu'à) tous (les) moments (je) contemple,

(Le) jade (que je) porte (sur la) tête (et avec lequel) pendant (mon) enfance (je) jouais,

(Puissé-je) charger quelqu'un de (les) porter jusqu'à (vous)

Pour que vous preniez soin (des) souvenirs (d'une) personne (qui vous est) chère.

(à suivre)

(1) Allusion à une épingle de jade offerte par une déesse à l'Empereur Vũ-đế de la dynastie des Hán.

(2) Allusion à un miroir que possédait le Premier Empereur des Tàn et qui aurait la propriété magique de déceler les sentiments infidèles chez les femmes de son harem.

Dịch Hán - văn

GƯƠNG ĐẾ-VƯƠNG

(Tiếp theo)

—*—
VIII

ĐỐT ÁO CỪU ĐỂ TỎ ĐỨC KIÊM

(Sự tích vua Võ-Đế nhà Tấn)

Vua Võ-Đế khi mới lên ngôi, có quan Thái-Y là Trình-Cử lấy lông đầu chim trĩ dệt thành cái áo cừu đem vào dâng, vua thấy cái áo ấy tốt đẹp quá, sợ người đời thấy vậy mà bắt chước nhau xa xỉ, liền khiến người lấy lửa đốt cái áo ấy ở trước đền, để tỏ ra mình không quý vật lạ, không ham trang sức vậy, lại xuống chiếu cho trong triều ngoài quận, từ nay về sau, không ai được đem đồ kỳ sảo và y-phục tốt đẹp khác thường vào dâng cho vua.

LỜI BÀN. — Ôi! sự háo-thượng của đứng nhân-quân là có quan hệ đến phong-tục, phải nên cẩn-thận lắm mới được. Vua Võ-Đế nhà Tấn, ngày mới lên ngôi, vừa khi rối đời nhà Ngụy, nhân dân xa-xỉ đã quen, vua muốn đổi lại tiết-kiệm, nên chỉ không đốt áo cừu ở chỗ khác mà đốt ở trước đền, là muốn cho người ta ai cũng đều thấy. Nhưng tiếc thay cái ý ấy không được chí-thành, nên chẳng bao lâu thời đã đổi ngay, đến nỗi bà Nghiệt-Hậu loạn triều, năm tước Vương tiếm xỉ, nhà Tấn phải bỏ trung-nguyên mà dời qua phương nam. Thầy Mạnh-Tử có nói : “Cung kiệm khởi khả dĩ thanh âm tiểu mao vi tai.” nghĩa là : cung kiệm cốt ở lòng, chứ không phải tại nói phô bề ngoài, chính là nghĩa ấy.

. . .

IX

ĐỀ DÀNH ÁO RÁCH RĂN SỰ SA HOA

(Sự tích vua Cao-tổ nhà Tống)

Vào đời Lục-triều vua Cao-tổ nhà Tống là Lưu Dũ lúc hàn vi nhà nghèo lắm, thường ở trên bãi Tân-Châu, chặt đốn lau lách, mượn một cái áo chằm trăm tấm là của bà Hằng Hậu Tang thị tự tay may ra. Đến khi lên làm vua, sức nhớ thừa bình sanh trải chịu tân-khổ bấy nhiêu, nên mới gây dựng cơ nghiệp, sợ con cháu không biết mà gìn giữ, nên đem cái áo ấy giao cho người con gái đầu là Cối-kê công-chúa khiến cất đi mà dặn rằng: « Sau lại con cháu ta nếu có người nào luông tuông xa-xỉ, không biết tiết-kiệm, may nên đem cái áo ấy giao cho chúng nó xem, cho biết ta thừa trước ăn bận như vậy đó ».

LỜI BÀN.— Đại phạm các ông vua sáng nghiệp trải qua bấy nhiêu gian khổ, biết rõ bát cơm mảnh áo của dân-gian lắm nỗi gay-go, về đường ăn bận thường hay tit-tác dè-dặt, dù ai muốn lừa phỉnh cũng không được, nên chi lấy của dân có chừng, mà tiêu dùng thường được thừa thãi. Đời sau con cháu sinh trưởng phú-quí, nếu không phải bậc thông minh đặc ệt, thời dễ đắm theo thói xa-xỉ, đem tiền của dùng cạn, mà người lại phỉnh phờ được nữa, vợ vào bớt-sở, lấy của dân càng nhiều, mà tiêu dùng lại không đủ, đến nỗi sưu cao thuế nặng, giặc nổi dân cùng, mà nước nhà nguy mất. Vua Cao-tổ răn dạy cho con cháu, như thế cũng là có cái ý vậy. Ông vua nổi nghiệp nếu hay bắt chước tổ-tôn từ đồ ăn bận, cho đến các việc tiêu dùng khác, phải xét theo phép cũ, cho rõ trước kia mỗi năm tiêu hết bao nhiêu, sau này mỗi năm tiêu hết bao nhiêu, trước kia vì sao mà có dư, sau này vì sao mà không đủ, đem những sự tiêu phí thêm dần lên đó, mà nhứt nhứt bỏ đi, thời của cải tự nhiên có thể đủ dùng, sưu thuế có thể giảm bớt, dân đều an cư lạc nghiệp, một lòng nung đỡ bề trên, mà trị hiệu thái-bình, có thể giữ-gìn giải lâu được vậy.

X

CHÚA THÀNH TỘI HIỀN

(Sự tích vua Thái-Tôn nhà Đường)

Vua Thái-Tôn có một ngày, bãi triều về cung, thoát nổi giận nói : « rồi đây thế nào ta cũng giết lão nhà quê ấy ». Bà Trưởng-tôn Hoàng-hậu hỏi rằng : « bệ-hạ muốn giết ai ? » Vua Thái Tôn nói : « Lão Ngụy-Trung chớ ai ; lão này nó không biết kiêng-dè, thường ở trước mặt các quan công-kích đều lỗi lầm của ta, làm cho ta xấu hổ, ta mười phần nín chịu không nổi, nên muốn giết nó đi ». Bà Trưởng-tôn Hoàng-hậu là người hiền đức, biết Ngụy-Trung là kẻ trung thần liền trở lui mặc đồ áo mào triều hạ vào tâu với vua Thái-Tôn rằng : « thiếp nghe người xưa có nói rằng : » trên có ông vua sáng láng khôn ngoan, dưới có người tôi cứng cỏi ngay-thẳng, nay Ngụy-Trung việc gì cũng nói thẳng không a-dua, là bởi bệ-hạ thánh-minh hay rộng dung vậy.

Vua sáng tôi ngay, ngàn năm gặp gỡ ; Đó là việc tốt nước nhà, thiếp dám xin bái hạ, » Vua Thái-Tôn nghe lời nói bà Hoàng-hậu, thời trong lòng vui vẻ.

LỜI BÀN.— Xét các ông vua hiền sáng nghiệp, thủ thành trong xưa nay, tuy là thánh trí trời sinh, nhưng cũng nhờ có nội trợ, xem bà Trưởng-tôn Hoàng-hậu đối với vua Thái-Tôn nhà Đường thời dẫn cho bà Đỗ-sơn nhà Hạ, bà Thái-Tỷ nhà Châu cũng không thể hơn được. Vua Thái-Tôn ngoài có tôi giỏi, trong có vợ hiền, thiên hạ làm sao mà không thái bình được.

* . *

XI

TÙ ĐƯỢC THA VỀ CHỊU CHẾT

(Sự tích vua Thái-Tôn nhà Đường)

Vua Thái-Tôn có một ngày xem xét sổ tù, ở Kinh thấy bốn phạm tội chết, trong lòng thương xót, không nỡ giết đi, đều thả cho về nhà thăm cha mẹ vợ con, hẹn đến mùa thu sang năm thời tự tới để chịu chết. Nhân đó lại sắc cho Bộ-Hình đem bao nhiêu người

tù tội chết trong thiên hạ đều tạm thả về nhà, cùng hẹn đến mùa thu sang năm, thời phải tới Kinh. Qua đến mùa thu năm sau, người tù năm trước thả về cộng ba trăm chín mươi người đều cảm cái ơn vua Thái-Tôn, không chịu đợi người đốc sức đòi bắt gì đến y theo kỳ hạn nhứt tề tới trước triều đường để chực chịu xử quyết. Không có một tên nào trốn tránh chậm thiếu cả, vua Thái-Tôn thấy bọn tù đều y lời đúng hạn, thời không nổi giết, hết thả tha ngay.

LỜI BÀN. — Ôi! chết ai lại không sợ, mà người phạm tội chết là người ác trong thế-gian, đứng nhân-quân mới một lần ban ơn cho mà liền cảm kích, đến nỗi khiến chết mà không trốn tránh, thời biết lòng người là dễ cảm hóa biết chừng nào, vậy thời làm thế nào mà trả được ơn vua, tất cũng không tiếc gì nữa. Đứng nhân-quân trị thiên-hạ lẽ nào không lấy nhân đức làm đầu.

* * *

XII

NGHE LỜI CAN THẢ CÁC CHIM.

(Sự tích vua Huyền-Tôn nhà Đường)

Có một lúc, vua Huyền-Tôn sai các sứ thần đi sang địa phương Giang-Nam lựa kiếm các loài chim nước, đem về nuôi ở trong vườn Thượng - Uyển để xem chơi. Lúc bấy giờ những nơi có quan Sứ-Thần đi đến nhiều hại thiên-hạ không biết bao nhiêu mà kể?

Có quan Thứ-Sử Bọn-châu là người Nghê-nhược-Thủy đương sở can rằng; « hiện nay trăm họ ở đất Giang-Nam cơm không đủ bữa, áo chẳng lành thân, trong mười người hơn một nửa là con nhà đói khó. Ai cũng lo theo việc trồng lúa hái dâu, để mưu đường y thực. Thế mà triều đình lại sai bắt chim để cống hiến, chuyên chở về kinh, đường xá xa xôi, thật phiền lụy cho dân lắm, khách qua đường trông thấy, ai lại chẳng cho bệ hạ trọng muôn chim mà chẳng kể gì tánh mạng của dân: làm việc chẳng cần kíp mà làm gì để tổn hại đến Thánh

Đức! Vua Huyền-Tôn nghe lời nói Nhược-Thủy rất phải liền tự tay viết một tờ sắc chịu lỗi, rồi thả hết chim ra không cho đi kiếm tìm nữa.

LỜI BÀN. — Ông Thiệu - Công khuyên vua Võ - Vương có câu rằng ; bắt quí dị vật, tiện dụng vật dân nãi túc : » nghĩa là : « không quí vật lạ, tiện vật thường dùng thời dân mới đầy đủ. » Lại có câu rằng : « trân cầm dị thú, bất dục ư quốc » nghĩa là : « chim quí thú kỳ, không nên nuôi ở trong nước ».

Vậy thời sự ưa muốn đừng nhân chúa, phải nên cẩn thận lắm ru. Vua Huyền-Tôn ưa chim, gần mắc lấy cái lỗi, « cầm hoàng » nghĩa là say đắm muôn chim, nhưng nghe lời người Nhược-Thủy liền khiến thả ngay, thế là biết phải nghe lời rất nên mau chóng vậy. Nhưng không những một việc ưa chim là làm hại cho dân mà thôi, đừng nhân chúa bất cứ ưa muốn một vật gì, cũng làm hại cho địa phương cả. Vì rằng quan lại thừa hành, thường hay kiếm chuyện một làm ra mười, nửa dùng việc công, nửa bỏ vào túi, đến nỗi phép nghiêm phạt nặng, khuấy rối trăm đường, dân-gian thường đến nỗi tan nhà hại cửa, bán vợ đợ con, thiệt hại không biết bao nhiêu mà kể xiết. Đừng nhân chúa nên giữ lòng trong sạch, bớt sự vật dục, không ham muốn một cái gì, chỉ bắt dân mỗi năm nạp sưu thuế bốn phân mà thôi, thời dân được nghỉ yên, mà tự nhiên thiên hạ thái bình vậy.

* * *

XIII

MIẾNG BÁNH TIẾC CỦA TRỜI.

(Sự tích vua Huyền-Tôn nhà Đường)

Vua Túc-Tôn khi làm thái-tử thường ở trong cung, hầu cơm đứng phụ hoàng là vua Huyền-Tôn ; hầu hầu những khi ăn ngủ là cái lễ thường của ngôi Thái-tử. Trong mâm cơm có một miếng thịt dỏ dê, vua Huyền - Tôn muốn ăn, biểu Thái - Tử cắt ra, Thái-Tử lấy dao cắt xong, thấy trên mũi dao có chút mỡ dê lầy lằng, liền lấy một miếng bánh đem chùi cho sạch. Vua Huyền Tôn nghĩ bánh là một vật ăn, nay đem mà chùi dao, thời đáng tiếc lắm, rồi chăm mắt Thái - Tử mà nhìn trông trọc có đáng không bằng lòng. Thái - Tử biết ý, khoan thai đem miếng bánh ấy để vào trong miệng mà

ăn ngay. Vua Huyền-Tôn mới cả mừng, bảo Thái-Tử rằng : « hễ người đời phúc lộc có chừng, phải nên tiếc của trời như vậy mới được. »

LỜI BÀN. — Ôi! từ ngôi thiên-tử cho đến kẻ thứ nhân, phúc phận tuy có nhón nhỏ, nhưng hễ biết tiếc thương dè dặt, thời được hưởng thụ lâu dài, phá tán xa phí, thời phải vẫn với thiếu thốn. Ví như nước giếng, dần dần mức lấy, thời nước chảy ra không cùng, mà dùng mãi không hết, nếu một lần tát lấy, tát để, thời trong giây phút nó khô cạn ngay. Vậy nên các bậc vua Thánh-Hiền đời xưa, tôn trọng chín tầng, giàu có bốn bề, mà thường bận áo giặc đôi ba lần, không ăn những vật quý lạ, giảm bớt đồ ngự dụng, dưỡng sức cho dân, nên chi tuổi thọ lâu dài, nước nhà bền vững vậy. Kia như bàn Hậu-Chúa nhà Tề Dạng để nhà Tùy, rán hết máu mủ của muôn-dân, để cung cấp cho sự ham muốn một mình, còn e không đủ. Đến khi phúc cùng lộc hết, mình mất nước nguy, thật là đáng thương lắm; một câu « tích phúc » của vua Huyền-Tôn nói đó thật là cái gương cho Đứng nhân-Chúa muôn đời.

* * *

XIV

VÀNG LỜI MẸ DẠY

(Sự tích vua Thái-Tổ nhà Tống)

Vua Thái-Tổ nhà Tống lúc mới lên ngôi, tôn mẹ là Đỗ-thị làm Hoàng thái-Hậu. Khi làm lễ tấn tôn, vua cùng đình thần lạy mừng ở trên điện, nhưng bà Thái Hậu có vẻ buồn rầu. Những người châu hầu đôi bên, thấy vậy tâu rằng : « Chúng tôi nghe rằng mẹ sang vì con, nay con được làm ngôi Thiên-Tử chẳng hiểu vì sao lệnh bà còn không vui. » Bà Thái Hậu ban rằng : « ta nghe lời xưa có câu « vi quân nam » nghĩa là : làm vua là một việc khó. Đứng Thiên-Tử đem mình đứng trên muôn dân, nếu biết cách thống trị cho đúng, thời ngôi vua mới là sang trọng, nếu sai đường lạc lối, một mai xảy ra biến cố, thời cầu làm lấy một đứa thất-phu cho chọn cũng không được, ta nghĩ vậy,

nên ta lo cho con ta mà ta buồn » Vua Thái-Tổ nghe bấy nhiêu lời liền sụp lạy tâu rằng: « con xin giữ theo lời mẹ dạy bảo. »

* *

XV

LỜI HAY CHÉP VÀO BÌNH PHONG

(Sự tích vua Thái-Tổ nhà Tống)

Năm khai Bảo thứ ba, rước kẻ xử sĩ là người Vương-chiêu-Tổ, cho làm quan Quốc-tử bác-sĩ. Vua cho đòi vào tiển điện hỏi cách trị nước và giữ mình. Người Vương-chiêu-Tổ tâu rằng: « Trị thể mạc được ai dân dưỡng thân mạc được quả dục ». Nghĩa là: « trị nước không có gì bằng có lòng thương dân, giữ mình không có gì bằng ít sự tình dục ». Vua nghe nói lấy làm ưa-ý, bảo đem mấy chữ này khắc vào bình phong và ghế ngồi.

. . .

XVI

QUỜ CÔNG CHÚA BẠN ÁO LÔNG

(Sự tích vua Thái-Tổ nhà Tống)

Bà Vĩnh-ninh Công-chúa thường bạn áo choàng bằng lông sả vào châu. Vua bảo rằng: « mấy đưa cái áo ấy cho ta, và từ rày không nên dùng lối phục sức như vậy nữa. » Bà chúa mỉm cười tâu rằng: « áo này dùng lông sả có đáng bao nhiêu », vua lại ban rằng: « không phải thế, bà chúa ăn vận như vậy thời ở trong nội cung cùng ngoài thích lý đều bắt chước theo, giá lông sả ở kinh phải cao, bọn dân hèn ham lợi kiếm tìm mua bán càng thêm hại vật thương sinh, thật ra đều vì mảy cả. Mảy từ bé chi lớn thường ở trong chốn giàu sang, nên nghĩ đến sự phục sức mới phải lẽ nào lại gây chuyện ác nghiệp như vậy » Bà chúa nghe lời vua ban như vậy liền thẹn thuồng chịu tội.

. . .

XVII

GHÉT ĐỒ TRANG SỨC CHÂU NGỌC

(Sự tích vua Nhân-Tôn nhà Tống)

Đời vua Nhân-lôn người trong cung ưa dùng ngọc châu, làm đồ trang sức trên đầu. Tìm mua mãi mãi, nên giá ngọc, châu ở Kinh càng ngày càng cao. Vua Nhân-Tôn sợ trong cung đua nhau ưa dùng châu, ngọc, thời phong tục lắt đến nỗi xa xỉ, mới nghĩ ra một cách để đổi cái thói ấy đi. Một ngày kia, vua chơi ở trên điện riêng, các bà Phi-Tân đứng hầu, có bà Trương-qui-Phi là người rất yêu của vua, đồ trang sức trên đầu, toàn là trân châu cả. Vua Nhân-Tôn trông thấy cố ý lấy tay áo che mặt lại không dòm, nói rằng: « cả đầu để những đồ trắng xóa kia, gần như cái triệu bất tường, sao không kiên cử gì cả ». Bà Trương-qui-Phi hồ thẹn vội vàng lui ra, rút đồ trang sức trên châu thay đồ trang sức khác đến hầu, vua mới vui mừng. Từ đó người trong cung chỉ nói vua Nhân-Tôn chán ghét đồ ấy, nên không ai dám trang sức nữa. Giá ngọc châu chốn Kinh - Sư liền giảm hạ đi.

LỜI BÀN. Ôi ! những đồ châu, ngọc, trân bửu kia, dổi không thể ăn, rét không thể bận, có một chút mảy mà giá cao không biết bao nhiêu hao tổn của dân, để làm đồ chơi trong một lúc, phỏng có ích gì không ? Nên chi đừng Minh-Quân qui năm giống lúa, mà rẽ rúng châu ngọc là nghĩ rằng không lấy đồ vô ích mà hại vật có ích vậy. Nhưng việc gì cũng quan hệ ở lòng háo thượng của bề trên. Xem một lời nói vua Nhân-Tôn, mà giá ngọc châu liền giảm, thời có đợi gì phép lệnh cấm chỉ nữa đâu.

XVIII

BAN ĐÊM NHỊN THỊT DÊ

(Sự tích vua Nhân-tôn nhà Tống)

Một ngày kia vua Nhân-Tôn nói với cận thần rằng: « Trẫm hôm qua nhân ngủ không được, bụng hơi đói, muốn ăn thịt dê quay. » Kể cận-thần tâu rằng: « Bệ-Hạ sao

không khiến đem dùng?» — Vua Nhân-Tôn nói: «Sở Thượng-Thiện vì thế rồi làm thành lệ, đem nào cũng làm một con dê quay để dùng, vậy thời hại súc vật nhiều lắm, lẽ nào vì sự khẩu-phúc, không chịu đói một đêm, mà nỡ giết bao nhiêu sanh vật cho đành. ta nghĩ thế nên làm thỉnh đi.» Lại một ngày kia, có người đem hai mươi tám con sò «cáp lợi» mỗi con giá đáng ngàn đồng tiền. Vua Nhân-Tôn nói: «trong một múi đũa mà tốn hết hai vạn tám ngàn đồng tiền, hưởng dụng không chừng đổi như vậy, ta không thể chịu nổi» Rồi không chịu dùng của đem ấy.

LỜI BÀN.— Vua Nhân-Tôn là một ông vua nhân-hậu thứ nhất triều nhà Tống, xem cái việc không nỡ hại vật, thời biết rằng không nỡ hại dân, nên chỉ làm nên được trị hiệu thái bình mà hưởng ngôi rất dài lâu vậy.

*
* * *

XIX

ĐỐT GẤM HỦY VÀNG

(Sự tích vua Huyền-Tôn nhà Đường)

Vua Huyền-Tôn khi mới lên ngôi, thấy phong tục đời bấy giờ xa hoa quá, trong lòng rất ghét. Muốn đổi bỏ cái tệ ấy đi liền ban chiếu hê những đồ ngự dụng, bất cứ cái gì mà trang sức, vàng, bạc, thời đem phá nát ra để tiêu dùng việc nhà nước, còn những đồ châu, ngọc, vóc, gấm trong nội-phủ điều đem ra trên điện lấy lửa đốt đi, để tỏ ra rằng không cần dùng nữa. Lại nghĩ rằng trong hậu cung mà không cấm ngăn trước, thì người ngoài không khỏi bắt trước theo, liền ban chiếu cho các bà Hậu phi không được dùng châu, ngọc, vóc, gấm làm đồ phục-sức nữa. Lại ban chiếu cho khắp thấy quan dân trong thiên-hạ, không được tìm kiếm châu, ngọc, thêu-dệt vóc, gấm. Lưỡng-kinh trước kia có đặt ra phường dệt gấm, nay cũng triệt bãi không cho làm.

LỜI BÀN.— Châu, ngọc, vóc, gấm, là một vật làm tốt bề ngoài, thật ra là không ích gì cả, đừng nhân-quân nếu sinh lòng ưa muốn, tất phải kiếm tìm khắp cả bốn phương,

tổn của kém công, không biết bao nhiêu mà kể, lại khiến cho thiên hạ hòa theo mà tập tục xa xỉ, dần dần đến nỗi dân cùng của hết, để hại vô cùng. Vua Huyền-Tôn năm đầu chăm lo về đường tiết kiệm như vậy, nên chi trị hiệu trong khoảng niên hiệu Khai-Nguyên có lắm điều hay chuyện tốt, sau lại không khỏi vì việc xa xỉ mà đến nỗi thất bại, cho huy những đồ xa hoa, để khiến cho người say đắm, mà các đứng nhân chúa, phải nên trì chí cho bền.

XX

HAM XEM SÁCH XUỐT NGÀY

(Sự tích vua Thái-Tôn nhà Tống)

Vua Thái - Tôn tánh siêng xem sách, từ giờ tị, đến giờ thân, mới bỏ quyền sách xuống. Ban chiếu cho các người nho thần, góp nhặt sự tích xưa nay, làm thành bộ sách gọi là : Thái-bình ngự-lâm, cộng một ngàn quyền, mỗi ngày dựng ba quyền để xem

Người Tống-Kỳ khuyên vua chớ nên xem sách quá siêng sợ nhọc đến thánh-thể...

Vua Thái-Tôn nói : « nghĩa lý trong thiên hạ, từ xưa đến nay đều chép hết ở trong sách, mở quyền ra xem khiến người mở mang thông minh, rộng thêm kiến thức, rất là có ích, dầu cho hằng ngày xem đọc, trong lòng cũng cứ vui vẻ, không biết nhọc mệt là gì ; trăm muốn nội trong một năm đọc xong một ngàn quyền sách ấy, nên phải một ngày ba quyền, mới có thể hết được ». Thường gặp khi thông thả, thời không chịu bỏ qua ngày giờ, với quan Thị-đọc là Vũ-văn-Trọng hỏi nghĩa trong sách, với quan thị-thư là Vương-Trứ hỏi cách viết chữ, với Cát-Suyền hỏi cách chú thích.

LỜI BÀN.— Đứng thánh nhân ngày xưa tuy là thông minh trời cho, nhưng cũng nhờ học vấn mới nên được nghiệp. Vì rằng việc trị, loạn, hưng suy trong xưa nay, dân tình vật lý trong thiên hạ, phải rộng xem kinh sử, mới biết được đủ đều, phải siêng sẵn hỏi dò, mới hiểu được đủ chuyện, nên chi đứng nhân quân lấy việc chăm học làm gấp, chính là vì có đó vậy. Xem vua Thái-Tôn nhà Tống, siêng học ham hỏi, không biết mệt mỏi là gì, nên làm được một vị vua thái bình mà mở mang nền văn hóa cho đời vậy.

(Còn nữa)

VĂN THƠ

Thơ văn cổ

THƠ CỤ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

(Xem Văn-Học Tạp-Chí số 2)

Viếng cụ Phan-Thanh-Giản. (1)

Quan Phan tiết nghĩa sánh cao đầy,
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may !
Hết dạ giúp vua trời đất biết,
Nát lòng vì nước quỷ thần hay.
Tuyệt lương một thúng rau xanh mặt,
Bị trách ba phen lửa đỏ mây !
Chấn sợ sứ thần biên chẳng ráo
Tấm lòng ấm ức phải thày lay.

Đốn củi

Thánh nhân còn gọi kẻ Sô-nhiều,
Người chẳng nên khinh thời lão tiều !
Ngày tháng nghênh ngang vãi gánh củi,
Núi non dọn dẹp một tay riu.
Lộc rừng cũng đủ bề hiu húc,
Nghề cũ nào lo vốn ít nhiều.
Theo phận vui trời cầm cán búa,
Mặc đời Kiệt Trụ mặc đời Nghiêu.

TÔNG LÀM sao lục

(1) Sau khi thất thủ 3 tỉnh phía tây Nam - Kỳ cụ Phan-Thanh-Giản nhịn ăn rồi uống thuốc độc tự-tử (1867) xem bài tiểu chuyện cụ đăng ở kỳ này).

Thơ văn kim



Viếng bạn Cúc-Đình

(cổ phong)

Tôi vừa được tin anh chán đời,
 Nửa chừng muốn khóc nửa buồn cười.
 Khóc cười vì sự đời nên chán,
 Cái cuộc văn chương tan-tác rồi.
 Văn chương bây giờ cùng ai nói,
 Họa có theo anh tới động-đài.
 Động-đài thi-xã nay đương thịnh
 Mừng được thêm anh một tướng tài,
 Nhấn với động-đài tri-kỷ đó,
 Rồi đây tôi cũng sẽ lên chơi.
 Đúc nấu tùy khuôn lò tạo vật,
 Sinh sinh hóa hóa mặc ông trời.
 Nếu hóa anh ra làm viên đạn,
 Thì anh tùy súng bắn ra ngoài.
 Nếu hóa anh ra làm đôi cánh,
 Thì anh muôn dặm thẳng đường mây.
 Khóc cười thôi cũng là « si » cả,
 Gọi tiễn anh đi có mấy lời...

MINH-PHƯƠNG

NGUYỄN NHƯ CƯỜNG



Đồng su.

Chịu em sến cạnh, chịu em khôn,
 Quả phúc em tu thế đã tròn.
 Bao kẻ yêu em xâu lỗ lại,
 Mà em vẫn bén cửa quyền môn.



Thu sầu.

Xe ngựa kia ai rộn phố - phường,
 Cỏ cây như héo dưới phong sương.
 Bên trời bay thẳng con cầu trắng,
 Trước cửa reo ngang chiếc lá vàng.
 Cảnh vắng mây tuôn tình thảm-đạm,
 Lòng thu ai rội nổi thê lương.
 Tiếng đàn vắng vắng bên rào trúc,
 Như đủ ai chơi cảnh mộng-trường.

(Trích trong tập thơ Lý Nguyên-Bách)

ĐINH HUY-HẠO sao lục



Xem cái đập nước dẫn thủy nhập điền
 ở Sơn-tây

Nghề nông nhất nước, nói không sai,
 Thiếu nước, phân, cần giống cũng tai. (1)
 Muôn mẫu tiêu khô đã khổ cực,
 Một sông chan chứa để trôi hoài;
 Chỉ cần khơi đắp mười đường máng,
 Là thấy mùa màng khắp cõi vui;
 Mừng mới khởi công nhưng khi muộn;
 Vị dân hưng lợi cậy nhờ ai.



Nghe tin Trưng Nhật xung đột
 ở Mãn-châu

Đồng văn đồng chủng lại đồng châu,
 Mà nỡ lòng nào cản xé nhau!

(1) Phương-ngôn có câu : nhất nước, nhi phân, tam cần tứ giống.

Văn hiến muôn năm sư ngũ tít. (1)
 Đất đai ba tỉnh cộp nhai nhàu. (2)
 Ngâm cơ thiên diễn đều như rứa.
 Mà nghĩa đồng văn dấp ở đâu?
 Ngang ngược chú lùn thôi chẳng trách,
 Trách sao ốm mãi hỡi anh Tàu.



Tặng người thể huynh

(Người này học giỏi nay quay làm thuốc và có mở
 cửa hàng đối chương ở Haiphong)

Sân Lý ngày nào lại gặp nhau,
 Bút hoa nay thấy cập dao cầu.
 Gia truyền sản thuốc ngàn vàng bán,
 Hải cảng trông thầy vạn kẻ đau.
 Hoạt thể nghề sang khoa hoạn rẻ,
 Thông kinh học chín bồ công mầu.
 Thêm tài thư họa Vương-ma-cật,
 Lọc ở trong tay nợ phải cầu.



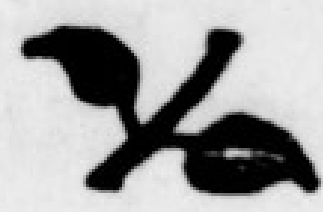
Khóc người bà con

(Người này 21 tuổi gặp gia biến, cha mẹ chết cả, có
 một người anh thi du-dăng vô-lại, túng cả phải làm thợ
 sắp chữ, bị chứng phù, non một năm thì chết).

Hăm-mốt năm trời nợ ăm no,
 Vận nhà xa xút tẩm thân cô.
 Hanh truân có chí khôn đường liệu,
 Giải ách không tài luống bụng lo.

(1) Người ta ví nước Tàu như con sư-tử ngũ
 (2) Ba tỉnh Mãn-châu bị quân Nhật bao chiếm gần hết.

Chịu vậy đã đành thân thợ chữ,
 Ấc thay ! vương phải bệnh phong phù.
 Thôi thôi nhắm mắt là yên chuyện,
 Dưới suối buồn gì túi cạn xu.



Cái hại chơi ả-đào

I

Cái cam lâu hồng thất thất kinh,
 Đại khôn ai cũng mắc vào vênh.
 Hư người hại của thôi không nói,
 Phá cả luân thường, hoại cả danh.

II

Tan nhà nát cửa hỡi ai ơi !
 Có biết vì đâu thế hử trời !
 Say tỉnh chén quỳnh chen giọng hãm,
 Bề khổ dẫn chết biết bao người :

III

Kề gì thất thổ với vong gia,
 Đến vợ lìa chồng, con mất cha.
 Vị nước vị dân còn nói được,
 Ai đâu vị hát cũng quên nhà.

IV

Ái quần ái chủng nói huyền thiên,
 Việc nghĩa nên làm vẫn biết nên,
 Dờ túi khốn thay không một chữ,
 Mua vui chót đã quẳng tiền nghìn.

V

Nói phiếm thân gia chẳng đoái hoài,
 Mặc con, mặc vợ, mặc ai ai.
 Kỳ tình ăn phải bùa thanh sắc,
 Huyết hãn đem cung lổ hồng rồi.

VI

Ai bảo nghề chơi nhả với phong ;
 Phong chi thủng trống, nhả long bông.
 Văn-nhân mặc khách chơi vào thử,
 Phỏng khác anh bồi chú sếp không ?



Đề đền Đa-hòa

(Đền thờ ông Chử đồng-tử và vợ là bà Tiên-dung ; bà Tiên-dung vốn con vua Hùng-vương, ông Chử thì là con một người nghèo câu cá, nhưng người rất hiếu, cha chết nhà chỉ còn cái khổ một, đành chịu ở truồng, lấy khổ mệm cho cha, thỉnh linh bà Tiên dung đi chơi đến bến. Tự-nhiên ngừng kiệu lại, gặp ông Chử ở trong bãi cát, liền kết hợp làm vợ chồng, cùng nhau đi tu ở đảo Quỳnh - am ; một nón một gậy, hai vợ chồng đi chu du khắp thiên hạ ; sau cùng phi thăng thành tiên, linh ứng rõ rệt cư dân lập đền thờ phụng ; Khi ông Triệu quang-Phục kéo thuyền độc-mộc ở Dạ-trạch ra đánh quân Lương, ông Lê-Lợi khởi binh Lam sơn ra đánh quân Minh, đều có phò hộ cho thắng trận)

I

Nhân gian hiếu-tử dễ bao người,
 Kén rề hiền - nga thật xứng đôi,
 Vì nết yêu nhau quên phú quý,
 Hoàng, Anh chuyện trước nữa là hai.

II

Điện ngọc lâu vàng ngó dửng dưng.
 Bụi trần phủi hết sạch láng láng.
 Dắt nhau lánh gót Quỳnh am ần,
 Nón gậy đi về với gió trắng.

III

Thanh cao khác tục tức là tiên,
 Câu truyện phi thăng cũng chẳng huyền
 Nhấn nhủ người đời mong bắt tử,
 Tâm nhân dục tĩnh ấy chân-thuyên.

IV

Cõi đời vinh quí thấy hoa man,
 Sương nhất tinh thần xuất thể gian.
 Trắng gió cung mây không mây bụi,
 Cùng nhau xướng hoa khúc cầm loan.

V

Mấy tao giúp Triệu lại phò Lê,
 Nạn nước tai dân phải độ tri.
 Thanh kiếm Lam - sơn thuyền Dạ trạch,
 Hồ lang quân giặc khiếp thần uy.



Nghĩ hộ người mừng bạn làm thông-phán

Cháu cụ tú, con cụ tránh, ông cha hay, giòng giỏi
 hần hay, mày trắng vẫn bàn tay trác lạc,

Trước thầy giáo, nay thầy thông, thời buổi mới công
 danh cũng mới, mây xanh còn rộng bước cao thẳng.

* * *

Nghĩ hộ người khóc mẹ

Con những mừng thăm, tứ đại đồng đường, đương
 vui vẻ cháu đàn chắt lũ,

Mẹ sao về vội, trăm năm một phút, luống bản khoán
 cha yếu bà già.

DƯƠNG-BÁ TRẠC

Văn tế con khóc mẹ

(Bài này làm hộ cho một nhà kia, cả con cái dâu dề tế mẹ kỳ tam-ngu. Nguyên bà mẹ này chồng có làm thuốc. Bà cụ người đảm, tay không làm nên giàu có, nhưng chỉ sinh con một bề. Sau lại lấy em gái làm vợ lẽ cho chồng, mới có con giai, góa chồng từ năm 40 tuổi, sống được ngoài 70 : Người ở về hạt phủ Hoài tỉnh Hà-đông).

Than ôi ! mây che đỉnh Dĩ (1) gió cuốn trời huyền (2). Cuộc trăm năm dâu bề chuyển vần, xe bay chiếc hạc ; đời một giấc, gió mây thay đổi, máu đỏ đàn quyền (3).

Nhớ mẹ xưa : tinh giời cần kiệm, nét đất nhân hiền. Vốn giòng khoa bảng, biết nghĩa kinh quyền. Giấy ăn giấy làm, trông nom con cái, ngày giỗ, ngày tết, thờ phụng tổ tiên. Nào khi cơm ngon canh ngọt, tần tảo (4) giữ nền trung quỹ (5) ; nào lúc thất lưng buộc bụng. Thử hòa (6) coi việc điền viên. Một tay gây dựng cơ đồ, tiền dư thóc tích ; bốn mặt mở mang môn hộ, ruộng cả ao liền. Ai hay giời những trêu người, trời quế mằm hộc chưa phủ nguyện ; nghĩ nổi chim còn tìm tổ, gốc cù giây cát (7) lại chao duyên. Rồi ra giai có vợ, gái có chồng, cái nợ dong công vai nhẹ gánh ; rõ thật cây thêm hoa, nhà thêm phúc, mảnh gương thi lễ đắp thêm nền. Bốn mươi năm giúp việc tiên-quân (8), dật cá và tôm,

(1) Dĩ : Trái núi không cây cỏ gì mọc, trong sách có câu « trắc bỉ dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề » ý nói là lên núi dĩ trông mẹ,

(2) Huyền : cây thường giòng ở phía bắc nhà, mẹ ngồi phía bắc nhà nên gọi mẹ là huyền.

(3) Quyền : con quốc:

(4) Tần tảo : tên hai thứ rau nghĩa bóng là người đàn bà đảm đang,

(5) Trung quỹ : việc cơm nước trong nhà.

(6) Thử hòa : tên hai thứ lúa.

(7) Cù cát : giây cát quấn vào cây cù, ví với vợ cả, vợ lẽ

(8) Tiên quân ; 1^o chồng

liệu phương bách giải, (1) một tấm kính treo lòng trính thực, buồn Tần bán Sở, lo kể thập toàn (2). Bấy lâu sẵn sóc việc nhà, sóng gió giòng sông mũi bách ; tưởng những dong chơi tuổi thọ, tháng ngày cửa sái tòa liên (3).

Nào ngờ cảnh cục (4) gió nam, đau lòng hiếu dưỡng (5) lưỡng ngán cổ nga khóm uất, vắng lẽ hàn huyền. Từ nay mặt bể chân giờ, tìm đâu cho thấy ; chạnh nhớ nhời vàng tiếng ngọc, dạ quặn thêm phiền. Công mẹ như nước nguồn, cục dục khôn đền ơn chín chữ ; lòng con dường tắc cổ, (6) tư thôi (7) âu giữ lẽ ba niên Trên giao từ (8) bầy quả bàn đào, mẹ phút vui chơi lạc quốc ; ngoài thừ lĩnh (9) sẵn cảnh dương liễu, mẹ sao mẩn cảnh từ thiên. Góc Nam cai (10) rầu rĩ ngọn lan, chín khúc tơ vò bối rối, tai bào hư (11) nỉ non tiếng bảo, (12) đôi hàng giọt lụy lưu liên. Đỉnh hương sơn muôn điệp nhớ thương. mây trắng (13) ngậm ngùi khi nghệ

(1-2) Bách giải, thập toàn : tên hai bài thuốc.

(3) Cửa sái tòa liên : cảnh nhà chùa.

(4) Cục : tên một thứ gỗ, vì trong sách có câu : gió nam thổi vào cảnh cục, nghĩa bóng : gió là người mẹ, cục là người con.

(5) Hiếu dưỡng : người con có hiếu nuôi cha mẹ.

(6) Tắc cổ : ý nói người con,

(7) Tư thôi : quần áo trở,

(8) Giao trì : chỗ tiên ở.

(9) Thừ lĩnh : chỗ phật ở.

(10) Nam cai : góc phương nam. Trong sách có câu : « tuần bỉ nam cai, ngôn thái kỳ lan » nghĩa là lần lên góc phương nam kia, nói hái thử cây lan, đại ý nói người con biết nuôi cha mẹ.

(11) Bào hư : bụi cây gỗ hư.

(12) Bảo : tên một thứ chim, thứ chim này giống như chim nhạn mà to hơn, tích này nói người con đi làm việc xa không nuôi được cha mẹ.

(13) Mây trắng : ông Định-nhân-Kiệt (người đời Đường nước Tàu) đi làm quan xa thấy mây trắng ở núi Thái hàng, than rằng nhà cha mẹ ta ở góc đó.

thử (1) sóng Nhị-thủy nghìn trùng khổ não, cỏ sanh gào khóc lúc Vu điền (2) ...

Ồi thương ôi ! bách tuế (3) vi kỳ, lễ tống táng chứng cho chúng tử ; nay vừa buổi tam ngu chí tế (4) lòng trai quý (5) thấu đến cửu toàn (6). Ba tuần rượu chín nén hương hưng bá tuần theo cỗ lễ ; tháng mệnh đông năm Canh ngọ, u minh (7) quý trước linh tiền (8).

Thương ôi !!

TRẦN - LẬP - TRÁC

BỔ CHÍNH

Về bài phú thuốc phiện (tập kiêu) đăng ở trang 61 kỳ số 3, dưới câu : *Đuốc hoa để đó nường nằm, cho mê mẩn đời, cho lăn lóc đá, (dòng 25) thợ sắp chữ sắp thiếu mất một câu :*

Hương nén sẵn đây ta đốt, càng quen thuộc nét, càng dạn dịu tình.

Vậy nay bổ chính.

* * *

1) Nghệ thử : giồng lúa để lấy thóc gạo nuôi cha mẹ.

2) Vu điền : đi ra ngoài đồng. Vua Thuấn xưa phải cha ghét lúc đi cấy thường gọi trời kêu khóc.

3) Bách tuế vi kỳ : cái giới hạn con người sống đến 100 tuổi là cùng.

4) Tam ngu chí tế : ngu kỳ thứ ba, tức là lễ ba ngày chử ngu là yên, người xưa đặt ra lễ này để cho con tế cha mẹ. mong cho hồn phách cha mẹ được yên ổn.

5) Trai quý : lòng kính cần.

6) Cửu toàn : chín tuổi.

7) U minh : mờ tối.

8) Linh tiền : trước bàn thờ cha mẹ.

Giới thiệu sách, báo

SÁCH MỚI

Bản-chí mới tiếp được mấy quyển sách này, xin có lời cảm ơn các nhà đã gửi tặng và xin giới-thiệu cùng độc-giả :

1° GIẢN-YẾU HÁN-VIỆT TỪ-ĐIỂN (*Dictionnaire sino-annamite avec annotations en français*). 5000 đơn từ, 40.000 từ ngữ Tác giả: Vệ-thạch ĐÀO-DUY-ANH, Hiệu-định-giả : Hãn mạn tử GIAO TIÊU. Quyển thượng A - M, 592 trang. Nhà in Tiếng - Dân ở Huế in. Giá bán trọn bộ hai quyển 7\$00.

Mục đích quyển từ-diễn này, như tác - giả đã nói trong *Phạm lệ*, là « sưu-tập phần nhiều các từ - ngữ và thành ngữ mà quốc - văn đã mượn trong hán văn và những từ ngữ trong hán - văn mà quốc-văn có thể mượn thêm nữa để dùng cho rộng ».

Các chữ đều sắp đặt theo thứ tự chữ cái quốc-ngữ dễ dễ tra. Mỗi chữ hoặc thành ngữ có in chữ nho bên cạnh và thích nghĩa rõ ràng. Nhiều chữ (thứ nhất là những danh - từ mới) lại có chua chữ Pháp để tiện sự nghiên cứu.

Thích nghĩa rõ ràng các từ ngữ gốc ở chữ nho đã dùng trong văn ta để người xem văn được hiểu rõ, người viết văn khỏi dùng sai, đó là một việc thiết yếu ngày nay. Bản-chí trong mấy số nay khởi thảo tập « Việt Hán Pháp từ - điển » cũng theo đuổi mục đích ấy. Nay ông ĐÀO DUY ANH xuất bản quyển từ điển này thật là làm được một việc rất có ích cho sự học quốc văn.

Quyển này lại có ích cho những người muốn học chữ nho có thể theo *Biểu tra chữ Hán* ở cuối sách mà tra những chữ mình muốn biết âm và biết nghĩa.

2° “EMPLOI DES VERBES AUXILIAIRES EN FRANÇAIS” (Solécismes-locutions vicieuses). LÊ CÔNG-ĐẮC soạn nói về cách dùng các tiếng động-tử chữ Pháp thực là cuốn sách rất có ích cho các nhà học chữ Pháp. —

3° TUYẾT - HỒNG LỆ SỬ, nguyên văn chữ Hán của TỪ-TRÂM-Á, ông ĐOÀN-TƯ-THUẬT dịch ra quốc văn, hiệu sách Nam-Ký xuất bản. Giá 0\$46

4° SÀI SƠN THI LỤC của NHÀ SƯ CHÙA THẦY biên lục những thơ của các danh nhân cổ kim đề vịnh núi Thầy. Sách in bản gỗ, vào giấy ta bằng chữ Hán và chữ nôm. Có nhiều bài thơ hay lắm. Từ kỳ sau bản-chí sẽ trích in ít bài để công đồng lãm.

5° LUẬN NGŨ LOẠI NGŨ của cụ ÔN NHƯ LƯƠNG-VĂN-CAN trích những câu hay trong sách Luận-ngữ chia từng mục loại rồi dịch ra quốc-văn. Sách này do hiệu Nam-Ký xuất bản — Giá 0\$40

6° VĂN-ĐÀN BẢO GIÁM quyền I của ông TRẦN-TRUNG-VIÊN biên lục những từ phú thi ca các bậc danh nho trong nước, do hiệu Nam-Ký xuất bản. Lần in thứ ba này có thêm nhiều hình ảnh các bậc văn-hào. Giá bán 1\$00.

7° NÔNG LÂM HÓA HỌC KỸ NGHỆ do NHÀ IN ĐÔNG-TÂY xuất bản trong có nói về nhiều nghề như nghề làm đường, nghề ép dầu (dầu dừa, dầu thầu dầu) nghề làm sà - phòng (sà - phòng trắng, sà - phòng thơm, sà - phòng rửa mặt) nghề làm nển, nghề ruộm (ruộm thâm, ruộm vải tây đỏ, ruộm vải bông, vải tơ, len) v. v. rất cần cho các nhà ham học nghề. Sách dày gần 100 trang mà giá bán rất rẻ (có 0\$20 thôi) để cho được phổ thông.

*
* *
*

B Á O

Bản chí vừa tiếp được tờ báo « ĐUỐC NHÀ NAM » số 740 là tờ báo sau khi có nghị định giải cấm cho phép được lưu hành ở Bắc-Kỳ

Báo này do ông NGUYỄN-PHAN-LONG làm chủ - nhiệm.

Báo quán ở số 72 đường Lagrandière Saigon.

Giá báo : một năm : 15\$ - sáu tháng 8\$ 00 ba tháng 4\$
một tháng : 1\$ 50 - một số 7 xu.

Bản-chí xin vui lòng giới thiệu độc - giả tờ báo có giá trị trong Nam.



Tờ báo « ĐÔNG-PHƯƠNG » im hơi lặng tiếng trong 4, 5 tháng nay, ngày 6 Septembre vừa rồi đã tái bản. Lần này bạn Đồng Nghiệp mới tạm ra mỗi tuần hai kỳ : thứ ba và thứ sáu. Mỗi số 0 \$ 0 3.

Báo xếp đặt đẹp và nhiều bài vở hay.

Ông-Trần-Vỹ làm chủ nhiệm. Báo quán ở số 86 - 88 phố Cầu-Gỗ Hanoi.

Bản chí xin chúc bạn được trường thọ.



GIẢI THƯỞNG VĂN - HỌC

MỘT GIẢI 300 ĐỒNG - MỘT GIẢI 150 ĐỒNG

Xem kỳ sau sẽ rõ

Những cái lạ trong lời

VĂN THO

I

MỘT CÂU ĐỐI DÀI 148 CHỮ

Câu đối kỳ-giả thuật ra đây là một câu đối ít thấy có vì nó dài, dài quá, những đọc đến cũng phải cảm hơi nhiều. Tuy vậy, văn hay lắm mà đối nhau chan chát.

Tương truyền hình như câu này của ông Chiêu - Lý, chính tên là Phạm-phượng-Sinh về đời Hậu - Lê, năm Đinh-Dậu (1777) ở thôn An-thường, xã Ân-thị, huyện Đông - ngàn tỉnh Bắc - ninh (xứ Kinh - bắc). Ông là người rất có tài học mà vì bất đắc chí nên sinh ra chán đời, chỉ thường bầu rượu túi thơ, vui thú cùng non xanh nước biếc... Việc đời không hay, chuyện đời không màng.

Câu đối như sau :

Mạnh ta tuổi Đinh - Dậu, năm nay ba chục, chừng
nhi lập xem đã phải khoảng, nghĩ mình nay đầu đã
lớn tầy đình ! vì thân này nửa kiếp đã hầu qua, phủ
sinh ấy khéo buồn tênh thay mệnh nhĩ ? giận cái long
đong làm lỗ phận, không thanh danh cho lừng lẫy áng
bang gia, khu khu ôm vinh nhục những rằng trời, chết
chôn kỹ kéo vất vợ ma huyền thế !

« Người ta năm Bình-Dần, đầu tháng mồng hai, tiết Tân-xuân nay đã đến thì, mừng trời ấy, mũi hần to bằng thổng ! như xuân thế một năm hầu dễ mấy ? lạc thú kia nên náo nức với ai ơi ! sợ con sông sộc kíp theo chân, đua thanh sắc để nhờn nhờn nơi thành thị ; hần hảng lấy tính tình vui với cảnh, sống chơi giai cho khùng khảng rạng trần gian ».

Mỗi vế đúng 74 chữ, cả hai vế 148 chữ !

II

Thơ chữ thập + gửi cho tình nhân

Đây

lại

gửi

Thiếp nhớ chàng thơ bỏ nghĩa này
được

em

hay

Ấy bức thơ của thầy đồ trẻ gửi cho một cô nữ học, cũng vừa để thử tài đó. Các đọc - giả thử đoán xem cô kia có hiểu nổi chăng. Xin nói ngay rằng cô kia cũng chẳng hiểu ra sao, lại phải tìm đến thầy đồ, thầy liền cầm bút thảo :

Đây lại gửi thơ được em hay,

Hay em được thơ bỏ nghĩa này.

Này nghĩa bỏ thơ chàng nhớ thiếp

Thiếp nhớ chàng thơ gửi lại đây.

Câu thơ viết thành chữ thập cũng đã dụng công lắm nhỉ ?

KH. S,



HOA-LƯ¹ KẾT-NGHĨA²

(LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT)

SOẠN GIẢ : Dương-Bá-Trạc

HỒI THỨ BA

Chùa Giao-thủy giải bày tâm sự
Động Hoa-lư hội họp anh-hùng.

Bà Đàm-thị nghe tin Hậu-chúa phục được nghiệp vua Ngô, nhân con mình cũng có học có tài, gặp hội rồng mây, cũng có đường tiến thân được, bèn bảo Bộ lĩnh rằng :

— Này, con ơi ! cha con trước cũng theo phò vua Ngô, làm nên công danh hiển hách, quyền cao chức trọng, trấn thủ một phương. Con nay đã lớn khôn mang tiếng là dòng - giới tướng môn, tất cũng phải lo kiến công lập nghiệp. Bấy lâu nhà Ngô mất lộc, thiên hạ tranh hươu. (1) Các tướng tung hoành, bốn phương loạn lạc, mỗi người chiếm cứ mỗi chỗ, chưa hẳn qua đầu nóc nhà nào, (2) theo ai đừng ai, khó bề quyết trạch, nên mẹ cũng cùng con vui thú sơn lâm, chăn trâu kiếm cá, khuất mình yên phận để đợi thời-cơ. Gần đây mẹ nghe hai con vua Ngô đã khôi-phục được nghiệp cũ, chính

1) Thiên hạ đều giành được ngôi vua như thi nhau đuổi bắt một con hươu.

2) Nói bóng là thiên-hạ chưa hẳn về ai.

ngôi đại-bảo, (1) người nước tôn phù, đánh dẹp mọi nơi, tưởng không bao lâu cũng cơ đồ nhất-thống. Con bấy lâu rèn rũa, tài lược cũng chẳng kém gì người, ngọc truốt không lẽ dấu ở trong hòm, gươm mài nên đem thử xem lưỡi nhọn, mẹ nghe người ta thường nói : Chim chọn cây mà đậu, tôi chọn chúa mà thờ. Hội này là hội công danh, con nếu có chí nối dõi nghiệp nhà, định xuất đầu lộ diện với đời thì nên theo phò Hậu-chúa Ngô, vin cánh phượng, bám vầy rồng, lần bước vào bậc thang vinh hiển, trước là chấn khởi gia thanh, (2) sau là hưởng nhờ quốc lộc, chẳng hay lắm dư ?

Bộ - lĩnh thưa lại mẹ rằng :

— Lạy mẹ, mẹ đẻ ra con được, há mẹ lại chẳng biết lòng con. Con vẫn đã bẩm mẹ nhiều lần, con không phải là người cày cuốc kiếm ăn, uất uất ở mãi chốn này được. Con từ bé đến giờ, nhờ công mẹ dạy dỗ cho, được biết câu truyện các đấng anh hùng hào kiệt, con vẫn đem lòng phấn phát hưng khởi vô cùng. Đã sinh kiếp ở trong trời đất, phải có tên gì với núi sông. Chẳng cứ là lúc nào, dù lúc nào con cũng không hề quên cái bụng kiến công lập nghiệp. Con nghĩ cái đại thể thiên hạ, phân mãi rồi phải hợp, loạn mãi rồi phải trị, nếu cứ tứ phân ngũ liệt tàn sát lẫn nhau mãi như thế này, thì nhân dân lầm than biết đến thế nào mà nói ; sự thế nước ta bây giờ tất phải có chân nhân (3) ứng vận mà ra, hùng tài đại lược, thu phục được hết cả quần hùng (4) cứu sinh linh (5) trong lửa nóng nước sôi, dựng nền nước trên thái sơn bàn thạch. Xưa Huệ-vương nước Lương hỏi thầy mạnh - tử : Thiên hạ liệu đến bao giờ thì yên ? Thầy Mạnh tử đáp : Có người

1) Làm cho rục rở nhà mình

2) Cửa báu lớn chỉ ngôi vua

3) Người thực đáng vì vua.

3) Mọi người hùng trưởng.

5) Loài người.

nhất thống được cả thiên hạ thì bấy giờ mới yên. Trời không lẽ lại có hai mặt trời, nước không lẽ lại có hai ông chúa. Con cũng đã nghĩ chán không phải có ham gì tranh bá đồ Vương, nếu hai con vua Ngô mà có đủ tài đủ sức nhất thống được khu-vũ, yên định được nhân dân, thì việc thiên hạ có cứ gì thành ở tay mình, ai làm được có phúc cho dân, có lợi cho nước mà mình chẳng tán-thành, việc gì con phải đem mình nhọc trí lo toan, cứ để cho được người ta xuống để mình lên mới là hǎngiạ; song, con đã xem đi xét lại, quả chưa có người nào đúng được cái tư-cách phụ thể trưởng dân (1) : Xương Ngập, Xương Văn hồ tiếng là nói giống vua Ngô, nhưng thực thì trứng rồng nở hóa liú điú, kẻ tài lược không thǎm đâu được với vua Ngô ngày trước, nay tuy về được cố đô, xưng là Ngô hậu chúa chẳng qua là nhờ gặp được Tam-kha xuy nhược quá, vận tǎy nên có hồi may, nhưng trong nước còn sâu xé tan tǎnh, kẻ cô người quả, kẻ bá người vương,, Ngô hậu chúa oai đức không đủ trấn phục người ta, vũ-lược cũng không đủ bình định người ta thì trong nước làm sao cho nhất-thống được, chẳng những không thu phục được người, mà con nghe gần đây ngay trong hai anh em cũng không hòa-mục với nhau, Xương-Ngập tài-lược còn kém Xương-Văn nhiều mà lại có ý giành quyền chuyên chính; con dám nói quyết rằng cơ nghiệp vua Ngô chẳng tài nào khôi-phục được như cũ, rồi đây anh em Ngô hậu-chúa chẳng qua cũng chỉ thập thò một xó, cũng cùng với mấy anh sứ quân khác cùng một phường thô phục hồ tàng. .

Con lạy mẹ, con quyết phen này vùng-vǎy ra tay cho rõ mặt tài trai trong đất Việt, xa nổi dǎu thom

1) Giúp đời làm chúa dân.

vua Triệu - vũ, gần mở nghiệp lớn vua Ngô - quyền, phong chấn mãi một lưỡi gươm, những phùng giá áo túi cơm xá gì, mẹ à!

— Ừ! mà con có nói mẹ mới hay; mẹ đàn bà lo làm ăn lúi húi trong xó nhà, biết đâu được cho hết những nhân vật đương thời, tình thế trong nước. Mẹ nuôi con từ bé, chỉ có một cái kỳ vọng thiết tha cho con là kỳ vọng con làm anh hùng hào kiệt, con mà quyết chí làm được anh hùng hào kiệt thì mẹ dù chín tuổi cũng cam tắc lòng. Con cố đi.

— Con lay mẹ, mẹ thương con như thế mới thật là thương. Thưa mẹ, xin mẹ cứ dành tâm yên nghỉ quê nhà, ngon ngủ ngon ăn, đừng có sớm trông tối ngóng bận bụng vì con, thì con được đội ơn mẹ cao dày khôn xiết kể.

Bộ-linh nói dứt lời thì từ biệt mẹ ra đi tìm kế mãi mãi chiêu binh, gây dựng nghiệp lớn. Khi trước Bộ-linh có tông học với ông sư chùa Giao thủy, thầy trò rất là tương đắc nhau, bây giờ trước hết đi đến chùa Giao thủy, thi lễ với thầy rồi rãi bày tâm sự, ban đầu còn hỏi thử thầy rằng:

— Ông thầy dạy dỗ, con được sáng mắt mở lòng, tình nghĩa sư sinh, muôn đời ghi tạc; nhưng chẳng hay những kinh luân thao lược mà thầy truyền thụ cho con đó dùng để làm gì? Nghĩ cái đời chẵn trâu kiếm củi của con mà học nó thì được có cái ích gì nhỉ?

Ông sư Giao-thủy đã đoán biết tâm sự của Bộ-linh, cả cười mà rằng:

— Tôi biết đâu với anh đấy, anh đến học tôi, tôi biết cái gì thì bảo anh cái nấy, anh học được thì dùng để làm gì tùy ý anh; nếu anh đã định cái đời anh là đời chẵn trâu kiếm củi thì ai bảo anh đến học tôi làm gì?

— Lay thầy, con nghe thầy học rộng biết nhiều nên con đến học; con học được các điều thầy dạy, con cũng lấy làm thích lắm, ơn thầy con thật không bao giờ quên. Nay chỉ xin thầy chỉ giáo mình bạch cho một câu: những cái thầy dạy cho con học đó dùng vào việc gì cho xứng?

— Thôi! anh làm bộ hỏi dờ dẩn mãi làm gì thế. Tôi hằng hỏi anh, anh có định cái đời anh là đời chăn trâu kiếm củi mãi không?

Bộ lĩnh nghe ông sư nói cũng bắt bắt buồn cười, biết thầy đã giòm thấy hết gan hết ruột mình rồi, mới trần tình thưa thực rằng:

Lay thầy, con dẫu ai chứ lại dám dẫu thầy. Con tới đây là cốt đem tâm sự rãi tỏ cùng thầy: thưa thầy, cái đời con quyết không chịu là cái đời chăn trâu kiếm củi mãi; từ lúc con đến học thầy, con đã không có cái chí chăn trâu kiếm củi nữa: Thầy đã có lòng mở mắt khai tâm cho con trước, há thầy lại tiếc công dẫn đường chỉ nẻo cho con sau; con tới đây để thỉnh giáo thầy, xin thầy có mưu diệu chước kỳ dúp cho con cho thành việc.

Ông sư Giao-thủy vỗ vào vai Bộ-lĩnh mà rằng:

— Tôi thấy anh tới, tôi đã biết ý anh rồi. Không phải bây giờ tôi mới nói, tự lúc tôi mới gặp anh lần thứ nhất, lách tách tay sách đồ cá, tôi đã đem gánh nặng dẹp loạn cứu dân ở nước ta sau này chúc-vọng vào anh rồi; anh cứ cố đi. Tôi cũng chẳng có mưu diệu chước kỳ gì, chỉ hiến anh bốn chữ: đặc sĩ giả vương; làm việc gì cũng cốt nhất là được người, được người rồi thì chẳng lo gì việc; vua Hán-cao-tô được tam Liệt mà kiêu dũng như Hạng-vũ đến phải nộp đầu: Vua Hán-chiêu-liệt được Khổng-minh mà gian-hùng như Tào-man đến phải thúc thủ; ấy đặc sĩ giả vương là thế đấy. Anh mưu đồ nghiệp lớn, tôi thật không dám tiếc gì tâm lực mà không biết lấy cái gì giúp

được cho anh, xin tiễn anh hai người, cứ con mắt tôi xem ra, tưởng cũng không khác gì Tam-kiệt của vua Hán-cai, Khổng-minh của vua Chiêu-liệt vậy. Hai người ấy một người tên là Đinh-diễn, một người tên là Nguyễn-bặc đều ở trong lộ (cũng như bây giờ gọi tỉnh. Nước ta từ đời ông Khúc-biêu chia trong nước ra làm từng lộ, phủ, châu, và xã) này : Nguyễn-bặc thì cày ruộng ở trong động Hải-nham (thuộc huyện Gia-viễn Ninh-bình bây giờ), Đinh-diễn thì hái thuốc ở trên non Dục-thủy (ở ngay tỉnh lý Ninh-bình bây giờ) ; hai người trước cũng đều có theo học tôi cả, đều có chí lớn, có tài to ; Nguyễn-bặc là người dũng lược tuyệt luân (1) ; Đinh-diễn là người chí mưu xuất chúng, vẫn có cái bảo phụ khác thường, ần cư đợi thời, không chịu theo ai cả. Anh nên tìm mà kết giao với hai người ấy, gắn bó tâm phục cùng định đại-mưu. Người ta thường nói : chỉ hào-kiệt mới biết được người hào-kiệt, chỉ anh hùng mới biết được người anh-hùng. Hai người ấy đã ủy thác phò anh, thì những kẻ anh hùng hào-kiệt trong nước nhân hai người ấy mà tuyển dân còn nhiều hào-tuấn thiên-hạ đã về mình, thì việc thiên-hạ cũng không còn có gì là khó nữa.

Bộ-lĩnh nghe nói cả mừng, như người được của báu, như người cất gánh nặng, liền tạ ơn thầy đi ngay, chèo đèo qua suối, lặn lội vào tới trong động Hải-nham, tìm được đến chỗ Nguyễn-bặc ở giả làm một tên thợ cày đi làm mướn kiếm cơm ăn. Nguyễn-bặc trông thấy Bộ-lĩnh tướng mạo khôi ngô, hình dung vạm vỡ, biết không phải người thường bèn nói :

— Tôi nghèo khổ ở trong một só rừng này, tay làm hàm nhai, cũng chẳng thuê mướn ai làm chi cả ; bác ở đâu mà lại chịu lặn lội vào tới đây tìm chỗ làm mướn ở đây ruộng đất mênh mông bề sở, tôi cũng cày cuốc

1) Hơn cả loài.

làm ăn có một thân một mình, bác có bằng lòng ở đây cùng làm cùng ăn thì cũng tốt :

Bộ-lĩnh nói thử bụng Nguyễn-bác rằng :

— Tôi cũng ở quanh trong vùng này, vì quá chén đi thả trâu ăn ngoài núi, cãi nhau với một đũa mục đồng, đánh nó chí mạng, phải bỏ xứ chốn đi vào đây, nếu bác có lòng tốt bao dung cho, ở đây cày cuốc làm ăn thì may lắm.

Nguyễn-Bác nói :

— Tôi ở trong này, một mình riêng một giang sơn, chẳng quan quyền nào động được tới tôi ; chẳng oai quyền nào động được tới tôi ; nếu bác có sự như vậy thì cứ việc ở đây với tôi làm ăn không hề gì cả.

Bộ-Lĩnh tỏ lời cảm ơn Nguyễn-Bác rồi xin ở ngụ đây dung thân, ngày ngày theo Nguyễn-Bác đi cày đất cuốc vườn, có ý xem xét cái tâm tính, cái tài năng của Nguyễn-bác ; Nguyễn-bác cũng thường để tâm xem xét Bộ-lĩnh có dũng lược võ nghệ gì không.

Một buổi tối trời sáng trăng, Nguyễn-Bác lấy ra hai cái quờn rử Bộ-Lĩnh đánh quờn chơi. Bộ-Lĩnh đương muốn thử tài năng Nguyễn-Bác, liền nhận lời xin vâng : hai người cầm hai cây quờn cùng đi mấy đường, vừa múa vừa nhẩy, đều đúng phẩm pháp, không ai kém miếng nào cả.

Bộ Lĩnh vừa cười vừa nói :

— Tôi tưởng có mình tôi khi còn ở nhà đi chăn trâu với chúng hay đánh lộn đánh lao mới phải tập cái nghề này ; không ngờ bác ở đây cày cuốc làm ăn cũng giỏi nghề thế.

Nguyễn-bác tính nóng nảy, không thể dấu kín tâm sự được lâu, liền thốt nói với Bộ-lĩnh rằng :

— Bác tưởng tôi ở đây cày cuốc là cam tâm chịu làm thẳng diên tốt suốt đời, cùng cây cỏ cùng mục đấy hay sao ! Người anh-hùng lúc thời vị ngộ thì cày cuốc làm ăn là để mài luyện cái chí khí, rèn tập cái tài lược

của mình, rồng lép vẩy đề chờ mây, hồng sửa lông đề đợi gió ; ông Y doãn cày ở Sần-giã là cốt chờ cái vận hội hưng Thương ; ông Gia-cát cày ở Nam-dương là cốt đợi cái thời cơ phục Hán. Bác tính ở xứ ta bây giờ, nước non tan-tác, binh hỏa tung-hoành, đừng có là thân gỗ đá thì mới bung tai nhắm mắt cứ ăn no vác nặng cho cùn ngày lun tháng thì thôi, đường đường một đấng trượng phu, há lại không dự bị lấy một chút tư bản gì đề hồng còn có lúc bay cao nhẩy xa, kiếm công lập nghiệp, cái dũng lược, cái võ nghệ ấy chính là cái tư bản của những kẻ trượng phu có chí dẹp loạn giúp đời đấy, bác ạ ! Tôi nghĩ thế nên tuy ăn thân điền giả mà vẫn theo đòi tài nghệ, gươm long tuyền trong vỏ lúc nào cũng sắc như nước đề hồng dịp chém đá không quẩn ; mà tôi chắc bác cũng nghĩ thế nên mới giỏi võ nghệ hơn người chứ quyết không phải vì cái ý nhỏ mọn ganh đua hơn kém với mấy đứa mục đồng, như lời bác vừa nói thác ra đó ; tôi xem tướng mạo bác, dò tâm chí bác, cũng đã hơi soi thấy can đảm nhau rồi ; bác nói thác ra với tôi những là đi làm mướn kiếm ăn, là đánh chết người bị trốn chẳng qua đều là bác còn để bụng nghi ngờ tôi chưa chịu đem tâm trường thổ lộ đấy chứ gì ?

Bộ-Linh giả làm bộ cung-kính sợ-hãi mà rằng :

— Lay ông, xin ông thứ lỗi cho tôi : tôi không biết ông anh-hùng kỳ kiệt, chỉ cả tài cao như thế, thế mà tôi người phàm mắt thịt, mấy hôm nay được ông thu dưỡng, lại dám tưởng làm là một bọn cầy cuốc cùng nhau, anh anh em em, lấy thân làm lửa đùa dòn sần-sược, có nhiều đều súc phạm đến oai nghiêm ; chắc rằng độ lượng người kẻ lớn như bể như trời, cá còn cá kích vẩy - vùng ngoài ba lớp sóng chẳng thêm chấp gì cái tép con tôm, chim hồng chim hộc bay liệng trên mây từng mây, chẳng thêm xá gì chích-chòe xe-xẻ. Nay chỉ mừng rằng đã được nương thân bóng cả, thân bìm phận sần thế nào cũng có ngày vịn tựa được gốc cây cao ; Kiếp xưa tu mấy mà dày, mừng nào còn quá mừng này nữa thôi !

Cảm tưởng đôi với cuộc NGŨ GIÁ HỒI LOAN



Cliché Thanh-Nghệ-Tĩnh Tân-Văn
CHÂN DUNG ĐỨC BẢO - ĐẠI

Trong dịp đức Hoàng-thượng hồi loan, tôi được thay mặt *Văn-học tạp-chí* mà dự các lễ-tiết nghênh-tiếp khánh-hạ, những lễ-nghi nhân-vật như thế nào, tưởng một người thay mặt cho một tờ *tạp-chí* mà tờ *tạp-chí* lại

là tờ tạp - chí văn-học, dù không có bài kỹ-thuật cũng không lấy gì làm quan hệ, dù có bài kỹ-thuật đi nữa cũng chưa chắc tỷ-mỷ rõ-ràng được như các bạn đồng-nghiep khác, cái mà mọi người đều có, e cũng không nên có là hơn. Duy những chỗ có quan hệ đến báo-giới và học-giới thì tôi không thể bỏ qua. vậy xin kể sơ ra đây để các bạn đọc giả nhàn lãm mà cũng mong có ngày thấu đạt đến Bề - trên chăng :

Trước hết tôi có tiếc hai điều :

Một là trong ngày bệ kiến, tôi chưa kịp bàn định trước với ông chủ - nhiệm *Văn-học tập-chí* để nhân tiện dâng mấy số tạp-chí (1, 2, 3), ngõ mong Hoàng-thượng biết rõ tôn-chỉ mục-đích của tờ *Văn-học tập-chí* là một tờ tạp - chí rất có giá trị về nền văn hóa nước nhà.

Hai là trong ngày bệ-kiến, anh em báo-giới vì thiếu tình đoàn thể không sắp đặt trước, nên ngoài việc châu thỉnh an ra không thấy cái gì đáng gọi là cuộc phỏng vấn của báo-giới hết thấy.

Đáng tiếc chỉ có thể mà đáng mừng thì có nhiều điều :

Một là mừng được trông thấy cái thái độ khoan hòa cần trọng của Hoàng-thượng mà có phần tin chắc rằng ngài sẽ cầm vững vận mệnh tương lai cho quốc dân mà cái thái độ của ngài lại chứng tỏ rằng : tiếm nhiệm văn hóa âu - tây mà tự mình bền chí và có định kiến thì cái kết quả sẽ được mỹ mãn ; thế là đủ làm cái gương sáng cho bạn thanh niên du học sau này, biết noi theo đó thì mới có cái hi vọng tạo phúc cho đồng bào vậy.

Hai là mừng được trông thấy Ngài đối với báo giới chẳng những tiếp đãi trọng thể mà lại có vẻ chan chứa cảm tình, thế là con đường ngôn luận của ba kỳ bắt đầu từ nay càng thấy sáng thêm và mở rộng vậy.

Ba là mừng được nghe rõ Ngài là một vị Đế - vương ưa văn-hóa, trọng học-thuật, thế là nền văn-học nước nhà sẽ nhờ ngài gây-dựng tô-bồi họa may

có ngày vững-vàng tốt-đẹp như nền văn-học các nước văn-minh Âu Mỹ.

Vì ba điều mừng ấy mà tôi dám có mấy lời ước cầu.

Ước sao về vấn-đề phiên-dịch trước-thuật. Triều Đình giốc lòng chiếu-cổ, hết sức khuếch-trương, khiến cho sách quốc-văn rộng đường ban bố lưu-hành, họa may quốc-dân đối với các món phổ-thông trí-thức chuyên môn khoa học khỏi phải cái khổ học nhờ viết mượn (Nghe nói hiện nay viện Cổ Học ở Huế đã tự xin tổ-chức cuộc phiên-dịch mà viện Dân-Biểu cũng định xin lập viện Hàn-Lâm)

Ước sao niên-hạn của học sinh, chương trình của học chánh có chút thay đổi thế nào, để trừ bớt cái nạn thất-nghiệp của bạn thanh-niên học-tử nay mai, vì dân tộc Việt-Nam là một dân tộc có khiếu thông-minh, có tánh ham học, nhưng trong đó phần nhiều là con nhà cực khổ nghèo-hèn.

Viết đến đây, nhân được đọc bản dịch văn lời Châu Dụ của Hoàng-thượng ra ngày mồng 10 tháng 8 năm Bảo-Đại thứ 7 (10 Septembre 1932), tôi xin lược trích những đoạn có quan hệ đến học-giới và báo-giới như sau này :

.

« Ta sẽ tuyển - dụng cũng như thừa xưa, là do thi khảo, đề mục luân-lý, kinh-văn và cũng có khoa-học về chánh trị phép luật tân thời, hễ ai được thẳng phân số là trúng tuyển. Sẽ đặt một trường đặc biệt (là trường sĩ-hoạn). Ta sẽ hết sức lo dạy cách chánh trị thực hành làm cho đức dục và trí dục được tấn tới thêm.

.

« Việc học bây giờ có nhiều người ý kiến trái nhau, kẻ thời nói việc học tấn-bộ, người thời nói thoái-bộ, ta xem ra trong mấy năm gần đây, chỉ lấy những vấn-đề học-qui làm trọng.

« Vậy học-qui há trọng hơn tôn-chỉ, mà sao chỉ chăm dạy khai-trí, không chăm dạy thành-đức cho trẻ

con là lũ đương nhiệt-tâm về tân-học. Ta sẽ hết sức bỏ-cứu cái hại ai nấy đều phản nản, là nó làm cho những đời người cận-thời giống như đã quên những phong-hóa lưu-truyền rất tốt của nước ta.

« Chính vì ý ấy, cho nên nhân có Chánh-phủ Bảo-Hộ đã tổ chức học-vụ hay tốt, đặt thầy có mô-phạm tân thời, cứ cơ-sở vững bền ấy, ta sẽ sửa bộ Học lại, sẽ gọi rằng bộ Quốc - Dân - Giáo - Dục, để biểu-minh chủ ý.

« Ta muốn sắp đặt việc giáo-dục của quốc-dân theo nền vững bền lối gia-đình giáo-dục và luân-lý đời xưa.

« Có trường công về phần quan kiểm-sát làm hướng đạo cho việc giáo-dục quốc-dân Ta lại tính đường mở-mang hương trường và tư-trường, là nơi gần mặt phụ-huynh, vì theo luật phép và phong-tục nước ta, thời phụ-huynh phải có trách-vụ to về đường giáo-dục.

« Ta khuyên kẻ phụ-huynh đem lòng lưu ý việc ấy, lo việc tương-lai, đặng mà giúp sức với Chánh-phủ, để cho thành được việc gọi là việc dựng lại cho dân cả nước, ấy là chính việc xã-hội Việt-Nam phải đem lòng chăm lo vào đó cả

« Vả lại noi theo Thánh-Ý khoan-hồng đức Tiên-Hoàng Hoảng-Tôn-Tuyên-Hoàng-Đế, quả hơn muốn cho quốc-dân thân ái của ta được trần-ngôn tiếng thấu tai trên, được tỏ-tình những điều sở-nguyên, được thỉnh-cầu những sự cần thiết phải lẽ.

. “ Khâm thử.

Bấy nhiêu đó đều là cái tin cần thiết cho học-giới và báo giới, chúng ta đều nên đề ý đợi xem.

TIÊU-LIÊU-TỬ. (Huế)

CÁCH VIẾT THƯ

(MANUEL EPISTOLAIRE – TỪ HÀN)

Dương-Tự-Nguyên

CHƯƠNG THƯ TƯ

(Tiếp theo)

57. — MỪNG NGÀY SINH NHẬT

(Gửi cho chú)

Hanoi, ngày 26 tháng Sáu 1932

THƯA CHÚ,

Gặp ngày vui vẻ của chú, cháu tự dưng sinh hai mối cảm tưởng : một là tiếc, hai là mừng. Cháu tiếc vì ngày lễ sinh-nhật của chú mỗi năm chỉ có một lần, mà cháu lại muốn ngày nào cũng có thể bày tỏ cho ông chú quý mến biết đến tấc lòng ghi ơn nhớ nghĩa của cháu. Cháu mừng vì viết bức thư này có thể làm nhẹ bớt cái nợ lòng đối với một bậc trưởng thượng đáng kính đã ban cho cháu biết bao nhiêu sự giúp đỡ, khiến cho cháu nên người tử tế.

Ước gì cho chú sống lâu trăm tuổi để cho cháu còn được nhiều năm chúc mừng ngày sinh nhật của chú! Cái thì giờ có qua, nhưng cái lòng kính mến chú không bao giờ mà phai nhạt được.

Nhân tiện có người về quê, cháu xin gửi biếu chú cái quà mọn này để mừng chú. Xin chú vui lòng mà nhận cho.

Cháu thân yêu

VƯƠNG VĂN-ĐẠT

58 — NHƯ TREN

(Gửi cho bạn)

Hanoi, ngày 28 tháng Sáu 1932

BẠN THÂN TỒN-HIỆU,

Ngày mai là ngày sinh nhật của bạn, tôi xin gửi biếu bạn một cái quà mọn này, để ghi nhớ cái tình thân mật của đôi ta. Của ít lòng thành, xin bạn nhận cho.

Chúc bạn được mọi sự vui vẻ.

Kẻ chí thân,
PHẠM-VĂN-TUẤN

59 — MỪNG SINH CON GÁI

Hanoi, ngày 14 tháng Tám 1932

BẠN KHANG,

Nhớ từ khi đôi ta chia tay ở bến sông Hoài, anh vì công việc phải đi Lạng-sơn, còn tôi thì phải trở về học tại Hanoi, đến nay bốn đốt ngón tay đã trải qua hai mùa nóng lạnh kia rồi. Hôm mười hai tháng này, tôi gặp anh Tường ở ga Hanoi, tôi mới biết tin chị Khang vừa ở cữ cháu gái. Tôi vội viết thư này để mừng anh.

Cứ theo thói thường, hãy để con trai thì người ta hay ăn mừng ăn tiệc linh đình, còn để con gái thì bỏ lơ không ai hỏi han gì tới. Họ cho rằng: con trai mới là con vĩnh viễn của mình, còn con gái ngày sau lớn lên lấy chồng sẽ là con gái nhà người. Ấy chỉ vì cái lòng hẹp hòi và quá tư vị đó mà xưa nay đã sảy ra biết bao nhiêu cái khốc hại cho gia-đình, cho xã-hội và cho nhân quần. Có lẽ đâu chỉ con trai mới kể là con, còn con gái không phải là giọt máu tình thâm của những người cha mẹ đó sao !

Cái hủ tục « trọng nam khinh nữ » không những là không được công bình, và lại trái với lẽ tự nhiên lắm nữa. Đã chia ra bên trọng bên khinh, thì theo tính người, tất nhiên là trọng thì hay ân cần, mà khinh thì hay

bạc bẽo ; vì đấy mà cái sự giáo-dục của hai bên mới sinh ra chênh lệch khác nhau và cái tri-thức của hai bên mới thành ra hơn kém xa nhau. Thử hỏi, người mẹ ngu dốt thì lấy đâu có con sáng suốt được chẳng ? Phương chi, đối với sự sinh tồn ở đời này, con trai và con gái đều có cái năng lực như nhau : đối với gia-đình và xã-hội, hai bên đều có cái nghĩa-vụ giống nhau. Sự rõ rệt mà ai nấy đều phải công nhận là xưa nay những người con hiếu phần nhiều xuất ở những người mẹ hiền. Muốn cải-lương xã-hội, trước hết phải lo cải-lương gia-đình : muốn cải lương gia-đình, trước hết phải cải-lương những hạng con gái để đào tạo lấy những bậc vợ thảo mẹ hiền mới được. Bởi vậy, phàm người đã có con mắt rông xa, đều cho sự giáo-dục cho con gái là một việc cần thiết lắm.

Anh là người có học thức mới, và có tư tưởng mới, chắc không đến nỗi câu nệ ở cái hủ tục vừa nói ở trên. Nay tôi mừng anh, mà tôi lại mong anh từ nay sẽ lo việc giáo-dục cho các con anh, dù trai dù gái, đều nên người có dụng.

Sơ lược mấy lời xin anh xét cho. Kính chúc anh chị và cháu bé đều được mạnh khỏe cả.

Bạn thân,
TẠ-VĂN-VIỆT

60. MỪNG SINH CON TRAI

Haiphong, ngày 26 tháng chạp 1932

THƯA ÔNG,

Cái gia đình của ông đến nay là hoàn toàn rồi. Sinh được một cậu con trai đã làm cho ông bà được mãn nguyện, và tức đã thêm được một sợi dây thân ái để giàng buộc lấy sự kết-hợp của ông bà. Tôi có thể tưởng tượng được cái sự vui mừng của ông trong khi nâng niu đứa trẻ quý báu và yêu mến ấy. Từ

nay ông sẽ thấy có sự sinh hoạt mới mẻ trong gia đình. Việc nuôi nấng và dạy dỗ đứa trẻ ấy tức là cái mục đích của ông bà sẽ đề ý đến. Cái tương lai của đứa trẻ ấy ông bà sẽ sắp định từ ngày nay.

Thưa ông, ông không cần phải tìm kiếm ở đâu xa lạ để lấy mộ cái khuôn mẫu cho cậu con quý báu ấy sẽ bắt chước về sau; tài học như quý ông và đức hạnh như quý bà, cậu bé nhà ta cứ theo gương ở cha mẹ ấy cũng đủ nên người sáng suốt và đủ khiến cho các người lương thiện phải trọng vọng lắm rồi.

Tôi xin gửi lời thăm quý bà, và chúc cho quý tử được hay cho chóng lớn. Nhân dịp vui vẻ này, tôi xin gửi đến cái quà mọn để tỏ chút lòng thành. Xin ông bà nhận cho

CHU VĂN-NAM

61. — TRẢ LỜI BỨC THƯ MỪNG SINH CON

Hanoi, ngày 27 - tháng chạp 1932

THƯA ÔNG,

Tôi xin cảm ơn ông đã viết thư mừng tôi, và cho tôi nhiều thức quý báu. Tôi lại xin thưa để ông biết cho rằng: nhà tôi và cháu bé cũng đều mạnh khỏe cả. Tôi rất mong cháu nó sau này sẽ trở nên một người đúng như những lời chúc tụng của ông, nếu không may mà sau này cháu nó không nên người khá, thì cái sự ấy, tôi xin thú thực, không phải lỗi tại tôi.

Chúc ông bước sang năm mới sẽ được mọi sự vui vẻ, và mong ông khi nào thông thả sẽ quá bộ lên chơi với tôi ít ngày.

LÝ-THẾ-QUANG

(Còn nữa)

Kỳ sau sẽ tiếp

TỰ-HỌC TIẾNG ẮNG-LÊ

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)

DƯƠNG-TỰ-NGUYÊN

BÀI THỨ 13

(Tiếp theo)

At two forty - five P. M. (1)	<i>et thu fô-thi fay v pi em</i>	Vào hồi hai giờ bốn mươi năm phút buổi chiều.
I shall expect you. When will you be back?	<i>ay shal ec-pec-t du hu-en u-il du bi bec</i>	Tôi sẽ đợi ông. Bao giờ ông sẽ trở về ?
I shall - be back in two hours.	<i>ay shal bi bec in thu au-a-s</i>	Trong hai giờ tôi sẽ trở về
Half an hour.	<i>haf en au-a</i>	Nửa giờ
A quarter of an hour	<i>ê khu - ot - thơ of en au a</i>	Một khắc (mười lăm phút)
Two hours and a half	<i>thu an-a-s en ê haf</i>	Hai giờ rưỡi
You are an hour late.	<i>du a en au a lét</i>	Ông chậm mất một giờ.
We have plenty of time.	<i>u-uy he v plen - thi of thay mờ</i>	Chúng ta còn nhiều thì giờ.
He comes in good time.	<i>hi khâm-s in gut thay-mờ</i>	Nó đến đúng giờ.
Is it late ?	<i>iz it lét</i>	Có muộn không ?

(1) P. M. = Post meridiem = Buổi chiều

It is not late.	<i>it iz not lét</i>	Không muộn
« « still early	« « <i>s thil ơ li</i>	Hãy còn sớm
« « too late	« « <i>thu lét</i>	Muộn lắm rồi.
« « time to get up	« « <i>thay mờ thu get ắp</i>	Đến giờ dậy rồi. (đừng ngủ nữa)
« « day	« « <i>đê</i>	Sáng rồi.
« « time for breakfast	« « <i>thay mờ fo brec-for-st</i>	Đến giờ ăn sáng.
« « night	« « <i>nach</i>	Tối rồi.

BÀI THỨ 14

Dates & Seasons - NGÀY THÁNG VÀ BỐN MÙA

Sunday	<i>sân-đê</i>	Chủ nhật
Monday	<i>mân-đê</i>	Thứ Hai
Tuesday	<i>thiu-z-đê</i>	« Ba
Wednesday	<i>u-oen-z-đê</i>	« Tư
Thursday	<i>thor-z-đê</i>	« Năm
Friday	<i>fray đê</i>	« Sáu
Saturday	<i>set thor-đê</i>	« Bảy
January	<i>chen-du-ê-ri</i>	Tháng Giêng
February	<i>phep-bru-ê-ri</i>	« Hai
March	<i>má-chờ</i>	« Ba
April	<i>ê pril</i>	« Tư
May	<i>mê</i>	« Năm
June	<i>chi-un</i>	« Sáu
July	<i>chiu-lai</i>	« Bảy
August	<i>o-gờ-st</i>	« Tám
September	<i>sep them bờ</i>	« Chín
October	<i>oc-tho bờ</i>	« Mười
November	<i>no-ven bờ</i>	« Một
December	<i>đi-xem-bờ</i>	« Chạp
Spring	<i>s-pring</i>	Mùa Xuân

Summer	<i>s âmmò</i>	Mùa Hạ
Autumn	<i>ot-thâm</i>	« Thu
Winter	<i>uin-thò</i>	« Đông
One day	<i>u-oăn đê</i>	Một Ngày
One week	— <i>u-uic</i>	« Tuần lễ
One month	— <i>mân-th</i>	« Tháng
A season	<i>ê-si-zăn</i>	« Mùa
A year	— <i>dia</i>	« Năm
A century	— <i>sen-thi-u-ri</i>	« Thế kỷ
Yesterday	<i>des-thơ-đê</i>	Ngày hôm qua
Day before yes- terday	<i>đê bi pho de-s-thơ-đê</i>	« « kia
Day after to - morrow	<i>đê af-thơ thu-mo-rô</i>	Ngày một
A holiday	<i>ê ho-li-đê</i>	Một ngày nghỉ
Last month	<i>la-st mân-th</i>	Tháng trước
Next month	<i>nec-st mân-th</i>	Tháng sau
Date	<i>đêl</i>	Ngày tháng
Every day	<i>ev ri đê</i>	Mỗi ngày
A few days ago	<i>ê phiu đê-s a-gô</i>	Mấy ngày trước (Mấy bữa vừa qua)
Some time	<i>sâm thay-mờ</i>	Có một khi (Một ngày kia)
He will do it some time	<i>hi u-il du it sâm thay- mờ</i>	Một ngày kia nó sẽ làm việc ấy
My some time teacher	<i>may sâm thay · mờ thi chờ</i>	Thầy giáo cũ của tôi
Some time we see him in the theatre	<i>sâm thay mờ u-uy si him in đơ thi-at thờ</i>	Có một khi tôi thấy nó ở trong nhà hát
Sometimes	<i>sâm thay mờ-s</i>	Có khi
Sometimes rich, sometimes poor.	<i>sâm-thay mờ-s ri-ch sâm thay mờ-s p'ua</i>	Có khi giàu có khi nghèo

Sometimes there is some, sometimes not	<i>sâm-thay-mờ s đê iz</i> <i>sâm. sâm-thay-mờ-s</i> <i>not</i>	Khi có, khi không
It sometimes happens	<i>it sâm thay-mờ-s hep</i> <i>p'ân-s</i>	Có khi xảy đến
From time to time	<i>from thay-mờ thu</i> <i>thay-mờ</i>	Thỉnh thoảng
A short time since	<i>ê shot thay mờ sin-s</i>	Mới được ít lâu (trước đây không bao lâu)
In a month's time	<i>in ê mân s thay mờ</i>	Trong khoảng một tháng
On the 1 st of next month	<i>on đờ phờ st of nec st</i> <i>mân th</i>	Vào ngày mồng một tháng sau
At the end of this month	<i>et đờ en of đi s</i> <i>mân th</i>	Đến cuối tháng này
The middle of July	<i>đố mit dần (midl) of</i> <i>chiu lay</i>	Dữa tháng Bảy tây
2 nd may	<i>sé-khần mê</i>	Mồng hai tháng Năm tây
23 rd June 1932	<i>thu-en thi thớt chi-un</i> <i>nành-thin thớt-thi</i> <i>thu</i>	23 tháng Sáu 1932
Since the 12 th of October	<i>sin-s đờ thu el-v th</i> <i>of oc-tho-bờ</i>	Từ ngày 12 tháng mười
Until the 21 st of December	<i>ân-thil đờ thu-en-thi</i> <i>phờ st of di-sem-bờ</i>	Đến ngày 21 tháng chạp
This day week	<i>đi-s đê u uic</i>	Ngày này trong tuần lễ trước (hay sau)
At about this time next year	<i>et a - bâu - t đi-s</i> <i>thay-mờ nec-st đi</i>	Ước chừng vào lúc này năm sau

Every day	<i>evri đê</i>	Mỗi ngày
Every other day	<i>ev ri a-đờđê</i>	Cách một ngày
Every third day	<i>ev-ri thót đê</i>	Cách hai ngày
Day by day	<i>đê bai đê</i>	Ngày ngày
The twentieth century	<i>đờ thu-en-thi-th sen thi-u-ri</i>	Thế-kỷ thứ 20
During the season	<i>điu rĩng đờ si-zần</i>	Đương mùa
Out of season	<i>a-út of si-zần</i>	Quá (trái) mùa
What day is this ?	<i>hu-ăt đê i z đis</i>	Bữa nay là ngày gì ?
This is the 3 rd of March	<i>điz iz đờ thot of má-chờ</i>	Bữa nay là mồng 3 tháng ba
What day is to-day ?	<i>hu-ăt đê iz thu-đê</i>	Bữa nay là ngày gì ?
To day is the 4 th of April	<i>thu đê iz đờ fôth of ê-pril</i>	Bữa nay là mồng 4 tháng tư
What day of the week is this ?	<i>hu-ăt đê of đờ u uic iz đĩ-s</i>	Bữa nay là thứ mấy (trong tuần lễ)
This is wednesday	<i>đĩ s iz u-uen s-đê</i>	Bữa nay là thứ tư
He comes every Tuesday	<i>hi khams ev-ri thi-u s-đê</i>	Thứ ba nào nó cũng đến

BÀI THỨ 15

English language — TIẾNG ẰNG-LÊ

Understand	<i>ân đờ si then</i>	Hiểu, biết.
Learn	<i>lờn</i>	Học
Study	<i>s thờ đĩ (si-thờ-đĩ)</i>	»
Teach	<i>thi-ch (thit chờ)</i>	Day
Say	<i>sê</i>	Nói
Speak	<i>s-p'ic (si-p'ic)</i>	»
Accent	<i>ec sen</i>	Giọng

Pronunciation English	<i>p'rô-nân-si-ê-shân</i> <i>ing gli sh (ing-gli-shô)</i>	Giọng đọc Tiếng Ăng-lê
French	<i>fren ch (fren-chô)</i>	» Pháp
Language	<i>leng-gu-ê chô</i>	» nói
Myself	<i>may-sel-f</i>	Tự tôi, một mình tôi.
A little	<i>ê lit-thiol</i>	một ít
Loud, louder	<i>láu-đ, láu đờ</i>	To tiếng, to tiếng hơn
Slowly	<i>s-lô-li (si-lô-li)</i>	Chậm
Fluently	<i>flu-en-t-li</i>	Nói trơn
Even though	<i>i-văn đố</i>	Dẫu rằng (dù cho)
Do you speak En- glish?	<i>đu du sp'ic ing gli-sh</i>	Ông có nói được tiếng Ăng-lê không
Yes, I speak it a little.	<i>de-s ay sp'ic it</i> <i>ê lit-thiol</i>	Có, tôi nói được ít thôi.
I speak also French	<i>ay sp'ic ol-so fren ch</i>	Tôi nói được cả tiếng Pháp
I don't speak French.	<i>ay đôn sp'ic french</i>	Tôi không nói được tiếng Pháp
How long have you learnt English	<i>hau long he v du</i> <i>lôn ing glish</i>	Ông học tiếng Ăng lê được bao lâu?
A short time only	<i>ê shot thay mờ ôn-li</i>	Được ít lâu thôi.
Since last Decem- ber	<i>sin s lá-st đi sem-bô</i>	Từ tháng chạp năm ngoái
I have studied it for the last seven months.	<i>ay he-v s-thất đi</i> <i>it so đờ lá-st se-vân</i> <i>mân-th-s</i>	Tôi đã học được bảy tháng nay.
Who teaches you?	<i>hu-thit-ch-s du</i>	Ai dạy ông?
I study it myself.	<i>ay s-thất đi it may</i> <i>sel-f</i>	Tôi tự học lấy.
You have a good accent.	<i>du he-v ê gui ec-sen</i>	Giọng ông đọc tốt lắm.

The pronunciation is very difficult.	<i>đờ prô-nân-si-ê-shăng</i>	Giọng đọc khó
Do you understand all what I say ?	<i>iz ve ri đì-fi khơl</i> <i>đu du ân đờ-s then</i> <i>ol hu-ắt ay sê</i>	quá. Ông có hiểu hết những lời tôi nói không ?
I don't understand you. Please speak more slowly.	<i>ay đôn ăn-s then đớ</i> <i>p'li'-s sp'ic mô-slô-li</i>	Tôi không hiểu ông nói gì Xin ông nói chậm một tí.
What do you say ? Speak louder You speak English very well.	<i>hu-ắt đu du sê</i> <i>sp'ic lau-đờ</i> <i>đu s'pic ing glish</i> <i>ve-ri u uel</i>	Ông nói gì vậy ? Ông nói to lên. Ông nói Ẳng-lê giỏi lắm.
You speak very fluently	<i>đu s'pic ve-ri flu-entli</i>	Ông nói trôi chảy lắm (nói thạo)
You should speak only English, even though you would make mistakes	<i>đu skut sp'ic ôn-li</i> <i>ing glish i-văn đớ đu</i> <i>u ut méc mis-théc-s</i>	Ông chỉ nên nói tiếng Ẳng-lê thôi, dù ông có lỡ nói lầm một đôi tiếng cũng chả hề gì.
You are right that is the way to learn English.	<i>đu a rách đét iz đớ u</i> <i>uây thu lon ing-glish</i>	Ông nói phải lắm. Cách học tiếng Ẳng-lê chính phải vậy.
I'll try to speak only English with my friends.	<i>ay'l thờ ray thu sp'ic</i> <i>ôn-li ing glish u uit</i> <i>may fren-s</i>	Tôi sẽ cố nói toàn tiếng Ẳng-lê với các bạn tôi.

BÀI THỨ 16

In society - GIAO TIẾP VỚI XÃ HỘI

Society	<i>so-sach-thi</i>	Xã hội
Business	<i>bí-zin-nes</i>	Công việc
Merchant	<i>mơ chần</i>	Người buôn bán

Student	<i>sì-thiu-đen-t</i>	Học trò
Father	<i>pha-đơ</i>	Cha
Mother	<i>mơ-đơ</i>	Mẹ
Theatre	<i>thiết-thơ</i>	Nhà hát
Refreshment	<i>ri-fresh-men-t</i>	Giải khát
Coffee	<i>kho-fi</i>	Cà phê
Tea	<i>thi</i>	Trà
Anybody	<i>en-ni Bo-đi</i>	Mỗi người (một người nào)
Glad	<i>glet</i>	Vui vẻ
Urgent	<i>ơ-chần</i>	Khẩn cấp, gấp
How long	<i>hau long</i>	Bao lâu
Such	<i>sát-ch (sát chờ)</i>	Như thế
Always	<i>ol-lu-uây s</i>	Luôn luôn
Since	<i>sin s (sin-sì)</i>	Tự khi
Introduce	<i>in-thờ-rô-điu-s</i>	Giới thiệu
Acquaint	<i>ac-khuên t</i>	Quen biết
Invite	<i>in vach</i>	Mời
Offer	<i>ơ-fờ</i>	Dâng
Allow	<i>a-lau</i>	Cho phép
Like	<i>lach (lay-khờ)</i>	Muốn
Attend	<i>at-then</i>	Chờ, đợi
Remain	<i>ri mên</i>	Ở lại, lưu lại
I am very glad to see you	<i>ay em ve-ri glet thu si du</i>	Được gặp ông. tôi lấy làm vui vẻ lắm
I introduce you my father, Mr. X ..	<i>ay in-thờ-rô-điu-s du pha-đơ, Mis-thơ êc-s</i>	Tôi xin giới thiệu cho ông, đây là cha tôi, là ông X...
My name is L. B.	<i>may nê-m iz el bi</i>	Tên tôi là L. B.
I am a student	<i>ay em ê sì thiu-đen</i>	Tôi là học trò
He is a merchant	<i>hi iz ê mơ-chần</i>	Nó là người buôn bán

(Kỳ sau sẽ tiếp)

TỰ' HỌC TIẾNG TÀU

(THEO CÁCH MAU BIẾT NÓI)

TIẾNG QUẢNG-ĐÔNG

DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN

BÀI THỨ 13 (bài-nối)

大家同姓 你㗎邊處住呢	Tài cá thùng sing Nị hầy pín suy chùy nể?	Chúng ta cùng họ Ông ở đâu?
我㗎海防住	Ngộ hầy Hôi- phòng chùy.	Tôi ở Hải-phòng.
你去邊處 我去河內行吓	Nị hui pín suy? Ngộ hui Hồ - nôi hàng hạ .	Ông đi đâu? Tôi đi Hà-nội chơi
你㗎邊處發財	Nị hầy pín suy phạt sồi?	Ông buôn bán ở đâu?
我㗎河內做生意 鋪頭㗎邊處呢	Ngộ hầy Hồ - nôi chù sáng đi. Phu thau hầy pín suy nể?	Tôi ở Hà-nội buôn bán. Cửa hàng ở chỗ nào?
㗎廣東街十二 號門牌	Hầy Quảng - tổng cái sắp dì hau mùn phải.	Ở phố Quảng - đông số nhà 12.
寶號係乜野 (乜野招牌㗎)	Pầu hau hầy mắt dễ? (Mắt dễ chịu - phải nể?)	Tên cửa hiệu của ngài là gì? (- id. -)

小號係廣禎祥

叫做廣禎祥

賣乜野貨呢

賣雜貨, 零外辦
的絲緞

生意好嗎

都算麻麻咗, 唔
係十分好幾時得閒, 請去
我個處坐吓好咯, 我得閒就
來拜候你Siu hau hay
Quảng - ching -
sường.Kiu chù Quảng -
ching-sường.Mài mắt dễ phô
nế?Mài chap phô,
lìng ngòi pàn tí
sí tuín.

Sáng di hầu má.

Tú suín mà mà tí
âm hay sập
phấn hầu.Kỉ sì tắc hàn, sỉnh
hưi ngò cô suy
sổ hạ.Hầu lỗ, ngò tắc
hàn châu lồi
pai hầu nịTên cửa hiệu của
tôi là Quảng-
chinh-Tường.

(- id. -)

Bán hàng gì?

Bán tạp hóa,
ngoài ra còn cất
thêm tơ đoạn.Buôn bán khá
chớ?Cũng gọi là khá
vậy thôi, không
được khá lắm.Khi nào được rảnh
mời ông lại chỗ
tôi chơi.Được rồi, tôi được
rảnh sẽ lại thăm
ông.

BÀI THỨ 14

出街買野 RA PHỐ MUA ĐỒ

寫得

值計

Sẽ
Chù tắcChịc
CayViết
Làm được (được
rồi)Đáng tiền
Tính (tính tiền)

Chú ý.-- Người Tàu có cái tục rất tốt; hãy mới gặp nhau, thế nào cũng hỏi họ hỏi tên và hỏi tông tích của nhau. Có biết nhau rõ ràng thì sự giao-tế mới được thân mật. Nếu gặp người cùng họ hay là cùng quận với nhau, họ lấy làm vui mừng, và quyến-luyến nhau lắm. Người các nước sang ở đất Tàu đều khen cái tục này là tốt.

添俾煙仔呂宋煙
一對機
茶杯
茶壺
色水
太深

多煩
收單
我要出街買野

你想買乜野呢

我要一包煙仔

要呂宋煙有

我要好嘅

撐個手巾嚟睇

俾我睇一對機

要邊樣色水呢

要白色嘅
個樣色水合嗎

個樣色水太深
咯

Thím
Pỉ
Ín chảy
Nủ sông ín

Dắt tui mạt
Sà púi (tsà púi)
Sà vù
Síc sủi
Thai sấm

Tổ phàn
Sáu tán
Ngộ diu xuất cái
mãi dễ
Nị sưởng mãi măt
dễ nể?
Ngộ diu dắt páo ín
chảy.
Diu nủ sông ín
mậu?
Ngộ diu hầu kê.

Níng cô sẫu cấn
lầy thầy hạ.
Pỉ ngộ thầy dắt
tui mạt
Diu pín đường sic
sủi nể?
Diu pạc sic kê.
Cô đường sic sủi
hạp má.
Cô đường sic sủi
thai sấm lố.

Thêm
Cho
Thuốc điếu
Thuốc nữ-tổng
(cigare)
Một đôi tất (dớ)
Chén trà
Ấm trà
Mầu (mùi)
Sấm quá (đậm
quá).
Phiền (làm phiền)
Biên lai
Tôi muốn ra phố
mua đồ.
Ông muốn mua cái
gì?
Tôi muốn một gói
thuốc lá.
Có cần thứ thuốc
sì-gà không?
Tôi muốn thứ tốt
kia.
Cho xem cái khăn
tay
Cho tôi xem một
đôi tất.
Muốn mùi gì?

Muốn thứ trắng.
Mùi này có được
không?
Mùi này sấm quá.

要藍色唔要黑色

重想買乜唔呢

我重想買添幾隻茶杯

呢個茶壺賣幾多錢呢
八毫半, 少的就
唔賣得嘅

唔值得咁多

呢處賣樣樣都
貴價嘅
實老實嘅
減得的有

你俾幾多
七毫半得有

唔得, 俾添的咯

就咁喇
好咯, 賣平俾你
咯

請你計吓鹹把
冷幾多銀

做得
多煩你寫張收單

Diu lam sic, âm
diu hắc sic.

Chùng sường mãi
mắt âm nể?

Ngô chùng sường
mãi thim kỉ chiếc
sà púi.

Ni cô sà vù mãi
kỉ tổ sin nể?

Pạt hầu pun, sủ
ti châu âm mãi
tắc kê.

Âm chịch tắc cảm
tổ.

Ni suy mãi dương
dương tú quay.

Sắt ca kê.

Hầu lủ sắt kê.

Cảm ti tắc mau.

Nị pỉ kỉ tổ?

Sắt hầu pun tắc
mau?

Âm tắc, pỉ thim ti
lổ.

Châu cảm lá.

Hầu lổ, mãi phèng
pỉ nị lổ.

Sỉng nị cay hạ hăm
pà làng kỉ tổ
ngần.

Chù tắc.

Tổ phàn nị sẽ
chương sáu tán.

Muốn mùi lam,
không muốn
mùi đen.

Còn muốn mua gì
nữa không?

Tôi còn muốn mua
mấy chiếc chén
trà.

Cái ấm trà này bán
bao nhiêu tiền?

Tám hào rưỡi,
kém nữa không
bán được.

Không đáng giá
ngần ấy.

Đây bán cái gì
cũng đắt.

Thực giá đấy
Thực thà lắm đấy.
Bớt một tí được
không?

Ông trả bao nhiêu?
Bảy hào rưỡi
được không?

Không được, trả
thêm đi.

Như thế thôi.

Được rồi, bán rẻ
cho ông đó.

Xin ông tính xem
tất cả bao nhiêu
tiền?

Được rồi, xin vâng
Phiền ông viết cho
cái biên lai.

有 嘅

請 呵, 好 生 意 咯

好 行 咯

Dau kê

Sing a, hâu sáng
y lố.

Hâu hàng lố.

Có chữ (xin có
ngay).

Chào ông buôn
bán phát tài.

Chúc ông đi mạnh
khỏe.

BÀI THỨ 15

生 意 VIỆC BUÔN BÁN

買 客
客 仔
本. 資 本

虧 本
蝕 本
利 息
散 賣
發 行

入 數

賬

賬 數

倒 盤

靠 得 住

先 生 好 生 意 嗎

有 多 買 客 嗎

唔 算 發 財 但 係
未 有 虧 本

Mãi hạc

Hạc chảy

Pủn, sí pủn

Khuấy pủn

Sít pủn

Lầy sic

San mài

Phạt hòng

Sế

Sâu

Dập sâu

Chương

Chương sâu

Tầu phùn

Khảo tắc chùy

Sin sáng, hâu sáng
di má?

Dau tổ mãi hạc
má?

Ầm suin phạt sồi,
tàn hày mây dau
khuấy pủn

Khách mua hàng

» »

Vốn (tiền gốc)

Lố vốn

» »

Lời lãi

Bán lẻ

Bán cất

Chịu (bán chịu)

Tính (tính sổ)

Vào sổ

Sổ

Sổ chi thu

Vỡ nợ

Tin được

Thưa ông, sự buôn
bán của ông có
khá không?

Có nhiều khách
mua hàng
không?

Cũng chưa kể là
phát tài, nhưng
chưa đến nổi lố
vốn.

呢間舖頭開嚟
好耐麼

舊年時開嘅
發行乜野貨物
呢
我哋散賣多

你賣除數唔呢

你的客仔有錢
還嗎

有的賬數我唔
曾收得番

你有帽賣有

邊樣帽都有

有大冇細,有貴
有平

嚟呢個架上,有
乜野貨物呢

有針,線,眼鏡,面
鏡各種

個間雜貨舖都
算係好大間
嘅

佢辦洋貨多

Ni cán phủ] thau
hỏi chỗ hầu nôi
mổ?

Cầu nìn sì hỏi kê.
Phạt hòng mắt dễ
phô mặt nể?
Ngộ ti san mài tổ.

Nị mài sẽ sâu ăm
nể?

Nị tí hạc chảy dậu
sìn oàn má?

Dậu tí chương sâu
ngộ ăm sảng
sấu tắc phán.

Nị dậu mẫu mài
mậu

Pin dường mẫu tú
dậu.

Dậu tài dậu say,
dậu quay dậu
phèng

Hầy nị cô cá-
sượng, dậu mắt
dễ phô mặt nể?

Dậu chấm, sìn,
ngạn keng, mìn
keng coọc chủng?

Cô cán chấp - phô
phủ tú suin hầy
hầu tài cán kê.

Khự pàn dường
phô tổ.

Cửa hàng này mở
đã lâu rồi phải
không?

Mở từ năm ngoái.
Bán cất ra những
thứ hàng gì?

Chúng tôi phần
nhiều bán lẻ.

Ông bán chịu
không?

Những khách mua
hàng có tiền trả
ông không?

Có nhiều món nợ
tôi chưa thể thu
được.

Ông có mũ bán
không?

Thứ mũ gì cũng
có.

Có nhón có nhỏ.
có đắt có rẻ.

Ở trên dả hàng kia,
có những thứ
hàng gì?

Có kim, chỉ, kính,
gương soi vắn
vắn.

Cửa hàng tạp hóa
này cũng kể là
một cửa hàng to
lắm.

Nó buôn phần nhiều
những hàng tây.

個 間 鋪 都 靠 得
住 嘅

Cô cán phủ tú
khảo tặc chùy
kê.

Cửa hàng này
cũng có thể tin
được

BÀI THỨ 16

問 字 HỎI VỀ CHỮ NGHĨA

書 字 筆 墨 鉛 字 一 一 一 呢 唔 紅
筆 典 本 部 枝 件 懂 毛
書 書 筆
話
英 話 大 聲 嘈
得 吓 吓
呢 件 係 乜 野
個 部 係 書
點 解 話 個 部
係 唐 人 講 書 話
一 部

Suý
Chì
Pất
Mặc
Duìn pất
Chì tìn
Dắt pủn suý
» pủ »
Dắt chí pất
Ni kìn
Ầm tổng
Hòng-mào và
(u-oà)
Ding và (u-oà)
Tài sêng
Cầm sâu

Ki tặc
Sưởng hạ
Si hạ
Ni kìn hay mất đề?
Cô pủ hay suý.
Tìm cái u-oà cô
pủ?
Hay, thông dân
công suý u-oà
dắt pủ.

Sách
Chữ
Bút
Mực
Bút chì
Tự điển
Một quyển sách
» bộ »
» quản bút
Cái này
Không hiểu
Tiếng Ảng-lê

» »
» to
Làm âm lên như
vậy.
Nhớ được
Nghĩ lại
Đề thông thả
Cái này là cái gì?
Bộ này là bộ sách.
Làm sao lại gọi là
bộ?
Phải, người Tàu
nói sách thì gọi
là một bộ.

中國人好多
書,係唔係呀

係,好多書,唔知
幾多

書多過人嗎

我估係呀,但係
有數過

個部係乜野書
呢
呢部係學英話
嘅書

俾我睇吓
好呵,請先生睇

呢的係乜野,我
唔曉睇

個的係字
呢個係乜野字
呢

個個係要字

要字點解

你有個的野又
想得到,叫做
要

Chúng quốc dân
dầu hầu tổ suý,
hày âm hày a.

Hày, hầu tổ suý,
âm chí kỷ tổ,

Suý tổ quô dân
má?

Ngô củ hày a, tàn
hày mậu sô quô.

Cô pù hày mắt dễ
suý nể?

Ní pù hày hoọc
dìng u-oà kê suý.

Pỉ ngô thầy hạ.
Hầu a, sỉnh sỉnh
sáng thầy

Ní tí hày mắt dễ.
ngô âm hiểu
thầy.

Cô tí hày chì?
Ní cô hày mắt dễ
chì nể

Cổ cô hày diu chì.

Diu chì tìm cái?

Nị mậu cô tí dễ,
dầu sưởng tắc
tâu, kiu chủ diu.

Người Tàu có
nhiều sách vở,
có phải vậy
không?

Phải, nhiều sách
lắm, không biết
bao nhiêu mà
kể.

Sách nhiều hơn
người phải
không?

Tôi tưởng như vậy
nhưng tôi chưa
đếm qua.

Bộ này là sách gì
vậy?

Bộ này là sách
học nói tiếng
Ăng-lê.

Cho tôi xem nào.
Tốt lắm, mời ông
xem.

Cái này là cái gì?
tôi không hiểu
được.

Cái này là chữ.
Chữ này là chữ gì?

Chữ này là chữ
“muốn” (yếu).

Chữ “muốn” (yếu)
nghĩa là gì?

Ông không có cái
thứ ấy. lại tưởng
cho có gọi là
“muốn” có.

Bách chiết ○ 折. Trăm lần gãy. Nhiều nỗi gian khổ : *Đời những kẻ thiên ma bách chiết* (Cung-oán). *Tous les malheurs.*

Bách chu niên ○ 週年. Đầy một trăm năm, thường nói về lễ kỷ-niệm năm thứ một trăm sau khi một việc gì xảy ra : Năm 1922, ở nước Pháp, có làm lễ kỷ-niệm bách chu niên ông Pasteur. *Centenaire.*

Bách kế ○ 計. Trăm chước, dùng đủ các cách : *Việc ấy tôi xoay thiên phương bách kế cũng không xong.* *Tous les moyens possibles.*

Bách khoa tự-điển ○ 科字典. Sách tự-điển giải-thích đủ cả về các khoa học : *Muốn thiếp-liệp về các khoa học, phải có một quyển bách khoa tự-điển.* *Encyclopédie.*

Bách linh ○ 靈. Các hồn người chết : *Tế bách linh.* *Les âmes des morts.*

Bách mẫu tư-điền ○ 畝私田. Nói về nhà giàu, có hàng trăm mẫu ruộng tư : *Gặp năm mất mùa thì những nhà bách mẫu tư-điền cũng túng bấn.* *Se dit des familles riches qui possèdent une centaine de mẫu de rizières.*

Bách niên giai lão ○ 年皆老. Cùng nhau hòa hợp sống lâu đến một trăm tuổi : *Người ta thường chúc hai vợ chồng mới cưới được bách niên giai lão.* *Rester unis et vivre ensemble jusqu'à cent ans* (vœux adressés aux nouveaux mariés).

Bách nghệ ○ 藝. Cũng như bách công. *Voir bách công.*

Bách nhật ○ 日. Trăm ngày. Lễ trăm ngày sau ngày chết, tức là tuần tốt khóc (thôi khóc) : *Theo tang-lễ, người mất được ba tháng mười ngày thì làm lễ bách nhật.* *Le 100^e jour après le décès de quelqu'un.*

Bách tính ○ 姓. Trăm họ. Tiếng nói chung cả các người dân trong nước : *Sum vầy bách tính âu ca* (ca-dao). *La population, les habitants.* || Tiếng chỉ riêng các nhà thường dân đối với hoàng-tộc, quý-phái : *Ông này xuất thân là con nhà bách tính mà làm nên quan to.* *Le peuple par opposition à la noblesse.*

Bách tuế ○ 歲. Trăm tuổi : *Bách tuế chi hậu* (Sau khi trăm tuổi, tức là sau khi chết). *Nhân sinh dĩ bách tuế vi kỳ* (Đời người lấy trăm năm làm hạn). *Cent ans.*

Bách thần ○ 神. Trăm vị thần. Nói chung các vị thần : *Vua làm chủ bách thần.* *Tous les génies.*

Bách thú ○ 獸. Trăm giống thú. Nói chung các loài thú : Ở thành Paris bên Pháp có một vườn bách thú. *Les animaux.*

Bách 迫

Bách ○. Ngặt, cần kíp, bắt ép : Việc bách lắm, không thể chậm được. Nó bách tôi phải làm việc ấy. *Urgent, pressé ; forcer.*

Bách hiếp ○ 脅. Dùng võ-lực mà cưỡng bách : Việc ấy tôi bị bách hiếp phải làm. *Forcer, contraindre.*

Bạch 白

Bạch ○. Trắng : Trắng bạch. *Blanc.* || Trong sạch : Trinh bạch. *Pur.* || Rõ ràng : Minh bạch. *Clair.*

Bạch câu ○ 駒. Con ngựa trắng, thường dùng để nói bóng mặt trời đi nhanh, thì giờ đi mau như bóng con ngựa chạy qua khe cửa. Bối câu « Bạch câu quá khích » (con ngựa trắng qua khe cửa) : *Bóng bạch câu coi nửa phút như không* (Văn-tế trần vong tương-sĩ). *Lit. Le cheval blanc. Fig. Le temps qui passe vite* (Allusion à une phrase chinoise : Le temps passe comme l'ombre d'un « cheval blanc à travers l'interstice d'une porte »).

Bạch chủng ○ 種. Giống trắng : Phần nhiều người Âu-châu thuộc về bạch chủng. *Race blanche.*

Bạch diện ○ 面. Nghĩa đen là mặt trắng. Nói người học-trò, người có văn-học : *Bạch diện hồng nhan cùng sổ kiếp* (câu hát). *Lit. Visage blanc. Fig. Etudiant, lettré.*

Bạch đình ○ 丁. Chân trắng ; người thường dân, không có khoa mục, chức tước : *Trong một làng có hạng chức-sắc, có hạng bạch đình.* *Simple habitant, dépourvu de tout titre, de tout grade.*

Bạch đoạt ○ 奪. Ăn cướp giữa ban ngày rõ ràng : *Quán này tảo tợn thật, giữa ban ngày dám bạch đoạt của người ta !* *Piller en plein jour.*

Bạch kim ○ 金. Tên một loài kim, sắc trắng : *Chất bạch kim quý giá hơn vàng bạc.* *Platine.*

Bạch lãng ○ 浪. (Chính chữ đọc là bạch lãng). Sóng trắng, thường dùng để nói về nước ngập trắng xóa : *Cánh đồng này bị lụt, trông toàn một màu bạch lãng cả.* *Entièrement inondé. (Lit. Flots blancs).*

Bạch nhật ○ 日. Sáng rõ : *Ngủ đến bạch nhật mà chưa dậy.*
Plein jour.

Bạch ốc ○ 屋. Nhà thường dân : *Bạch ốc phát công khanh*
(nhà thường dân mà làm nên công khanh). Famille humble.

Bạch phát ○ 髮. Tóc trắng, tóc bạc ; chỉ người già : *Mà bạch phát hồng-nhan chừng ái ngại* (hát nói). Cheveux blancs. Vieillard.

Bạch thoại ○ 話. Tiếng nói thường. Thường chỉ tiếng nói thường của người Tàu : *Các báo chí Tàu ngày nay thường viết theo thể bạch thoại.* Langue populaire, vulgaire. Spéc. Le chinois vulgaire par opposition au chinois littéraire, classique.

Bạch thủ ○ 手. Tay trắng, tay không : *Bạch thủ thành gia*
(tay trắng làm nên). Les mains vides. Dépourvu de toute ressource.

Bái 拜

Bái ○. Lễ, lạy, tỏ cách cung kính : *Cúc cung bái.* Faire des salutations, des prosternations ; témoigner son profond respect.

Bái ân ○ 恩. Tạ ơn một cách cung kính : *Tôi xin đến bái ân ngài.* Remercier respectueusement d'un bienfait.

Bái biệt ○ 別. Lạy mà từ biệt : *Người học-trò trước khi đi thi đến bái biệt thầy.* Faire respectueusement ses adieux.

Bái đường ○ 堂. Một cái nhà ở liền trước nhà thờ để tiện việc lễ bái : *Cái bái đường họ tôi rộng mà cao.* Bâtiment antérieur (à une maison de culte) pour les sacrifices.

Bái hạ ○ 賀. Lạy mừng : *Câu đối mừng người trên dùng chữ « bái hạ » để lạc khoản.* Présenter respectueusement ses compliments.

Bái khắp ○ 泣. Lạy mà khóc : *Câu đối viếng thân thích về bề trên dùng chữ « bái khắp » để lạc khoản.* Présenter ses respectueuses condoléances.

Bái mạng (mệnh) ○ 命. Lạy vua mà vâng mệnh sai đi : *Quan khâm-sai vào bái mạng nhà vua trước khi đi.* Se dit d'un mandarin qui vient saluer son souverain avant d'aller remplir la mission à lui confiée.

Bái tạ ○ 謝. Lạy tạ. Tạ ơn một cách rất cung-kính : *Tôi xin bái tạ ngài đã giúp tôi việc ấy.* Remercier respectueusement.

Bái tổ ○ 祖. Làm lễ tế tổ-tiên khi đi thi đỗ hay khi được phẩm-tước : *Rước vinh qui về nhà bái tổ. Célébrer une cérémonie en l'honneur des ancêtres* (à l'occasion de l'obtention d'un titre universitaire ou d'un grade de mandarinat).

Bái tướng ○ 將. Dùng làm tướng : *Đăng đàn bái tướng. Elever à la dignité de ministre.*

Bái vãn ○ 挽. Lạy mà viếng : *Câu đối viếng người bề trên dùng chữ « bái vãn » để lạc khoản. Présenter respectueusement ses condoléances.*

Bái vọng ○ 望. Trông xa mà lạy : *Khi nhà vua đi qua đâu, dân bày hương-án ở bên đường để bái vọng. Saluer au passage du roi ou d'un grand personnage.*

Bái yết ○ 謁. Lạy mà ra mắt ai : *Một ông quan vào bái yết nhà vua. Se présenter respectueusement à qq. n.*

Bài 排

Bài ○. Bài : *Bài trí. Disposer, arranger.* || Chê bai ; đuổi trừ : *Bài bác, bài trừ. Critiquer, chasser.*

Bài bác ○ 駁. Chê bai : *Ta không nên bài bác lẫn nhau. Critiquer, dénigrer.*

Bài ban ○ 班. Đứng thành hàng có thứ-tự để chầu vua hoặc để tế thần : *Các quan viên bài ban để tế thần. Se mettre en rang en vue d'une cérémonie.*

Bài ngoại ○ 外. Phản-đối chống cự người ngoài : *Chánh-phủ nước này theo chủ-nghĩa bài ngoại. Xénophobie.*

Bài tiết ○ 泄. (Tiếng sinh-lý học) Khu-trục những chất độc ra ngoài thân-thể : *Mồ-hôi và nước tiểu là những chất ở trong người bài tiết ra ngoài. Excréer, excrétion.*

Bài trận ○ 陣. Dàn quân để đánh trận : *Ông tướng này có tài bài trận giỏi. Disposer les troupes en vue d'une bataille.*

Bài trí ○ 置. Bày đặt có thứ-tự : *Cách bài trí phòng này có vẻ mỹ-quan. Disposer, arranger, ordonner.*

Bài trừ ○ 除. Làm cho mất đi : *Ta nên bài-trừ cái lục mê-tin ấy. Débarrasser, faire disparaître.*

Bài xích ○ 斥. Chê bai, duồng bỏ : *Cái mỗi dị-doan này cần phải bài xích đi mới được.* Rejeter, bannir.

Bài 牌

Bài ○. Thẻ hoặc bằng làm bằng ngà, hoặc bằng giấy, hoặc bằng gỗ, để viết hoặc khắc chữ vào đấy : *Bài ngà của các quan. Quân bài tở-tôm. Thẻ bài ở các nha môn.* Plaque ; tablette ; carte à jouer.

Bài chỉ ○ 紙. Giấy kê rõ số tiền thuế các làng phải nộp : *Mỗi năm trước kỳ nộp thuế, nhà nước gửi bài chỉ về các làng để dân làng bỏ thuế.* Mandat de versement.

Bài vị ○ 位. Một miếng gỗ trên có đề tên hiệu, chức tước, ngày sinh ngày tử người chết để thờ. Cũng gọi là « thần-chủ » : *Trên ban thờ, đặt bài-vị tở-tiên.* Tablette des ancêtres.

Bãi 罷

Bãi ○. Thôi, nghỉ ; bỏ đi : *Chánh-phủ hạ lệnh bãi đạo luật ấy.* Cesser, abroger, licencier.

Bãi binh ○ 兵. Thôi không tiến quân, không đánh nhau : *Hai nước đã ký hòa-ước, bèn hạ lệnh bãi binh.* Cesser les hostilités.

Bãi công ○ 工. Bỏ việc không làm nữa. Nói về thợ thuyền một công-xưởng đồng-tình bỏ việc không làm : *Bọn thợ nhà máy này bãi công.* Grève ouvrière.

Bãi chức ○ 職. Thôi không cho làm quan nữa : *Ông Mỗ vì sức yếu bị bãi chức.* Licencier d'une fonction.

Bãi dịch ○ 役. Không cho làm việc nữa : *Người này vì không đủ tài-lực bị bãi dịch.* Licencier d'un emploi.

Bãi khóa ○ 課. Bỏ học. Nói về học-trò một trường đồng-tình bỏ học : *Bọn học-trò bãi khóa này bị phạt nặng.* Grève scolaire.

Bãi tịch ○ 席. Tan tiệc, nói tiệc đã xong mọi người giải-tán : *Mãi đến quá nửa đêm mới bãi tịch.* Se séparer à la fin d'un festin.

Bãi triều ○ 朝. Tan buổi chầu : *Sau khi bãi triều, các quan đều giải-lán.* Lever l'audience.

Bãi trường ○ 場. Nghỉ học trong một hạn nhất-dịnh như nghỉ hè : *Sau kỳ bãi trường, các học-sinh lại lấp-nạp đi học. Vacances scolaires.*

Bại 敗

Bại ○. Hư hỏng : *Bại sự. Echouer.* || Đau, liệt : *Bại hông, bại chân. Paralyser.* || Thua : *Bại trận. Etre vaincu, défait.*

Bại-hoại ○ 壞. Làm hư hỏng, tồi tàn : *Thật là một việc bại-hoại phong-hóa. Corrompre, pervertir.*

Bại-lộ ○ 露. Vỡ lở. Nói về một việc định giữ kín mà bị vỡ lở ra : *Tung-tích người ấy đã bại-lộ, khó mà lừa dối được người ta nữa. Etre dévoilé, révélé.*

Bại sản ○ 產. Phá hết cơ-nghiệp, của cải : *Cứ cái cách ăn chơi phung phí của người này, thì chẳng bao lâu mà đến bại sản. — Những người có máu mê cờ bạc, chẳng trước thì sau, rồi cũng đến khuynh gia bại sản. Dépenser tous ses biens ; se ruiner complètement.*

Bại vong ○ 忘. Bị thua mà mất : *Dân Chiêm-thành đánh nhau với ta kể hàng mấy trăm năm, khi thua, khi được, kết cục lại đến phải bại vong. Etre vaincu et détruit.*

Ban 頒

Ban ○. Cấp cho, phát cho : *Ban mũ áo, ban chức tước, ban yến, ban ăn (on). Donner, décerner, accorder.* || Công bố cho dân chúng biết : *Ban chỉ, ban luật. Publier, promulguer.*

Ban bố ○ 布. Tuyên bố ra khắp mọi nơi : *Đạo chỉ-dụ của nhà vua đã ban bố cho dân chúng được biết. Publier (un édit, une ordonnance).*

Ban hành ○ 行. Tuyên bố để thi-hành : *Bộ dân-luật mới đã ban hành ở xứ Bắc-kỳ. Promulguer (une loi, un code).*

Ban phát ○ 發. Cấp phát cho : *Nhà nước đã ban phát tiền gạo cho những kẻ bị nạn. Distribuer.*

Ban thưởng ○ 賞. Phát cho để thưởng công : *Gặp những khi có khánh-liết, nhà vua thường ban thưởng cho các quan. Décerner une récompense.*

Ban 班

Ban ○. Hàng, bậc : *Ban tả, ban hữu. Ban văn, ban võ. Ordre, catégorie.* || Một bộ-phận trong một hội-đồng hoặc nghị-viện chuyên coi về việc gì : *Ban trị-sự, ban kiểm-sát, ban tài-chánh ở Hạ-ng nghị-viện, ban thường-trực hội-đồng chánh-phủ. Comité, commission, sous - commission.*

Ban trưởng ○ 長. Người đứng đầu trong một ban : Ông Mô được bầu làm ban-trưởng ban xét việc điền-thổ. *Président d'un comité, d'une sous-commission.*

Bán 半

Bán ○. Một nửa. *Moitié.*

Bán ẩn bán hiện ○ 隱半見. Một nửa mờ, một nửa rõ, trông không rõ cả : Cái hình ấy khuất trong đám cây, bán ẩn bán hiện, trông không thấy rõ. *Apparaître vaguement.*

Bán cầu ○ 球. Nửa phần địa-cầu : Trái đất chia làm hai bán-cầu là Bắc-bán-cầu và Nam-bán-cầu. *Hémisphère.*

Bán đảo ○ 島. Dải đất ba mặt giáp biển, chỉ có một mặt dính với đất liền : Xứ Đông-Pháp là một cái bán-đảo. *Presqu'île, péninsule.*

Bán đồ ○ 途. Nửa đường : Bán đồ nhi phế (Nửa đường mà bỏ : ý nói làm việc gì đến nửa chừng lại bỏ). *À mi-chemin.*

Bán kính ○ 徑. Nửa đường kính, tức là đường từ trung-tâm hình tròn ra đến chu-vi : Muốn tìm bề mặt một hình tròn, phải lấy bán-kính nhân với chu-vi rồi chia làm hai. *Rayon d'un cercle.*

Bán khai ○ 開. Mở mang được một nửa. Nói về trình-độ tiến-hóa của một dân, một nước hãy còn dở dang, chưa được văn-minh hẳn : Dân-tộc này hãy còn ở thời-kỳ bán-khai. *Demi-civilisé.*

Bán nguyệt ○ 月. Hình nửa mặt trăng : Trước đình làng tôi có cái hồ bán nguyệt. *Demi-cercle.*

Bán sinh bán thực ○ 生半熟. Nửa sống nửa chín : Trứng gà ăn bán sinh bán thực mới bổ. *Moitié cuit, moitié cru.*

Bán tín bán nghi ○ 信半疑. Nửa tin nửa ngờ : Việc ấy tôi nghe người ta nói thế nhưng mắt chưa trông thấy, nên tôi vẫn bán tín bán nghi. Croire à demi ; rester indécis.

Bán thân ○ 身. Nửa người : Pho tượng bán thân. Buste.

Bán thân bất toại ○ 身不遂. Liệt một nửa mình, không vận-động được : Người này bán thân bất toại đã mấy năm nay. Hémiplégie ou hémiplexie.

Bàn 盤

Bàn hoàn ○ 桓. Bàn khoăn, quanh quẩn, không dứt được : Nỗi riêng riêng những bàn hoàn (Kiều). Tourmenté sans cesse.

Bàn 磐

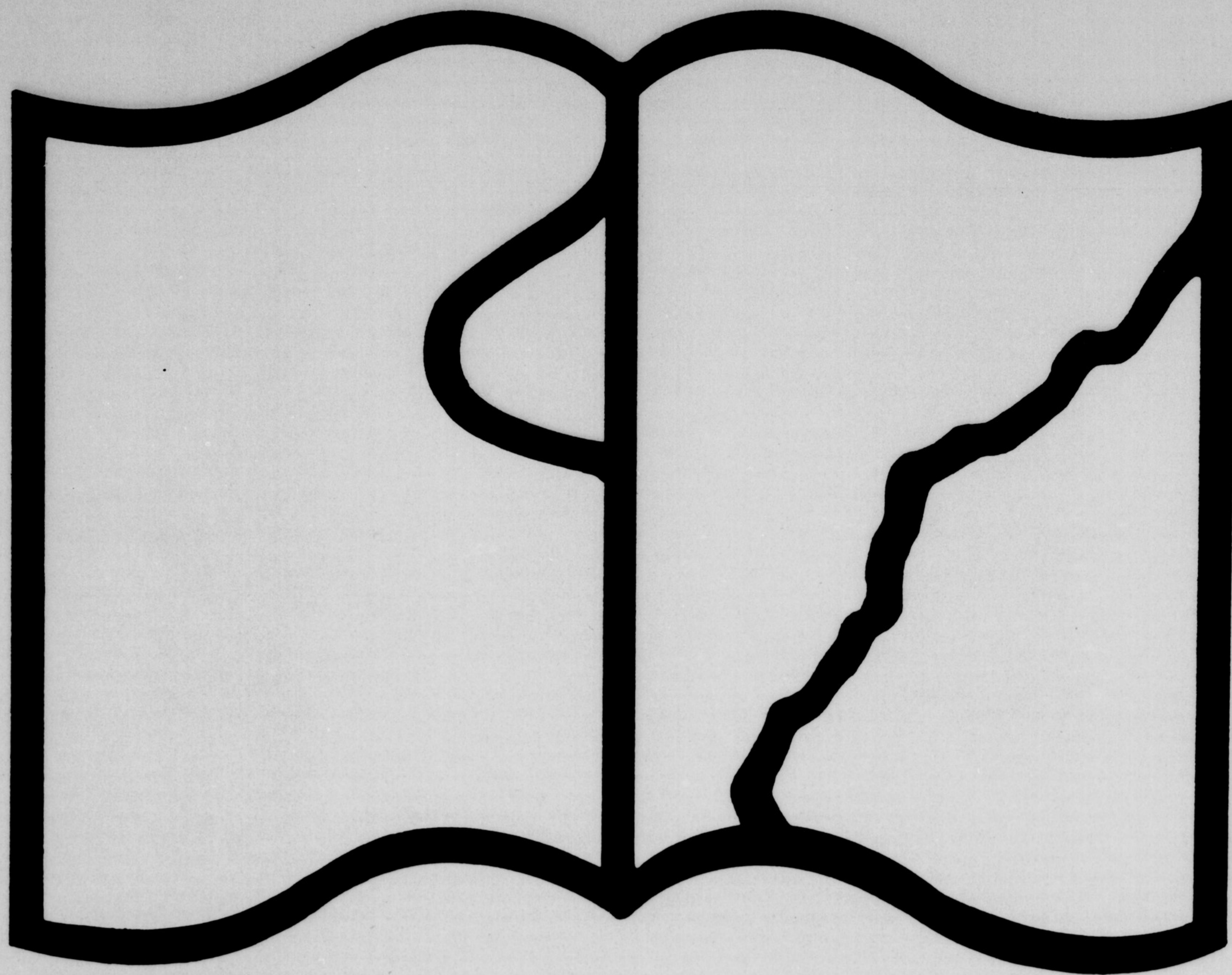
Bàn thạch ○ 石. Đá nguyên tảng : Vững như bàn thạch. Bloc de pierre.

Bản 本

Bản ○. Gốc cây, gốc đầu mọi việc : Căn bản (rễ và gốc), bản chất. Racine. Primordial. || Thuộc về phần mình : Bản quốc, bản xã. Se rapporte à soi-même. || Tiền vốn : Nhất bản vạn lợi (một vốn muôn lời). Bản tức tức số (vốn lãi đủ số). Capital. || Cung, khúc, bài : Bản đàn, bản hát, bản cửu chương. Morceau (de musique, de chant) ; Table (de multiplication, etc.). || Tờ, tập : Bản thảo, bản chánh, bản sao, biên bản. Pièce, exemplaire, copie.

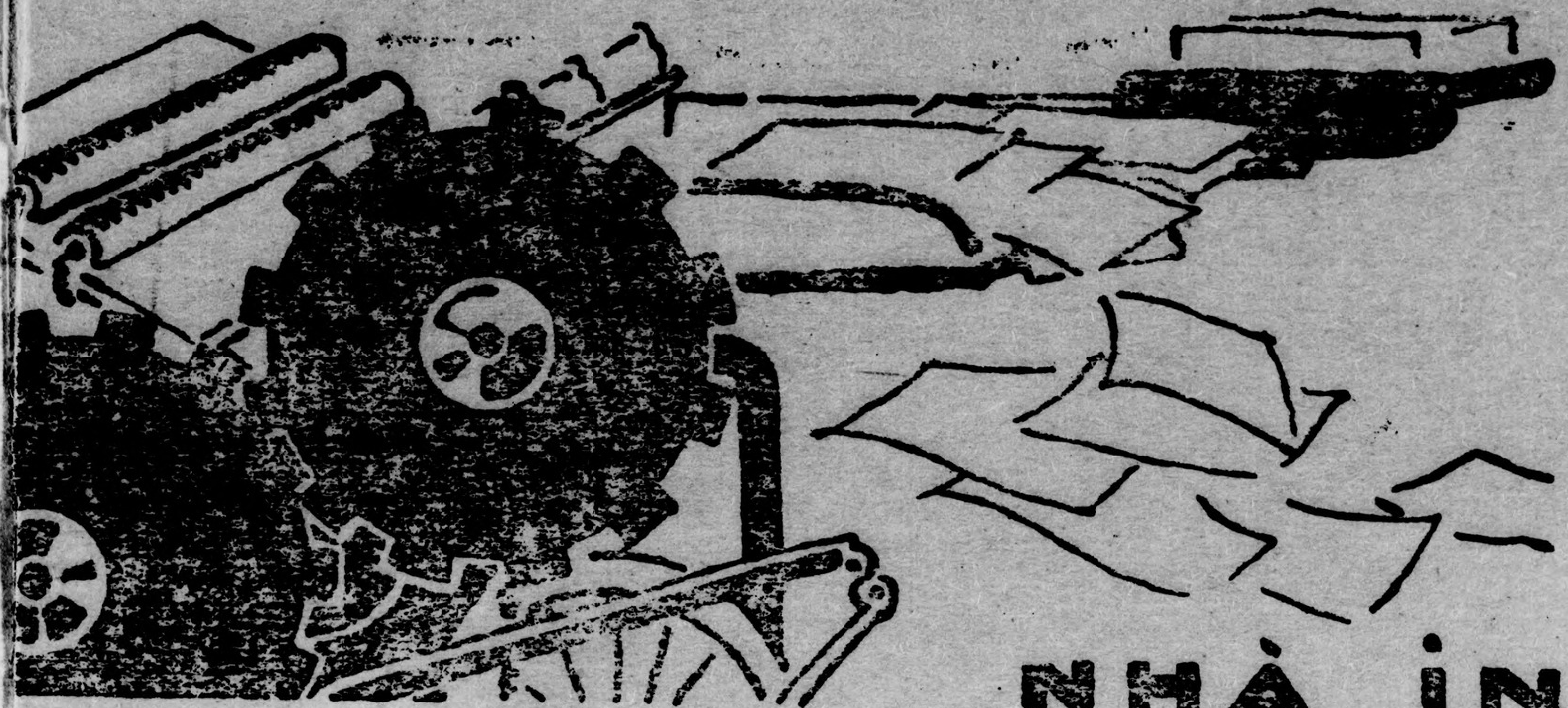
Bản chức ○ 職. Tiếng ông quan dùng để tự xưng với nhân dân : Bản chức đến cai-trị hạt này. Expression par laquelle un mandarin se désigne lui-même en s'adressant à ses administrés.

Bản ý ○ 意. Ý ban đầu : Việc ấy xảy ra như thế là tại ở đầu chứ cái bản ý tôi không muốn thế. Intention première.



Texte détérioré — reliure défectueuse

NF Z 43-120-11



ĐÔNG - TÂY

3, phố hàng Bông Hanoi, do ông Dương-Tự-Quán chủ trương, mở đã 4 năm nay, được quốc dân hết lòng tin nhiệm vì in nhanh, cẩn thận, giá lại rẻ.

Hotel

TAM-KY

KHÁCH LẦU

Nº 7 à 27 ROULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MỀ VÀ SẠCH SẼ



CHỦ NHƠN: Huỳnh-huệ-Ký

THUỐC LẬU SÔ 3

1\$50



78
HÀNG BÔNG
HANOI

TU NGOC LIEN

Mới xuất bản

NÔNG-LÂM HÓA-HỌC

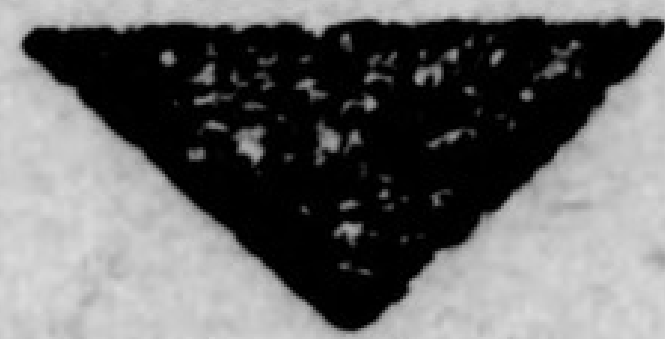
KỸ NGHỆ

MỘT CUỐN SÁCH DẠY NGHỀ RẤT THIẾT DỤNG
— AI AI CŨNG CẦN PHẢI CÓ —



Trong có những mục :

cách làm đường, cách ép dầu (dầu dừa, dầu thầu dầu) cách làm
sà-phòng (sà phòng trắng, sà phòng rửa mặt) — cách làm nển.
Nghề nhuộm : cách dệt và đánh trắng vải bông — cách
chui tơ — cách dệt vải bông — cách dệt tơ nhân tạo.
Thuốc nhuộm (tính chất các phẩm nhuộm, thuốc cầm màu).
Cách nhuộm vào vải bông, tơ, len. Nhuộm thâm — Nhuộm vải tây
đỏ — Hồ vải — Những điều phải biết trước khi tẩy vết bẩn ;
cách đánh các vết bẩn dây vào những hàng nhuộm mùi v.v.



Sách dày non 90 trang — Giá bán thực rẻ : 0\$20

Mua một quyền gửi bằng timbres postes cũng được

CHO : ĐÔNG-TÂY ÁN QUÁN 193, PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI

thêm tiền cước thường 0\$06